

TRƯỜNG QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

Luận văn Cốt nghiệp

**SỰ KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG
DƯỚI SẮC LỤAT 060/SLU**

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LVHC 390

THƯ VIỆN QUỐC GIA

VIỆT NAM

Số 0390

GIÁO SƯ HƯỚNG DẪN

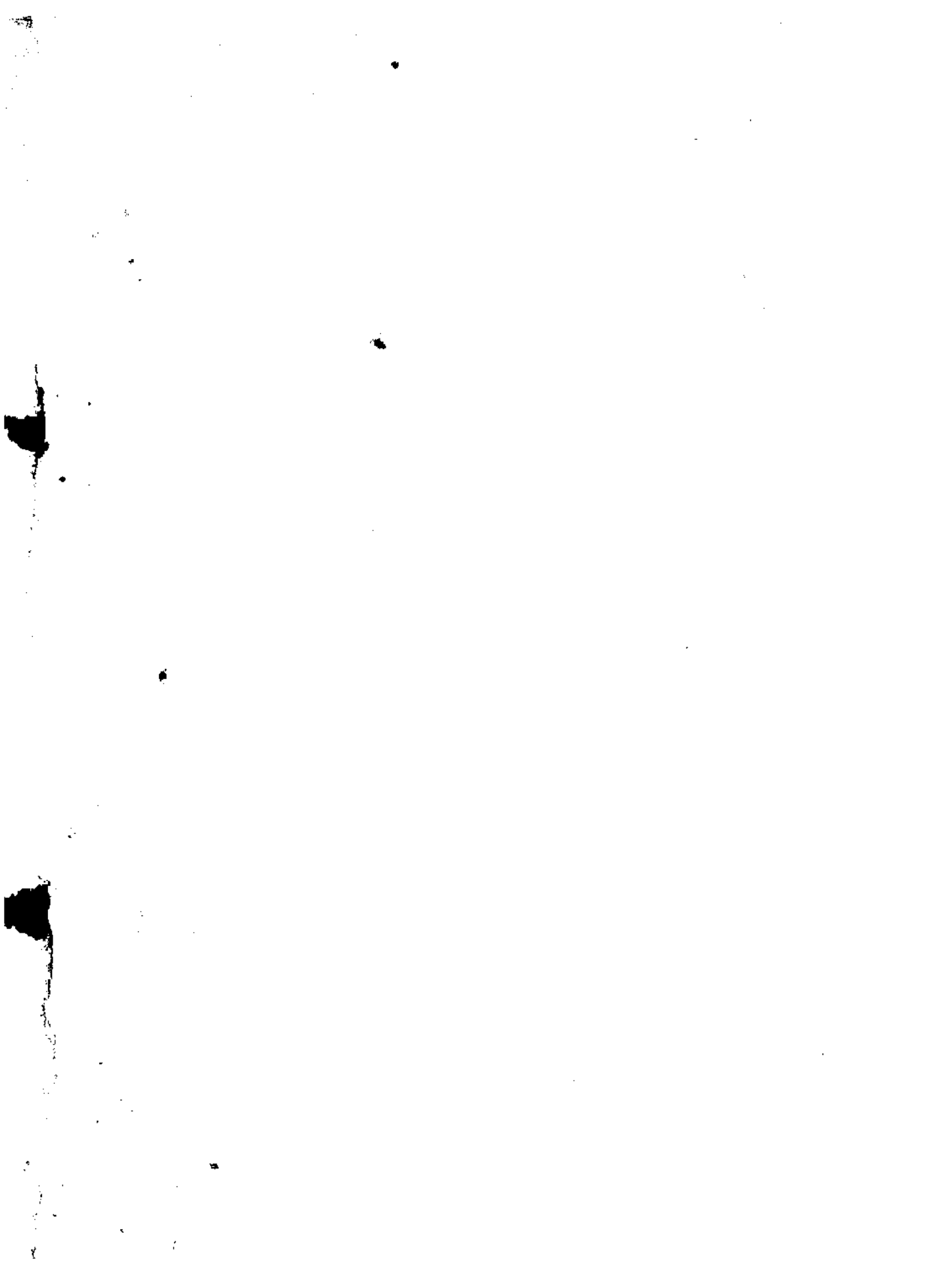
Hoàng - xuân - Hào

TIẾN SỸ LUẬT KHOA

SINH VIÊN TRẦN MINH QUANG

BAN ĐỐC SỰ KHÓA 19

1971 - 1974



TRƯỜNG QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

Không tán-thành cũng không phản-đối những ý-kiến
phát-biểu trong Luận-văn. Những ý kiến do đó Tác-
giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm.

THÀNH KÍNH TRI ÂN

GIÁO SƯ

HOÀNG XUÂN HẢO

TIẾN SĨ LUẬT KHOA

NGHỊ SĨ CHỦ-TỊCH ỦY-BAN TƯ-PHÁP ĐỊNH CHẾ

THƯỢNG NGHỊ VIỆN

ĐÃ TẬN TÌNH HƯỚNG DẪN CHÚNG TÔI

HOÀN THÀNH LUẬN VĂN NÀY.

THÀNH KÍNH NHỚ ON

CỔ GIÁO SƯ VIỆN TRƯỞNG NGUYỄN-VAN-BÔNG

GIÁO SƯ VIỆN-TRƯỞNG

GIÁO SƯ PHÓ VIỆN-TRƯỞNG

QUÝ VỊ GIÁO SƯ TRONG BAN GIẢNG HUẤN

Đã tận tình hướng dẫn chúng tôi
trong suốt học trình 1971-1974

MỤC LỤC

<u>DẪN NHẬP</u>	1
<u>PHẦN THỨ NHẤT</u> <u>TỔNG QUÁT VỀ SỰ KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG TẠI VN.</u>	
<u>CHƯƠNG THỨ I</u> : <u>SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG</u>	5
TIẾT 1 : NHU CẦU ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ VỚI CỘNG-SẢN	5
Mục 1 : Bối cảnh pháp lý (đưa đến việc ban hành SL.060)	6
Mục 2 : Thực tại chính trị.	
TIẾT 2 : NHỮNG THẤT BẠI TRONG VIỆC KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG TRƯỚC NGÀY BAN HÀNH SL.060.	9
Mục 1 : Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã-Hội	9
Mục 2 : Các nỗ lực tập hợp sau khi Cộng-Sản tấn công tháng 3/72	15
<u>CHƯƠNG II</u> : <u>PHÂN TÍCH SẮC LUẬT 060</u>	17
TIẾT 1 : NHỮNG TƯ CHÍNH CĂN BẢN	17
Mục 1 : Quy định về số lượng cơ cấu tổ chức	17
Mục 2 : Quy định phải hủy thế khi liên minh	19
Mục 3 : Ràng buộc chính đảng phải tham gia vào các bầu cử có tầm mức Quốc-Gia	20
Mục 4 : Quy định chính đảng được độc quyền đề cử các ứng cử viên.	22
TIẾT 2 : NHẬN ĐỊNH VỀ QUY CHẾ CHÍNH ĐẢNG THEO SỰ QUY ĐỊNH CỦA SL.060	26
Mục 1 : Các phản ứng về việc ban hành SL.060	26
1) Quan điểm của Quốc Hội	
2) Quan điểm của Dự luận quần chúng	
3) Quan điểm của ĐẢNG DÂN CHỦ	

4) Quan điểm của các Đảng Đối Lập

MỤC 2: NHỮNG KHỚ KHAN TRONG LÚC ÁP DỤNG SL.060	35
<u>CHƯƠNG III : NHỮNG TRỞ LỰC CHO VIỆC KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG</u>	38
TIẾT 1 : TRỞ LỰC NỘI BỘ	38
Mục 1 : Tình trạng phân hóa nội bộ	38
Mục 2 : Khiếm khuyết trong vấn đề tổ-chức	38
Mục 3 : Thiếu thốn các phương tiện hoạt động	39
TIẾT 2 : TRỞ LỰC NGOẠI TẠI	39
Mục 1 : Trở ngại pháp lý	39
Mục 2 : Tùy thuộc chính sách của nhà cầm quyền	40
Mục 3 : Sự thờ ơ lãnh đạm của quần chúng	40
TIẾT 3 : CON ĐƯỜNG KHÁC PHỤC TRỞ LỰC	41
Mục 1 : Những đóng góp của chính quyền	41
Mục 2 : Sự cải tổ về phía chính đảng	43
<u>PHẦN THỨ HAI : VẤN ĐỀ KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG THEO SẮC LUẬT 060/TT/SLU.</u>	
<u>CHƯƠNG I : LIÊN MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI.</u>	47
TIẾT 1 : QUAN NIỆM VỀ SỰ KẾT HỢP	47
TIẾT 2 : KHUNG CẢNH LÚC KHỞI SINH	48
TIẾT 3 : CÁC THÀNH VIÊN TRONG LIÊN MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI	50
TIẾT 4 : SỰ SINH HOẠT CHÍNH TRỊ	51
<u>CHƯƠNG II : ĐẢNG TƯ DO</u>	56
TIẾT 1 : QUAN NIỆM VỀ SỰ KẾT HỢP	56
TIẾT 2 : KHUNG CẢNH LÚC KHỞI SINH	57

TIẾT 3 : CÁC THÀNH VIÊN TRONG ĐẢNG TỰ DO	59
TIẾT 4 : SỰ SINH HOẠT CHÍNH TRỊ	60
<u>CHƯƠNG III CÁC CHÍNH ĐẢNG KHÁC</u>	66
TIẾT 1 : ĐẢNG DÂN CHỦ	66
TIẾT 2 : LỰC LƯỢNG DÂN CHỦ XÃ HỘI PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT VIỆT-NAM	69
TIẾT 3 : ĐẢNG CỘNG HÒA	70
<u>TỔNG L U Ậ N</u>	74

DẪN NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Mặc dù Hiệp-Định Bạ-Lê ngày 27-1-1973 đã được các phe tham chiến ký kết để chấm dứt chiến-tranh, vấn hồi hòa-bình cho Miền Nam Việt-Nam, nhưng nền hòa-bình thực sự hãy còn xa vời. Tình-trạng phi hòa, phi chiến đã khiến biết bao nỗ lực tái thiết xứ sở vẫn chưa khởi sự được.

Nhân dân Việt-Nam Cộng-Hòa hiện đang đứng trước cả 3 mặt trận cùng một lúc. - Mặt trận chính-trị
- Mặt trận kinh-tế
- Mặt trận quân-sự.

Trong đó, mặt trận chính-trị chi phối tất cả, chính đảng là dụng cụ ưu thế nhất để đối phó với chiến-tranh toàn diện của Cộng-sản.

Nhà lập pháp năm 1969 đã nhận thức tầm quan-trọng của hệ thống chính đảng, thấu hiểu tình cảnh khó khăn của hệ-thống đa đảng của Việt-Nam, nên đã quy-định một cách rộng-rãi sự thành-lập chính-đảng, mong rằng với thời-gian các chính-đảng được thành-lập có lập-trường gần giống nhau, qua nhiều cơ-hội sinh-hoạt chung, sẽ liên-minh với nhau để tiến đến những khối chính đảng lớn bảo-đảm cho sinh-hoạt chính-trị của Quốc-gia được vững bền.

Vào những tháng cuối năm 1972, tình-hình chính-trị Quốc-gia đã có nhiều dấu hiệu sắp có những biến chuyển trọng đại, mà các chính đảng quốc-gia vẫn chưa thể ngồi lại với nhau thành những lực lượng vững mạnh. Kinh-nghiệm quá khứ cho thấy, chính vì các chính-đảng quốc-gia rời rạc không cùng chủ-trương, đường lối, nên đã không đối phó hữu-hiệu với sự chuyển mình của đất nước.

Sau bao nỗ lực kết hợp chính đảng đều thất bại, chính-quyền đã tìm cách quy-định lại một số điều-kiện về sự thành-lập chính-đảng với ý-định là khung-cảnh pháp-lý và hoàn-cảnh thực tại chính-trị Việt-Nam sẽ là vật xúc tác để các chính đảng kết hợp lại hầu đối phó hữu hiệu với Cộng-sản.

Hệ thống chính đảng là rường cột của sinh hoạt chính trị quốc gia. Một quốc gia khó có thể phát triển mau lẹ nếu không có được một nền chính trị ổn định và một hệ thống chính đảng hữu hiệu. Thế nào là một hệ thống chính đảng hữu hiệu cho Việt Nam? Hệ thống chính đảng hữu hiệu là hệ thống chính đảng mà trong đó - không độc đảng nhưng không quá phân tán và - chính đảng phải có tầm vóc quốc gia, hoạt động liên tục và nhất là đời sống chính đảng không tùy thuộc lãnh tụ.

Với những thất bại trong việc kết hợp chính đảng, vì không thể chờ đợi lâu hơn nữa, một cách cương quyết, trong khuôn khổ luật ủy quyền 05/72, chính quyền đã ban hành SL 060-TT/SLU tạo khung cảnh pháp lý để các chính đảng phải kết hợp lại để tiến đến một hệ thống chính đảng vững mạnh :

- Đảng cầm quyền hữu hiệu, không độc đảng, độc tài
- Đồng thời các chính đảng quốc gia trong cương vị đối lập của mình cũng phải kết hợp thành những khối lớn, vừa kiểm soát, vừa kèm chế và cộng tác với chính quyền hầu bảo đảm cho sinh hoạt quốc gia được ổn định.

Nhận thức được hoàn cảnh trên, dù không hoàn toàn đồng ý về những quy định trong Sắc-Luật 060, các chính đảng có thực lực đã được hợp thức hóa theo đạo luật 09/69 cũng đã tự nguyện ngồi lại với nhau và tự tạo cho mình những điều kiện mà SL.060 đòi hỏi.

Một giai đoạn mới cho sinh hoạt chính trị ở Việt-Nam bắt đầu.

Cho đến nay, đã có một chính đảng được hợp thức hóa là đảng Dân Chủ và 4 đảng được cấp phải lai hoạt động

- ĐẢNG TỰ DO (đã tự giải tán).
- LIÊN MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI
- LỰC LƯỢNG DÂN CHỦ XÃ HỘI PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT VIỆT-NAM.
- ĐẢNG CỘNG HÒA.

Sự khảo sát trong luận văn này nhằm tìm hiểu một vài nhận xét về phương thức của nhà cầm quyền dùng các quy tắc pháp lý để

buộc các chính đảng phân tán phải kết hợp lại.

Vấn đề được đặt nặng vào sự kết hợp chính đảng trên phương diện pháp lý :

- LIÊN MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI
- ĐẢNG TỰ DO (dù đã tự giải tán)

Đảng Dân Chủ và các đảng khác được đề cập đến ít hơn.

Để đạt được mục đích trên chúng tôi mô tả tổng quát những nét chính của sự kết hợp chính đảng rồi sau đó dùng phương pháp nghiên cứu trường hợp kết hợp của hai chính đảng trên.

Bố cục sẽ gồm :

- Phần I : Tổng quát về sự kết hợp chính đảng tại VN
- Phần II: Vấn đề kết hợp chính đảng theo SL.060

Những biến cố chính trị dồn dập của lịch sử đã khiến cho các chính đảng phải có những quyết định mà hậu quả làm phân ly chính đảng, hơn nữa tính cách hoạt động bí mật của thời quá khứ không cho phép chính đảng trải rộng ảnh hưởng khắp toàn quốc.

Dưới nền Đệ II Cộng Hòa, không khí chính trị cởi mở lớn, sinh hoạt đảng phái được chính thức công nhận bởi đạo luật 9/69 ấn định quy chế chính đảng và đổi lập chính trị, nhưng hoàn cảnh kinh tế xã hội cũng như ảnh hưởng của tình trạng phân hóa trong thời quá khứ, đã khiến cho chính đảng chưa đóng trọn vai trò của mình. Vì thế nhu cầu kết hợp chính đảng trở nên thực sự tối cần-thiết cho sự ổn định chính tình quốc gia cũng như đối đầu với Cộng Sản, do đó phần này sẽ được trình bày như sau :

Chương I : Nêu rõ sự cần thiết của việc kết hợp chính đảng.

Chương II : Phân tách Sắc luật 060 để tìm hiểu nội dung - và

Chương III : Đề cập đến những trở lực trong việc kết hợp chính đảng.

PHẦN THỨ NHẤT

**TỔNG QUÁT VỀ SỰ KẾT HỢP
CHÍNH ĐẢNG TẠI VIỆT NAM**

CHƯƠNG I

SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG

Qua mọi nỗ lực kết-hợp chính đảng đều thất bại và những dấu hiệu chuyển động trên bàn hội-nghị ở Ba-Lê, đã khiến cho nhà lãnh-đạo quốc-gia quyết-tâm tạo dựng một khung cảnh pháp-lý cần-thiết, làm môi trường cho sự tập hợp những lực-lượng chính-trị rộng lớn. Do đó sắc-luật 060 ra đời làm động lực cần-thiết nhằm thúc đẩy các chính đảng quốc-gia tập hợp thành những liên-minh lớn dưới một lập-trường duy nhất, hầu có thể đối phó với mọi biến-chuyển sẽ xảy đến trong tương-lai.

TIẾT I

NHU CẦU ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ VỚI CỘNG SẢN

Dù chiến-tranh tiếp diễn, VNCH vẫn thực hiện hai trọng trách là nỗ lực xây dựng dân-chủ và đặt nền móng cho hạ tầng cơ sở để tái thiết quốc-gia. Nhiệm-vụ nặng nề đó không phải chỉ riêng có chính quyền làm là đủ, chính-quyền sẽ khó làm được việc gì nếu không có sự đóng góp của các tổ-chức quần chúng điển hình là chính đảng.

Tình hình chính-trị Miền Nam sắp bước vào giai-đoạn mới giai-đoạn đấu tranh chính-trị với Cộng-sản, do đó nhu cầu kết hợp các chính-đảng quốc-gia thật là cần-thiết, thật là cấp bách.

Trong tương-lai hai giả thuyết được đặt ra :

- Một giải-pháp chính-trị không đạt được trên bàn hội nghị và hai bên tiếp tục đánh nhau để mưu tìm một chiến thắng quân sự.

- Một giải-pháp chính-trị đạt được, MTGP chấp-nhận cuộc tổng tuyên cử để bầu lại các cơ chế Hiến-định và trở thành lực lượng chính-trị hoạt-động công khai và hợp-pháp tại Miền Nam.

Trong trường-hợp một giải-pháp chính-trị đạt được, nghĩa là MTGPMN chịu chấp-nhận tổng tuyên cử để bầu lại các cơ cấu công quyền và trở về sinh-hoạt như 1 chính đảng, thì nhu cầu tập hợp chính đảng còn cần-thiết hơn nữa. Trong trường hợp này, sự tranh đấu với Cộng-sản có nghĩa là giành dân, giành lá phiếu ủng hộ của nhân-dân.

Nếu các chính đảng quốc gia chưa thể ngồi lại với nhau thì sự thất bại chắc chắn sẽ về phía quốc gia.

Thật vậy, các đảng viên Cộng Sản rất có kỷ luật, nếu có bầu cử, họ chỉ đưa ra một ứng cử viên duy nhất cho mỗi đơn vị. Trong khi đó nếu các chính đảng quốc gia cứ tiếp tục phân hóa đưa người ra ứng cử bừa bãi đến độ lạm phát thì chắc chắn Cộng Sản sẽ chiếm được một số ghế đáng kể.

Trong tư thế đối lập, họ sẽ chẳng chừa một thủ đoạn nào để bêu xấu chính quyền, hùa làm cho nhân dân mất tin tưởng nơi nhà cầm quyền và đến kỳ bầu cử tới họ rất hy vọng chiếm được đa số. Với kỷ luật chặt chẽ, cộng thêm sự trợ giúp tích cực của hệ thống đảng Cộng Sản quốc tế, Đảng Cộng sản VN sẽ dần dần loại trừ các đảng quốc gia ra khỏi vai trò đối lập, để cuối cùng chỉ còn có Cộng Sản độc quyền đối lập.

Vì thế, sự tập hợp các chính đảng quốc gia rất cần thiết cho việc ngăn ngừa tình trạng Cộng Sản sẽ lợi dụng tư thế đối lập để phá hoại hàng ngũ quốc gia. Sự tập hợp còn cần thiết hơn nữa để quy tụ nhân dân đứng bên này giới tuyến của những người quốc gia, cô lập Cộng Sản vào thế muôn đời thiếu số và quyền lãnh đạo chính trị tại Miền Nam, vĩnh viễn trong tay những người quốc gia.

Tóm lại, dù trong bất cứ giả thuyết nào xảy ra, sự tập hợp chính đảng bắt buộc phải có, để bảo vệ chế độ Dân Chủ tự do chống lại sự xâm lăng của Cộng Sản và sự xuất hiện của một chế độ độc đoán.

MUC I .. BỐI CẢNH PHÁP LÝ (ĐƯA ĐẾN VIỆC BAN HÀNH SL.060)

Qua những năm dài bị đàn áp và kỳ thị, các chính đảng Việt-Nam mới có được cơ hội tự do phát triển dưới nền Đệ II Cộng Hòa và sinh hoạt đảng phải được chính thức định chế hóa kể từ năm 1969 với luật 9/69 ngày 19.6.1969. Trong khuôn khổ pháp lý trên các hoạt động chính trị thoát dần tính cách bí mật để hướng về khung cảnh hợp Hiến và hợp Pháp. Tuy nhiên, những sinh hoạt nghị-trường trong những năm đầu của chế độ, đã trở nên hỗn tạp, vì thiếu sự hiện diện của một hệ thống chính đảng hữu hiệu làm sợi dây liên lạc giữa Lập Pháp và Hành-Pháp. Trong sự phồng tồng, bất ổn của nền Dân-Chủ phôi thai ấy, sự sinh hoạt chính trị cũng không được nhịp nhàng vì chính

đảng chưa đóng trọn vai trò trung gian nối liền chính quyền và nhân dân.

Nhu cầu sửa đổi thực trạng đó, phải được xem là cần thiết để đặt nền móng vững vàng cho công cuộc xây dựng dân chủ và nhất là để Quốc gia đủ sức tranh thắng với Cộng-Sản trong một cuộc đấu tranh chính trị trực diện và công khai.

Tình trạng phân hóa của các cơ cấu xã hội sau những năm dài chiến tranh đã không giúp ích gì cho sự trưởng thành một hệ thống chính đảng hữu hiệu. Mặt khác vì vắng bóng những chính đảng có tổ chức quy mô vững chắc và một hệ thống chính đảng hữu hiệu nên khó có thể tác động để cải tổ xã hội. Muốn phá vỡ vòng bế tắc này chính quyền là người đầu tiên có khả năng và trách nhiệm sáng kiến lãnh mạnh hóa tình trạng đảng phái hỗn loạn và yếu kém hiện nay (1).

Sự quy định trong đạo luật 9/69 về quy chế chính đảng và đổi lập chính trị khá rộng rãi, nên các điều kiện thành lập đảng được hội đủ một cách dễ dàng, khiến tình trạng đa đảng không cải thiện được mấy, tình trạng phân hóa vẫn tồn tại và chưa đi đến kết quả là giảm thiểu số lượng đảng phái hầu tiến đến hệ thống lưỡng đảng như nhà Lập Hiến mong mỏi.

Trước một thực trạng là Hành Pháp không có được sự ủng hộ cần thiết 2/3 tổng số Dân Biểu tại Hạ-Viện và quá 1/2 tổng số Nghị sĩ tại Thượng Viện trong quá trình Lập Pháp, nên ban Dự Thảo Sắc Luật 060, nếu đem ra thảo luận tại diễn đàn Quốc Hội, chắc sẽ bị sửa đổi mạnh mẽ và không đi đến kết quả như Hành Pháp mong muốn. Vì thế, Hành Pháp vận động để Quốc Hội thông qua một luật Ủy quyền cho Hành Pháp trong 6 tháng cho phép Tổng Thống ban hành bằng Sắc luật các biện pháp cần thiết trong các lãnh vực an ninh, Quốc Phòng, kinh tế và tài chánh. Do đó, trong khuôn khổ luật Ủy quyền 05/72 Tổng-Thống đã ban hành 2 sắc luật 012 ngày 16.9.72 và sắc luật 060 ngày 27.12.72 sửa đổi đạo luật 9/69; quy định lại các điều kiện để được hợp thức hóa một chính đảng cũng như quy định một số quyền hạn và nghĩa vụ mà chính đảng phải thi hành.

(1) Trần thị Hoài Trân. Các lực lượng chính trị, tr.268.

MỤC 2 : THỰC TẠI CHÍNH TRỊ :

Những bất ổn chính trị thời quá khứ cũng như tính cách phân hóa của các chính đảng đã khiến cho thực tại chính trị Miền Nam mang vẻ hỗn độn. Sự hỗn độn này bắt nguồn từ hoàn cảnh chính trị của nước ta chưa có một hệ thống chính đảng lớn mạnh và quân bình, vì có quá nhiều đảng phái, nên mỗi chính đảng không đại diện cho đa số nhân dân và các vị dân cử thường đắc cử với tư cách độc lập. Trong những năm qua, vì không có chính đảng làm trung gian kết nối giữa Hành Pháp và Lập Pháp, nên mối liên lạc giữa chính phủ và Quốc-Hội thường không tốt đẹp. Thêm nữa vì thiếu chính đảng làm gạch nối, nên giữa 2 viện Quốc Hội cũng không có sự công tác chặt chẽ.

Dựa vào sự yếu kém của Quốc-Hội, thay vì cố gắng thuyết phục Quốc-Hội, Tổng Thống hay dùng quyền yêu cầu Quốc-Hội phúc nghị các dự luật đã thông qua, vì biết chắc rằng thế nào quan điểm của mình cũng thắng (1) Nếu tính chất của mối tương quan giữa Hành Pháp và Lập Pháp đánh giá một nếp sinh hoạt dân chủ, người quan sát sẽ ghi nhận sự điều hành các định chế thượng tầng của Quốc-Gia còn mang nhiều luộm thuộm (2).

Tình trạng suy yếu của các chính đảng đã gây một khoảng trống chính trị, nên các đoàn thể áp lực thường hay xen vào địa hạt chính trị, điển hình là cuộc bầu cử bán phần Thượng Viện 1970 các liên danh đắc cử đều được sự ủng hộ của các tôn giáo.

Trước thực trạng chính trị như trên, muốn ổn định chính trị, cần phải tạo lập một hệ thống chính đảng vững mạnh để đóng vai trò rường cột cho sinh hoạt chính trị quốc gia.

Nhưng thế nào là hệ thống chính đảng vững mạnh ?

Hệ thống chính đảng vững mạnh là hệ thống chính đảng không độc đảng nhưng không quá nhiều đảng.

A.- Không độc đảng là chấp nhận đối lập, thừa nhận tự do chính trị và tính cách tương đối của nhận thức chính trị.

Sự tập trung quá mức quyền hành cùng sự thủ tiêu đối lập và sự hiện diện của một chính đảng duy nhất sẽ khiến

cho nhà cầm quyền mang tâm trạng ngoan cố và độc tài gây nhiều bất ổn cho sinh hoạt chính trị quốc gia, "vì nếu còn một thành phần dân-tộc nhận thấy bị gạt ra ngoài các trung tâm quyết định của quốc-gia họ chỉ còn có một cách là dùng đến bạo lực để phát biểu ý-kiến, nguyện vọng của mình"(1)

B.- KHÔNG QUÁ NHIỀU ĐẢNG để tránh phân hóa tiềm lực quốc gia, trong một xứ mà hệ thống đa đảng hiện hữu, vì không chiếm đa số hay ưu thế trên sân khấu chính trị nên các quyết định đạt được thường dựa trên sự thỏa hiệp giữa hai hay ba đảng. Liên hiệp tức là tập hợp những khuynh hướng mâu thuẫn, dung hòa những chính sách tương phản. Chính cái viên tương không bao giờ tự mình được toàn quyền và thực hiện những chương trình hứa hẹn làm cho chính đảng thiếu ý thức xây dựng và tinh thần trách nhiệm (2).

Để tránh hai thái cực độc đảng và đa đảng hỗn tạp trên, cần phải tạo dựng một hệ thống chính đảng mà trong đó mỗi chính đảng gồm một số đặc tính là có tầm vóc quốc-gia, hoạt động liên tục và đời sống của đảng không tùy thuộc vào lãnh tụ. Nếu mỗi chính đảng hội đủ 3 đặc tính trên thì đó là một chính đảng có căn bản hậu thuẫn trong nhân dân.

T IẾT II

NHỮNG THẤT BẠI TRONG VIỆC KẾT HỢP

TRƯỚC NGÀY BAN HÀNH SẮC LUẬT 060

Mục 1.- MẶT TRẬN QUỐC-GIA DÂN-CHỦ XÃ-HỘI :

Sau đợt tổng công kích của Cộng-sản vào dịp Tết Mậu Thân (1968) Tổng-Thống Nguyễn-Văn-Thiệu cảm thấy cần thiết phải có một hệ thống chính đảng mạnh để hậu thuẫn cho ông trong công việc lãnh đạo đất nước chống lại Cộng-sản xâm lăng. Từ đó MTQGDCXH đã được thành hình nhưng sau đó tan rã.

(1) Hoàng-Xuan-Hạo Phật giáo và chính trị tại VN ngày nay trang 608. Quyển 2.

(2) Nguyễn-Văn-Bông Luật Hiến-pháp và chính-trị-học trang 298.

A.- DIỄN TIẾN VIỆC THÀNH LẬP : Sự thành lập MTQG DC XH mạnh mẽ từ bài nói chuyện ngày 29.6.68 của Tổng-Thống tại dinh Độc-lập và bài thông điệp đầu năm 1969 đọc trước Quốc-Hội.

1/- BÀI NÓI CHUYỆN NGÀY 29.6.68 : Trong buổi tiếp xúc chính-trị tại dinh Độc-lập 29.6.68 Tổng-Thống Thiệu đã trình-bày quan-điểm của ông về vấn-đề chính đảng trong 4 điểm :

a)- VAI TRÒ CỦA CHÍNH ĐẢNG ĐỐI VỚI THỂ CHẾ DÂN-CHỦ:

Trong bài nói chuyện, trên, Tổng-Thống Thiệu đã cho rằng : vai trò của chính đảng đối với thể chế dân-chủ là vai trò hạ tầng cơ sở và tác động nền sinh hoạt chính-trị.

Nếu xây dựng dân chủ mà không xây dựng được một hệ thống chính đảng thích hợp thì dù cho tài giỏi cách mấy người ta cũng có thể bị rơi vào hai trường-hợp sau :

- Thứ nhất là trường-hợp một chế-độ chỉ có trên hình thức chứ không thực sự dân chủ.

- Thứ hai là trường-hợp một chế-độ dân-chủ hỗn loạn và chắc sẽ dẫn đến sự sụp đổ.

Lời tuyên bố này chứng tỏ rằng Tổng-Thống cũng quan niệm vai trò quan trọng của chính đảng trong việc xây dựng dân chủ. Theo đó muốn có dân chủ thì phải có một hệ thống chính đảng hữu hiệu chứ không phải tranh đấu một cách bừa bãi là có dân chủ được.

b)- VAI TRÒ CHÍNH ĐẢNG ĐỐI VỚI TÌNH-THẾ :

Tổng-Thống cũng cho rằng VN chúng ta cùng một lúc phải đảm nhận hai trọng trách :

- Đối phó với sự thôn tính của Cộng-sản

- Xây dựng dân chủ.

Muốn thực hiện được hoàn hảo 2 nhiệm vụ này Quốc-gia cần phải có một hệ thống chính đảng mạnh, vừa để hỗ-trợ cho chính quyền trong công cuộc chống Cộng-sản xâm lăng, vừa để giúp cho việc xây dựng dân chủ được tiến triển tốt đẹp, đem lại một đời sống tươi sáng hơn cho đồng-bào.

c)- TƯƠNG QUAN GIỮA CHÍNH ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN :

Nếu chính đảng là hạ tầng cơ sở của chế-độ thì chính quyền là thượng tầng kiến trúc gồm có các cơ cấu hiến định như Lập-pháp, Hành-pháp, Tư-pháp. Chính đảng và chính quyền là 2 thành phần liên hệ mật thiết với nhau, không thể xem cái nào phụ thuộc cái nào, mà cũng không thể thiếu một trong hai thành phần đó.

d)- QUAN NIỆM VỀ SỰ HÌNH THÀNH HỆ THỐNG LƯƠNG ĐẢNG:

Hiến-pháp đã khuyến khích tiến đến chế độ lương đảng vì theo các nhà lập hiến thì chế-độ lương đảng được xem là mô thức thích hợp nhất cho việc xây dựng dân-chủ.

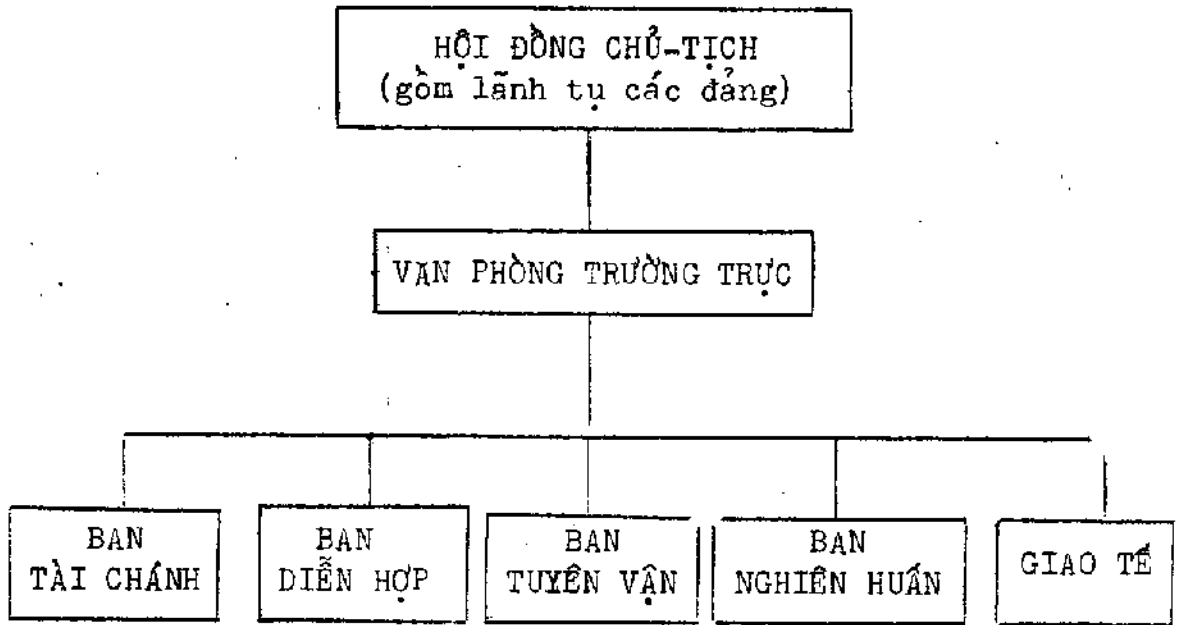
Theo Tổng-Thống Nguyễn-Văn-Thiệu, khuyến-khích không có nghĩa là bắt buộc và sự hình thành một hệ thống lương đảng như vậy, không có nghĩa là phải tức khắc thực hiện ngay, mà phải tùy thuộc một số điều kiện tự nhiên của hoàn cảnh chính trị.

Tổng-Thống đã cụ thể hóa lời kêu gọi của ông bằng cách đứng ra thành lập MTQGDCXH. Mặt trận này quy tụ 6 đảng:

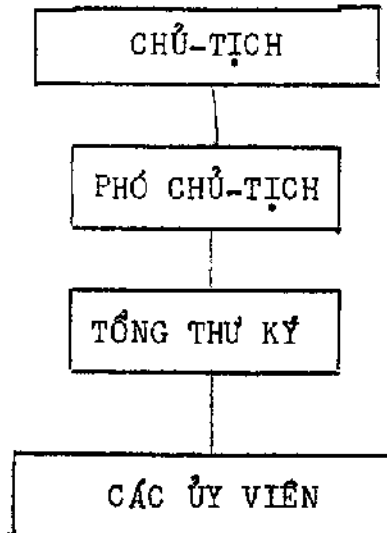
	Lãnh tụ
- Việt-Nam Quốc-Dân Đảng . . .	Vũ-Hồng-Khanh
- Nhân xã cách Mạng đảng . . .	Trương-Công-Cừu
- Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội Đảng	Trình-Quốc-Khánh
- Liên-Minh Dân-Tộc Cách Mạng Xã-Hội	Nguyễn-Văn-Hướng
- Lực Lượng Đại Đoàn-Kết . . .	Nguyễn-Gia-Hiến
- Đại Việt Cách Mạng Đảng . .	Hà-Thúc-Ký

Mặt trận đã ra mắt ngày 25.5.69 đến ngày 14.5.70 Mặt trận còn có thêm 1 đoàn-thể mới gia nhập là Phong Trào đoàn-kết sắc tộc Cao nguyên Nam Việt-Nam do Nghị-sĩ Y-Bling Buon Krong Pang lãnh đạo. Mặt trận được lãnh đạo bởi một hội đồng chủ tịch gồm lãnh tụ các đảng và Tổng-Thống đã được bầu làm chủ-tịch của Hội-đồng này. Vai trò của Mặt trận được xem là cố vấn cho Tổng-Thống để vạch đường lối chính trị chung.

* TỔ-CHỨC TRUNG ƯƠNG :



* CÁC ỦY-BAN ĐÔ TỈNH THỊ :



Tổng-Thống cũng nhìn nhận là luật lệ không đủ sức để tạo dựng một hệ thống chính đảng mạnh, và phải trông chờ vào sự tự nguyện kết hợp của những chính đảng có chủ trương đường lối giống nhau. Từ nhận định đó Tổng-Thống Thiệu đã kêu gọi những đoàn-thể có lập trường gần nhau nên tập hợp

lại thành những hệ thống mạnh phần có thể chống Cộng và xây dựng dân chủ một cách hữu hiệu. Lời kêu gọi này đã không được các đoàn thể chính trị đáp ứng.

VÌ THẾ NGÀY 7.4.69 TRONG THÔNG ĐIỆP ĐỌC TRƯỚC
QUỐC-HỘI

Tổng-thống đã nêu ý định lập đảng và ông đã đi tiên phong trong việc tập hợp chính đảng.

Trong thông điệp, Tổng-Thống đã kêu gọi :

- "Những ai đồng ý với tôi về lý tưởng quốc-gia, về những mục tiêu phải thực hiện cho đất nước, về những tai họa phải tránh cho dân-tộc, tôi nghĩ rằng khi chúng ta đã cùng một chí hướng thì có thể hợp tác với nhau được.

- Còn những nhân vật, đồng bào nào, không đồng ý với tôi, tôi muốn nói rõ không đồng ý về cách thức, phương pháp chứ không phải về lý tưởng, tôi cũng mong muốn và hơn thế nữa, đòi hỏi những vị ấy cũng tập hợp lại, như vậy tức là góp phần giải quyết các vấn-đề lãnh-đạo và tổ-chức".

Qua lời kêu gọi này, người ta thấy Tổng-Thống đã vạch ra một phương thức tập hợp chính đảng.

- Những đoàn thể chính trị nào đồng ý với ông thì kết hợp lại thành đảng cầm quyền.

- Những đoàn thể chính-trị nào không đồng ý với chính quyền thì kết hợp lại thành những lực lượng đối lập.

Về sau có sự rạn nứt trong Mặt trận, Dân Xã Đảng của ông Trình-Quốc-Khánh rút lui khỏi mặt trận rồi tiếp theo đó Đại Việt Cách mạng lực lượng Đại đoàn kết . . . Cũng rút chân ra khỏi Mặt trận, trong khi đó Mặt trận cũng không có một hoạt động cụ thể nào và cuối cùng đi đến sự tan rã. Kinh nghiệm của sự thất bại này đã khiến cho Tổng-Thống ~~THIẾU~~ thay đổi quan niệm lập đảng từ hình thức liên minh sang hình thức hợp nhất hoàn toàn, từ bỏ mọi ràng buộc cũ.

NHẬN ĐỊNH VỀ SỰ THẤT BẠI CỦA MTQGDCXH :

Sự thất bại của MTQGDCXH là 1 tấm gương đáng chú ý của các cố gắng tập hợp chính đảng sau này. Sự thất bại

của Mặt trận bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân.

1) SỰ VỘI VÀNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP :

Sự hình thành của Mặt trận dường như là để đáp ứng lại ý muốn của Hoa Kỳ là Miền Nam có hậu thuẫn vững mạnh đủ sức đương đầu trong một tình thế chính trị mới. Sự vội vàng trong việc hình thành để đưa đến sự tan rã trong liên minh vì sự liên kết là một vấn đề trọng đại cần có những sự sửa soạn một khung cảnh chính trị thích hợp. Đồng quan niệm trên, Nghị sĩ Hoàng Xuân Tựu cũng đã tuyên bố :

Lý do của sự bế tắc hành động của Mặt trận là vì Mặt trận đã hình thành vội vã (1).

2) NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP SAI LẦM :

Mặt trận dù có sự kết hợp của 7 chính đảng có uy tín và đặt dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Thiệu, chúng ta vẫn nhận thấy chính quyền đã không chú tâm và lưu ý gì đến hoạt động của Mặt trận. Thêm vào đó các chính đảng trong Mặt trận cũng không đồng ý về lập trường chính trị, cũng như không có sự kết hợp chắc chắn. Ngoài ra khi tham gia Mặt trận, các chính đảng nuôi hy vọng sẽ có chân trong chính quyền và cố gắng đưa người vào Quốc-Hội, nhưng các đảng đã thất vọng vì mặt trận chẳng có quyền gì (sau khi Mặt trận được thành lập có 2 đảng đưa người vào chính phủ đó là Nhân xã đảng (ông Ngô Khắc-Tĩnh) và Đại Việt Cách Mạng (ông Hồ-Văn-Châm), tuy nhiên 2 vị này chỉ được mời tham dự với tư cách cá nhân), ngay cả quyền cố vấn, mọi việc hoạch định chính sách kế hoạch của chính phủ hoàn toàn do Tổng-Thống và các cố vấn tại Phủ Tổng Thống thiết lập chứ các chính đảng không được tham khảo ý kiến.

- Hơn nữa, tuy mang danh là của chính quyền, Mặt trận lại được thành lập một cách bất hợp pháp. Trong thành phần của Mặt trận có lực lượng Dân Chủ tự do là 1 đoàn thể bất hợp pháp, sự bất hợp pháp của lực lượng này kéo theo sự bất hợp pháp của Mặt trận (2)

(1) Chính luận 30.9.1970.

Với nỗ lực tập hợp các chính đảng trong Khối Tự-Quyết người ta hy vọng rằng khối này sẽ bền vững và có thể đi đến sự liên kết lâu dài, nhưng đến ngày 27.12.72, Sắc-Luật 060 ra đời khối Tự-Quyết đương nhiên tan rã.

B.- KHỐI QUỐC-GIA ĐỒNG TIẾN :

Song song với sự xuất hiện của khối Tự-Quyết, Khối Quốc Dân Đồng Tiến ra đời, khối này quy tụ 2 chính đảng và nhóm nhân sĩ có khuynh hướng Thiên Chúa Giáo.

- Lực lượng Đại Đoàn Kết

Lãnh tụ
Nguyễn-Gia-Hiến

- Nhân xã Cách Mạng Đảng

Trương-Công-Cửu

- Nhóm Bông Huệ của Cụ Chủ-Tịch Thượng-Viện

Nguyễn-Van-Huyền

Khối Quốc-Dân Đồng Tiến được thành lập, nhằm kết hợp các lực lượng chính trị có khuynh hướng Thiên Chúa Giáo, để tạo dựng một đoàn thể chính trị mới với sự hậu thuẫn của các tín đồ Thiên Chúa Giáo hầu trở thành một chính đảng mạnh ở Miền Nam.

Tuy nhiên, Khối cũng đương nhiên tan rã khi Sắc Luật 060 ra đời.

CHƯƠNG II

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LVHC 390

PHÂN TÍCH SẮC LUẬT 060-TT/SLU

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Sắc-luật 060 sửa đổi một vài điều khoản của đạo-luật 9/69 nhằm tạo những điều kiện thích ứng cho một tình thế mới. Sự sửa đổi được quy tụ quanh 4 điểm chính là : số lượng cơ cấu tổ-chức cùng số đảng viên, sự hủy thế, việc tranh cử và đặc quyền đề cử ứng cử viên.

TIẾT I NHỮNG TU CHÍNH CĂN BẢN

Mục 1 : QUY-ĐỊNH VỀ CƠ CẤU TỔ-CHỨC :

Theo điều 7 đoạn 2 của luật 9/69, Trụ-sở trung-ương của chính đảng không nhất-thiết phải đặt tại thủ-đô, nhưng tại đây chính đảng phải có một văn-phòng liên-lạc thường trực. Sắc-luật 060 đã bó buộc trụ sở Trung-ương của chính-đảng phải đặt ở Saigon để chính quyền tiện việc liên-lạc khi cần cũng như Trụ-sở Trung-ương phải đặt tại trung-tâm quyền-lực của Quốc-gia.

Điều 10 mới ấn-định (1) : Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp phái lai, chính đảng hay liên-minh đảng muốn được hợp thức-hóa.

Phải hội đủ các điều-kiện sau đây :

a) Thiết-lập Đô tỉnh thị bộ tại ít nhất 1/2 tổng số Đô Tỉnh thị xã trên toàn quốc trong đó phải có Đô-thành bộ tại Đô-thành SG. Mỗi Đô Tỉnh Thị Bộ phải thiết-lập được số Phường xã Bộ ít nhất tại 1/4 tổng số Phường Xã trong Đô Tỉnh thị xã ấy.

(1) điều 10 luật 9/69 quy-định :

Sau 18 tháng kể từ ngày được cấp phái-lai, chính đảng muốn được hợp-thức-hóa phải hội đủ các điều kiện sau :

a) hoặc 10 Ban chấp-hành Tỉnh thị Bộ. Mỗi Tỉnh, thị Bộ có ít nhất 500 đảng viên.

b) hoặc 5 Ban chấp-hành Tỉnh thị Bộ. Mỗi Tỉnh thị Bộ có ít nhất 500 đảng viên trong số đó có 10 đảng viên chính-thức là đại diện dân chúng trong Quốc Hội

b) Số đảng viên của mỗi Đô Tỉnh thị Bộ ít nhất phải hội đủ 1/20 tổng số cử tri tại đô tỉnh thị xã liên-hệ, tính theo danh-sách cử tri đã niêm-yết trong kỳ bầu cử Dân-Biểu Hạ-Nghị-Viện gần nhất.

Theo con số do Bộ Nội-Vụ tính dựa trên số cử tri bầu cử Hạ-Viện 1971, thì mỗi chính đảng muốn được hợp-thức-hóa phải dựa trên các chỉ tiêu sau :

ĐƠN-VỊ HÀNH-CHÁNH		ĐẢNG VIÊN
	XÃ, PHƯỜNG BỘ	
Đô-Thành SG	14	32.966
Quân khu 1	150	55.876
Quân khu 2	197	63.893
Quân khu 3	119	77.509
Quân khu 4	202	124.054
Cộng :	682	354.298

Con số 354.298 này là tính số tối thiểu của 55 Đô, Tỉnh, Thị Bộ về đảng viên, tức là 1/20 tổng số cử tri toàn quốc.

Thật ra mỗi đảng muốn được hợp thức-hóa không cần phải đạt đến con số đó, tuy nhiên tối thiểu (tính theo những tỉnh thị xã ít dân nhất) thì cũng phải có 111.182 đảng viên tại Đô-thành và 27 tỉnh thị xã nhỏ nhất nước. Với con số này, cũng khó có đảng nào có thể đứng đơn độc được, mà phải tập hợp lại họa may mới được hợp-thức-hóa. Thực-trạng chính-trị cho thấy đa số chính đảng vẫn chưa thoát ra khỏi tình trạng tổ-chức cục bộ, quy tụ ở một vài địa-phương nhỏ hẹp, hãy còn duy trì tình trạng đa đảng. Chính vì nhu cầu cần có một hệ-thống chính đảng hữu-hiệu, nên sự quy-định số lượng cơ cấu đảng và số đảng viên lớn lao nhằm buộc các chính đảng ra hoạt động công khai phát triển cơ sở hạ tầng để tìm hậu thuẫn thực sự trong nhân dân hầu tránh tình trạng

những đảng hữu danh vô thực chỉ có lãnh tụ mà không có đảng viên. Một chính đảng không có hậu thuẫn tối thiểu trong quần chúng là một điều không thể chấp nhận được.

Những điều kiện ràng buộc khác khe này, mới có thể loại trừ được những đảng "tiểu công nghệ". Số đảng viên cần phải đạt đến một số đáng kể, có như thế chính đảng mới có thể đóng đúng vai trò của mình và gây được hậu thuẫn trong quần chúng chính-quyền phải đưa ra những điều-kiện làm sao giảm thiểu được số đảng phái quá nhiều, đồng thời tạo khung cảnh pháp lý cho việc thành lập những đảng mạnh và hữu hiệu.

Những điều kiện trên thật vô cùng khác khe, khó một chính đảng nào có thể hội đủ các chỉ tiêu mà SLU 060 đòi hỏi (trừ đảng cầm quyền) như thế sẽ khiến cho những chính đảng đã được hợp thức hóa theo luật 9/69, nếu muốn tồn tại phải kết hợp lại để có những hậu thuẫn cần thiết vượt qua những chỉ tiêu luật định và quy tụ thành 3 hay 4 đảng lớn.

Được như thế Sắc-luật này mang lại cho chính đảng vai trò xứng đáng và thiết thực trong nền Dân-chủ.

MỤC 2 : QUY-ĐỊNH PHẢI HỦY THỂ KHI GIA NHẬP LIÊN-MINH MỚI :

Điều 23 của luật 9/69 quy-định : Hai hay nhiều chính đảng đã được hợp-thức-hóa theo điều 11 có thể hợp nhất thành một liên-minh, trong trường-hợp này, những cá-nhân đảng viên gia-nhập liên-minh chỉ đại diện 1 xu hướng chính-trị chứ không thể đại-diện cho chính đảng cũ. Như thế đạo luật 9/69 chỉ đề cập đến vấn-đề liên-minh mà không đề cập đến hình-thức buộc các liên-minh đó phải liên-minh chắc chắn hay lỏng lẻo nghĩa là luật không buộc phải hợp thành một cơ cấu duy nhất hay là vẫn giữ tính cách tự trị chỉ thỏa-thuận nhau trên một vài quan-điểm nào đó.

Theo quan-niệm của Ủy-Ban Nội-Vụ Hạ-Viện trong cuộc thảo-luận và biểu-quyết luật 9/69 là Ủy-Ban chỉ muốn đưa ra hình-thức liên-minh không chắc chắn để khuyến-khích sự liên-minh các chính-đảng vốn đã phân hóa quá nhiều, dành mọi dễ-dàng cho các chính đảng liên minh thông cảm nhau tiến dần đến 1 chính-đảng duy nhất.

Nếu vì có sự bất đồng chính kiến nào đó giữa các chính đảng mà liên-minh không thể tiếp tục hoạt-động thì các

chính đảng liên-minh có thể trở lại hoạt-động trên cương-vị riêng của mỗi chính đảng nhưng phải xác nhận điều này với Bộ Nội-Vụ trong vòng 1 tháng kể từ ngày liên-minh giải-tán.

Chính sự quy-định để dài của luật 9/69 về số lượng đảng viên Ban Chấp-hành Tỉnh thị Bộ cũng như hình-thức liên minh, nên đã không đi đến việc giảm thiểu tình trạng đa đảng tại Việt-Nam và cũng đã có hình thức liên minh tạm bợ. Vì thế Sắc-luật 060 đã sửa đổi điều 23 luật 9/69 khi quy-định:

Hai hay nhiều chính đảng đã được hợp-thức-hóa có thể hợp nhất thành một liên-minh chính đảng. Chính đảng khi gia nhập liên-minh được xem như tự giải tán và liên-minh được xem là 1 chính đảng mới.

Sự quy định trên nhằm loại bỏ những hình-thức liên-minh nhất thời (hoặc để đối phó với một giai-đoạn, hoặc là để nắm quyền, hay là để ứng cử rồi sau đó liên-minh không hoạt động gì cả). Nếu không có điều kiện hủy thế thì việc chấp nhận gia nhập liên-minh chính đảng chỉ là tạo chỗ núp cho các đảng nhỏ duy trì tính cách đảng nhỏ của mình, vì nếu không có sự ràng buộc nào thì các đảng nhỏ sẽ hiệp nhau tùy thời, tùy hứng, khi cần chia nhau chính quyền thì hợp nhau, còn khi bất mãn thì rút lui; như thế nên chính-trị sẽ bấp bênh nguy hiểm.

Sự quy-định buộc các chính đảng phải hủy thế khi thành-lập liên-minh chính-trị mới nhằm tạo dựng một thế kết hợp chắc chắn thực sự giữa các chính đảng mở đường cho những kết hợp rộng lớn trong đời sống quốc-gia.

MỤC 3 : RÀNG BUỘC CHÍNH ĐẢNG PHẢI THAM GIA VÀO CÁC CUỘC BẦU CỬ CÓ TẦM MỨC QUỐC-GIA :

Đạo-luật 9/69 không có một; điều khoản nào quy-định phải tham-gia vào các cuộc bầu cử có tầm mức Quốc-gia, cũng như không liên-kết sự giải-tán chính đảng vào kết quả đạt được. Như thế sự tham-gia tranh cử của chính-đảng có tính cách nhiệm ý.

Đứng trước nhu cầu cấp bách phải chỉnh đốn lại hàng ngũ đảng phái, làm sao thúc đẩy các chính đảng tranh cử, mà Sắc-luật 060 đã chính thức hóa sự tranh cử của các chính đảng khi quy-định ở điều 30 đoạn 2b (mới) như sau :

"Nếu không đề cử ứng cử viên tham-gia tranh-cử trong các cuộc bầu cử Quốc-Hội. Sự tự giải-tán của chính đảng được xem như đương nhiên sau ngày niêm yết lần thứ hai danh-sách ứng cử viên".

Mục tiêu của chính đảng là nắm chính-quyền và hành xử quyền hành thực thi chính sách, đường lối của đảng; Để đạt những mục-tiêu chính-trị ấy, chính-đảng dùng những phương-thức hợp-pháp bất bạo động dựa trên sự thuyết-phục nhân-dân ủng-hộ về những quan-điểm chính-trị do chính-đảng đề ra.

Không có sinh-hoạt chính-trị để nắm chính-quyền là một điều mâu thuẫn nội tại ngay trong căn-bản của chính-đảng và là một thiệt thòi lớn lao cho Quốc-Gia. Không có chính-đảng tham gia vào các cuộc bầu cử, cũng sẽ không có cố-gắng về phía đảng viên, cũng sẽ không có hứng thú và hấp dẫn đối với sinh-hoạt chính-trị, và quần chúng mất cơ-hội đòi hỏi các chính-đảng phải cung cấp chính kiến, chính-trị hóa các vấn-đề căn-bản của Quốc-Gia.

Chính đảng được xem là một tổ-chức nhằm vào mục tiêu chính-trị thì mục-tiêu chính-trị lớn nhất là tranh cử để làm việc cho Quốc-gia, ta không thể nào quan-niệm rằng một chính-đảng mà lại không đưa người ra tranh cử. Vấn-đề tranh cử là 1 bổn-phận của chính-đảng, vì chính đảng bây giờ được quan-niệm không phải là 1 đảng cách-mạng hoạt-động bí mật nhằm lật đổ chế-độ bằng phương-pháp bạo-động.

Dưới chế-độ Dân-chủ, chính-đảng phải công khai hoạt-động và có quyền công-khai hoạt-động. Có công khai hoạt-động chính đảng mới nhận được khuyết-điểm của mình, nhân-dân mới nhận xét được thực-lực của chính-đảng hầu có thái-độ thích-ứng trong vấn-đề chọn lựa và ủng-hộ "Công-khai hóa tranh-đấu còn tạo môi trường thuận tiện để cải-thiện mối tương-quan giữa các phần-tử quốc-gia, loại trừ những đố kỵ và dễ tiến đến việc kết hợp với nhau thành 1 lực-lượng mạnh"(1)

Bầu cử chính là cơ hội để quần chúng chọn lựa đường lối và nhân sự để thực hiện chính sách quốc-gia. Tham gia tranh cử là dịp để chính đảng thử thách cán bộ của mình, khả năng huy động quần chúng ủng hộ lập-trường đảng cũng như thử thách uy-tín của các lãnh tụ.

(1) Tạ-Văn-Tài . Giảng-văn Đốc-sự Khóa 19. HVQGHC trang 31

Sự quy-định bó buộc các chính đảng tham-gia bầu cử ở cấp bậc Quốc-Gia và phải hội đủ một số phiếu đáng kể đối với tình trạng đa đảng của Việt-Nam, đòi hỏi những đảng nhỏ phải hợp nhất thành những lực lượng rộng lớn hơn, như thế chỉ còn lại những đảng có thực lực và đảng này cũng phải luôn luôn tự cải tiến đề ra những chính sách mới nhằm lôi cuốn các cử-tri ủng-hộ đường lối của đảng để có thể thu được lá phiếu ủng-hộ của quần chúng hầu tiến vào chính-quyền qua ngã dân cử hợp-hiến, hợp-pháp.

Điều kiện ràng buộc các chính-đảng đưa người ra tranh cử và liên-kết sự giải-tán chính đảng vào kết quả mà chính đảng đó đạt được sau mỗi lần bầu cử, đã khiến cho một số người lo ngại hai điều :

- Thứ nhất là các cơ-quan Hành-chánh phụ trách tuyển cử can-thiệp vào kết quả bầu cử, như thế tính cách trung-thực của cuộc bầu cử sẽ ảnh hưởng đến sự sống còn của các chính đảng, nhất là các đảng đối lập.

- Thứ nhì là nếu một chính đảng có hậu thuẫn nhân-dân vì lý do nào đó chỉ thiếu vài phiếu, vài ghế cần thiết, mà phải đương nhiên giải-tán, thì điều đó khó có thể chấp-nhận.

Vì tính cách trầm trọng của điều khoản này nên trong cuộc thảo-luận và biểu- quyết luật bầu cử bán phần Thượng-Viện 1973 Nghị-sĩ Đặng-Văn-Sung đã đề-nghị bỏ khoản (1) :

Nếu không hội đủ túc số (.) (2) thì chính-đảng đương nhiên tự giải tán. Có lẽ vì muốn các chính đảng phải bành trướng cơ sở hạ tầng và kết hợp chắc chắn mà nhà soạn thảo Sắc-luật 060 đã đi quá nhanh khi quy-định như trên (điều 30 đoạn 2c). Sau này khi soạn thảo luật bầu cử nhà lập-pháp có thể dựa theo đề-nghị của Nghị-Sĩ SUNG mà sửa đổi quy-chế chính-đảng để giúp cho sinh-hoạt Miền Nam được khởi sắc.

MỤC 4 : CHÍNH ĐẢNG ĐƯỢC ĐỘC QUYỀN ĐỀ CỬ CÁC ỨNG-CỬ VIÊN.

Đạo luật 9/69 đã không có một điều khoản nào đề cập

(1) Biên-bản phiên họp ngày 27-4-73. trang 71

đến việc bó buộc các ứng-cử-viên khi ra tranh cử phải có sự giới thiệu của một chính đảng được hợp-thức-hóa. Trong những năm qua, cũng vì sự tự-do tranh cử này mà người ta nhận thấy tình trạng lạm phát ứng-cử-viên và đa số các vị dân cử đều là những Nghị-sĩ, Dân-Biểu độc-lập.

Tại Quốc-Hội, nhiều khi người ta nhận thấy những người cùng trong một khối đôi lúc không thỏa-hiệp nhau và những người cùng trong một liên-danh ngày trước cũng không có một lập-trường đồng nhất. Quan niệm kết hợp thành liên-danh cũng chỉ có tính cách tạm thời, cốt làm sao lọt vào Quốc-Hội thì thôi, "qua sông đến bến mạnh ai nấy nhảy", do đó sinh-hoạt nghị-trường mang tính chất hỗn độn vì không có sự hiện diện của chính đảng với kỷ luật chặt-chẻ và lập-trường duy nhất.

Trước thực-tế trên, cũng như muốn công-nhận vai trò chủ yếu của chính-đảng trong sinh-hoạt chính-trị mà Sắc-luật 060 đã quy-định tại điều 2 khoản 1 như sau :

"Chỉ các chính đảng mới được quyền đề cử ứng cử viên tham-gia tranh cử trong cuộc bầu cử Tổng-Thống Phó Tổng-Thống và Quốc-Hội và tất cả các ứng-cử-viên tham-gia các cuộc bầu cử này đều phải do chính đảng đề cử và phải có đảng tịch của chính đảng đề cử."

- Các đảng muốn được quyền đề cử ứng-cử-viên tham-gia tranh cử trong các cuộc bầu cử nói trên phải được hợp-thức-hóa.

- Sự tham-gia tranh-cử trong các cuộc bầu cử Quốc-Hội có tính cách bó buộc đối với các chính đảng hợp-thức-hóa, riêng đối với các cuộc bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống, sự tham gia có tính cách nhiệm ý đối với mỗi chính đảng đã được hợp thức-hóa."

Với sự quy-định trên, Sắc-luật đã công nhận vai trò chính yếu của chính đảng trong cuộc sinh-hoạt chính-trị -

-
- (1) phải hội đủ : - 1/5 tổng số ghế DB trong cuộc bầu cử Hạ-Nghị-Viện
- 20% tổng số phiếu trong cuộc bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống, TNV.

Những điều kiện này không những nhấn mạnh đến tầm quan trọng của chính đảng, mà còn nhằm mục đích hạn chế số chính đảng, tránh những hậu quả tai hại của sự lạm phát chính đảng, tránh được những cá nhân bất tài bê bối lọt vào Quốc-Hội và sinh-hoạt tại Quốc-Hội được êm đẹp hơn. Điều khoản này đã mang lại cho chính đảng một vai trò xứng đáng và thiết thực trong một chế-độ dân-chủ.

"Dân-chủ chỉ đứng vững được nếu có được những chính đảng vững mạnh và chính đảng phát triển được nhờ được hưởng đặc quyền giới thiệu này. Nếu không được giới thiệu thì các ứng cử viên ở một địa-phương nào đó, chỉ cần được 1 ông Linh-mục, một ông Thượng-tọa hay ông đứng đầu ở địa-phương đó ủng hộ cũng có thể là một vị dân-cử mà không cần phải vào một chính-đảng nào, không cần đi với ai. Một Quốc-Hội gồm những nhân vật riêng rẽ như vậy, không có một kỷ-luật chính-trị thì sớm muộn gì nền Dân-chủ đó sẽ sụp đổ". (1)

Vì muốn phá bỏ tệ trạng dân chủ hỗn loạn, cũng như tạo một hệ-thống chính đảng vững mạnh mà Sắc-luật 060 đã dành đặc quyền này nên nhiều người cho rằng sự đề cử như thế xâm phạm đến quyền ứng cử, quyền tự-do chính-trị của mỗi công dân trái với điều 13 khoản 2 Hiến-pháp (2). Việc lạm phát liên-danh tranh cử không phải là một điều đáng khuyến-khích, cũng như cá nhân hoạt động chính trị lẻ tẻ là kém khởi sắc cho sinh-hoạt dân chủ, nhưng đó lại là những nét đặc thù của một nền dân chủ, vai trò chính đảng trong sinh-hoạt chính-trị cần phải nâng cao nhưng không phải vì thế mà vi-phạm Hiến-pháp và chà đạp quyền tự-do chính-trị của công-dân (3).

Thật ra mọi công-dân đều có quyền bầu cử và ứng cử trên căn bản bình đẳng theo những điều kiện và thể thức luật định Sắc-luật không hề bác bỏ quyền ứng cử và bầu cử mà chỉ đặt ra những thể thức dựa theo những điều mà Hiến-pháp đã dự trù. Đó là điều kiện luật định. Ở các nước Mỹ, Pháp, Đức, Nhật các ứng-cử-viên cũng phải do chính đảng

(1) NS Đặng-Văn-Sung - Biên-bản thảo-luận và biểu-quyết về dự-luật bầu cử bán phần Thượng-viện ngày 27-4-1973.

đề cử, nếu ứng-cử-viên không được đảng đề cử không thể ra ứng cử để vào tòa nhà Lập-pháp hay Hành-pháp không phải vì thế mà các nước ấy không có dân-chủ.

Riêng đối với vấn-đề cho rằng điều-kiện bắt buộc phải có sự đề cử của chính đảng là tước đoạt quyền ứng cử của các quân-nhân tại ngũ (4) chưa gia nhập một chính đảng nào. Lập luận này cũng không đứng vững vì nếu quân-nhân đó có đủ tài đủ đức có uy tín khi ra ứng cử, quân-nhân đó nghỉ gia hạn không lương, họ vẫn có quyền nhận được sự đề cử của một chính đảng nào đó, lúc bấy giờ họ cũng có thể mang một đảng tịch để ra tranh cử, như vậy không có việc tước đoạt quyền ứng cử của các quân-nhân là thành phần có công với đất nước.

Dẫu thế nào đi nữa, đặc quyền đề cử này dành cho chính đảng, cũng đã ngăn cản quyền ứng cử của các ứng-cử viên độc-lập rất nhiều, tuy nhiên chính đảng cần có những đặc quyền này để củng cố và phát-triển.

Chính đảng được củng cố, vì các khuynh-hướng nội bộ đảng phải đồng thuận để đưa ra một ứng cử viên duy nhất, thì mới mong tranh thắng với các ứng-cử-viên của đảng khác.

Chính đảng cũng cần có đặc quyền đó để phát triển đảng, thu hút các nhân tài, tránh tình trạng nhiều nhân tài không chịu gia nhập vào các đảng phái vì chệch bại tình trạng

(2) điều 13 khoản 2 : mọi công-dân đều có quyền bầu cử ứng cử và tham-gia công vụ trên căn bản bình đẳng theo điều kiện và thể thức luật định.

(3) NS Phạm-Văn-Tâm (Thuyết-trình-viên) Biên-bản phiên họp khoáng-đại thảo-luận và biểu-quyết dự-luật quy-định thể-thức bầu cử bán phần Thượng-Viện (1973) vào ngày 27-4-1973 trang 27

(4) Điều 4 luật 9/69 : Quân-nhân tại ngũ không được sinh-hoạt đảng phái nhưng có quyền giữ nguyên đảng tịch.

các đảng phái có thể kết-hợp được với nhau, dù rằng đã có nhiều nỗ lực nhưng cuối cùng cũng đến thất bại (1)

Trước tình thế mới, mọi cơ cấu quốc gia từ hạ tầng đến thượng tầng, mọi tổ-chức nhân dân, mọi guồng máy công quyền đều phải được thích nghi hóa, hữu hiệu hóa để đáp ứng với tình thế, mọi yếu kém phân hóa của sinh-hoạt chính-trị phát xuất từ nền Dân-chủ phóng túng trong quá khứ phải được cải thiện trong khuôn khổ luật-pháp để Quốc-gia có đủ sức mạnh đương đầu với cuộc diện mới. Toàn quân dân miền Nam phải đạt được tư thế vững mạnh để sống còn, để đạt được một nền Hòa-bình đích thực và lâu dài (2)

Mục tiêu của Sắc-luật 060 đặt ra rất đúng, những phương tiện thực hiện có thể có những điểm khắt khe, có thể là vì thời gian cấp bách nhưng không phải vì thế mà ta có thể nghi ngờ thiện chí của những người muốn xây dựng một căn bản mạnh mẽ cho chính đảng, (3) và trong tình trạng chính đảng hiện tại những ai đã từng suy tư về thực trạng đảng phái cũng phải nghĩ rằng : cần phải làm sao để có 1 giải-pháp tốt đẹp, giải-pháp đó là làm cách nào để quy tụ các chính đảng thành những chính đảng mạnh, làm sao để cho nội bộ của các đoàn thể ấy có thể hàn gắn lại, không bị rời rạc. Thuyết-phục và ép buộc các chính đảng ngồi lại với nhau, cả hai đều không thể thực hiện được nên chỉ có kỹ-thuật pháp lý là một giải pháp lý tưởng nhất để giải-quyết vấn-đề (4)

Như thế, cần phải tìm 1 kỹ-thuật pháp lý đúng đắn, hợp lý hầu có thể bắt buộc những người có khả năng, tài đức làm việc cho Quốc-gia phải vào một chính đảng và hoạt-động cho chính đảng đó, chứ không thể nào tiếp tục giữ tình trạng

- (1) DB Hoàng-Thông (Biên bản Hạ-Viện nhóm họp bất thường 8-1-73 để biểu-quyết dự-luật bầu bán phân Thượng-Viện.
- (2) DB Dương-Vi-Long : Biên bản phiên họp bất thường thảo-luận và biểu-quyết Dự-luật bầu cử bán phân Thượng-Viện (1973), vào ngày 8-1-73 tại diễn đàn Hạ-Viện.
- (3) DB Phạm-duy-Tuệ I bid.
- (4) NS Lê-phước-Sanh : Biên-bản phiên họp, thảo-luận và biểu-quyết Dự-luật bán phân Thượng-Viện (1973) vào ngày 27-4-73 tại diễn đàn Thượng-Viện - trang 66.

thụ động bên ngoài nhìn vào và chệch bại sự sinh-hoạt đảng phái. Sắc-luật 060 thể hiện kỹ-thuật pháp-lý ấy. Vì các lẽ trên mà quan điểm của đa số NS - DB hoàn nghênh việc dùng luật lệ quy-định các sinh-hoạt đảng phái với những điều kiện khắt khe, những điều kiện cần thiết nào đó để các chính đảng có thể tổ hợp thành những đảng phái lớn mạnh để tiến đến tình trạng Lương đảng mà Hiến-pháp mong mỏi.

* QUAN ĐIỂM CỦA PHE CHỐNG ĐỐI ĐƯỢC DIỄN ĐẠT qua các lời phát-biểu của các NS - DB trong liên danh Hoa-Sen, Khối Dân-Tộc Xã-Hội và nhóm Quốc-gia Hạ-Viện.

Ở diễn đàn Thượng-Viện, NS Vũ-Văn-Mẫu đã đưa ra những luận cứ lên án mạnh mẽ SL 060 ông cho rằng : với Sắc-luật 060 Tổng-Thống đã có tình khai tử về mặt pháp lý tất cả các đảng phái trong nước để tạo điều kiện khai sinh thuận tiện cho đảng Dân-Chủ mà Chủ-Tịch đảng là Tổng Thống Thiệu". (1) Cũng đồng một quan niệm, hai Ông DB Đặng-văn-Tiếp và Nguyễn-văn-Kim (2) cũng cho rằng : "Với Sắc-luật 060, Tổng-Thống đã ngăn cấm các công dân yêu nước tham gia vào mọi sinh hoạt chính-trị để dành độc quyền cho phe nhóm của Ông trên chính trường. Tinh-thần của Sắc-luật không phù hợp với Hiến-pháp và đi ngược lại quần chúng. Tổng Thống đã đưa ra một Sắc-luật giết chết các đảng phái khác, thì dù dưới danh nghĩa nào cũng không thể lấy mục tiêu là muốn có một hệ thống chính đảng mạnh, mà bảo chữa cho phương thức hành động độc đoán của mình".

Ông DB Lê-Đình-Duyên Trưởng Khối Dân-Tộc Xã-Hội (3) đã nhận định về SL 060 như sau : Trên phương diện pháp-lý Sắc-luật 060 vi luật về hình thức, còn phần nội dung, Sắc luật 060 vi hiến

-
- (1) Biên bản cuộc thảo-luận và biểu- quyết Dự-luật bầu cử bán phần Thượng-Viện (1973), ngày 27-4-73 tại diễn đàn Thượng-Viện. Trang 21
 - (2) Nhóm Quốc-gia Hạ-Viện.
 - (3) Biên bản cuộc thảo-luận và biểu- quyết dự-luật bầu-cử bán phần Thượng-Viện (1973) ngày 8-1-73 tại diễn đàn Hạ-Viện.

- Vi luật : Quốc-Hội chỉ ủy-quyền cho Tổng-Thống ban hành các Sắc-luật thuộc địa hạt An-ninh, Quốc-phòng, kinh-tế tài-chánh. Sắc-luật 060 chứa đựng nhiều điều khoản vô cùng quan trọng liên quan đến quyền chính trị của công dân, xâm lấn đến địa hạt chính-trị là địa hạt mà luật ủy-quyền không bao hàm.

- Vi hiến - điều 13 khoản 1 Hiến-pháp quy-định mọi công dân đều có quyền tự-do hội họp và lập hội trong phạm vi luật-định. Đành rằng cái gì cũng phải theo thể thức luật định, song sáo ngữ này không thể nhất nhất được viện dẫn một cách máy móc để xâm phạm đến quyền công dân. Luật định không có nghĩa là thu hẹp đến nỗi cản trở, hủy diệt những nguyên tắc căn bản.

Nếu chính quyền có thiện chí muốn làm cho sắc thái chính trị miền Nam được sáng sủa hơn với hình thức lưỡng đảng, thì đó là một điều hay, nhưng những phương thức đề ra để thực hiện mục tiêu đó quá gò bó trói buộc khiến cho Sắc-luật không đem lại kết quả mong muốn mà trái lại sẽ làm nghèo nàn hơn sắc thái chính trị hiện hữu (1). Một số Dân-Biểu Nghị-Sĩ khác phản đối một cách ôn hòa hơn. Ông Dân-Biểu Nguyễn-Ngọc-Tân (2) cho rằng : Bất cứ ở một nước nào nếu dùng một chữ ký tên mà giải tán hay cấm đoán được hoạt động của các đảng phái thì các nhà cầm quyền chủ - trương độc tài độc đoán cũng đã tiêu diệt được các đảng phái chống đối, thì cần gì phải dùng đến vũ lực để đè bẹp đối lập. Theo Ông, chữ ký chỉ mới là hình thức thôi, pháp lý phải đi sát với thực tại, luật pháp phải phù hợp với nhu cầu, nếu không thì kẻ xử dụng luật pháp như một phương tiện văn chưởng giải quyết được những gì mong muốn. Thực-trạng vẫn tồn tại.

(1) NS Tôn-Thất-Niệm : Biên-bản thảo-luận và biểu-quyết dự luật bầu cử bán phần Thượng-Viện, ngày 27-4-73 tại diễn đàn Thượng-Viện.

(2) Khôi Dân Quyền : Biên-bản thảo-luận và biểu-quyết dự luật bầu cử bán phần Thượng-Viện, ngày 8-1-73 tại diễn đàn Hạ-Viện.

Trên diễn đàn Thượng-Viện NS Huỳnh-Văn-Cao cũng đã phát-biểu : Nếu những ai chấp nhận nguyên-tắc Dân-chủ, hiểu biết sinh hoạt Dân-chủ thì nếu không bằng lòng với Sắc-luật 060 ắt có 2 con đường tranh đấu :

- Một là kiện lên Tối-Cao Pháp-Viện, trường hợp này thì bất cứ 1 công dân nào cũng có quyền làm.
- Hai là đề-nghị Dự-luật tu chính, trường hợp này hoặc do sáng kiến của bất cứ DB hay NS nào, hoặc do những công dân có lập trường khác biệt ảnh hưởng đến số DB hay NS **thuộc phe nhóm của họ.**

Ngày nào chưa có phán quyết của Tối-Cao pháp-viện để hủy bỏ Sắc-luật số 060, thì ngày đó SL 060 vẫn còn giá trị, và ngày nào chưa có đạo luật mới tu chính SL 060 thì Sắc luật ấy vẫn còn được áp dụng.

Tóm lại, qua các cuộc tranh luận sôi nổi để diễn đạt những khuynh hướng riêng biệt, khuynh hướng chung của Quốc-hội là chấp nhận sự ban hành sắc-luật 060 như là một thái độ cần phải có khi đứng trước tình thế.

ĐOẠN 2 : QUAN ĐIỂM CỦA DỰ-LUẬT QUẢN CHỨNG :

(qua báo chí)

Nhiều người than phiền tình trạng quá nhiều đảng phái của nước ta đã làm suy yếu tiềm lực quốc gia trong công cuộc đương đầu với Cộng-Sản; do đó cần phải có 1 khung cảnh pháp-lý làm vật xúc tác đầu tiên kết hợp các chính đảng. Tuy nhiên quy-chế phải phù hợp với thực trạng, thực trạng là yếu kém về ý thức tham-gia chính-trị của quan chúng, sinh hoạt dân chủ còn phôi thai, hệ thống chính trị chưa được vững mạnh, đất nước còn đang chiến tranh. Với tình trạng trên, quy chế không thể đòi hỏi các chính đảng phải tập hợp cấp tốc thành một lực lượng lớn mạnh. Sự quy định 1 số lượng đảng viên lớn lao (111.182 tại Đô thành và 27 tỉnh thị xã nhỏ nhất nước), mặc dù hợp lý, vì một chính đảng "ra hồn" cần có một số lượng đảng viên như vậy, nhưng trước khi đạt đến được con số đáng kể này quy chế cần phải ấn định một số chỉ tiêu vừa phải để 1 chính đảng cố gắng có thể đạt đến được rồi dần dần gia tăng thêm. Đồng quan niệm trên, Giáo sư Trần-Chánh-Thành trong buổi thuyết-trình trước Phong-trào trí thức công giáo Pax Romana tại

nhà thờ Tân-Định ngày 11-11-73 đã đề nghị sửa đổi Sắc-luật để các đảng tận lập có thể hợp thức hóa với 1/4 Đô, Tỉnh, Thị Bộ (một Đô-thành bộ và 14 tỉnh thị bộ vẫn giữ số xã, phường bộ là 1/4 tổng số xã, phường trong Đô, Tỉnh, Thị, Xã liên hệ) thay vì với 1/2 Đô tỉnh thị Bộ và số đảng viên tiên khởi là 90.000 thay vì 300.000 (1/20 tổng số cử tri) (1).

Trên một khía cạnh khác, việc liên kết đặc-quyền giới thiệu ứng-cử-viên của chính đảng với kết quả mà chính đảng ấy đạt được sau mỗi cuộc bầu cử, khiến chính đảng đó có thể phải đương nhiên tự giải tán, là một điều phi lý mang nặng tính cách cực đoan; đặc quyền này không nên là lưỡi dao khai tử các chính đảng.

Về vấn đề luật 9/69 ngăn cấm không cho quân-nhân tại ngũ sinh-hoạt đảng phái, nhưng được quyền giữ nguyên đảng tịch. Mục đích là để duy trì kỷ-luật trong quân-đội, nhưng trên thực tế cũng không tránh được việc các quân-nhân ngấm ngấm hoạt-động cho chính đảng thiết tưởng nên để cho quân-nhân sinh hoạt đảng phái nhưng cần phải quy-định rõ rệt một số điều kiện để hoạt-động của họ không đưa đến những sự lạm dụng (2).

Kinh nghiệm đảng phái của những quốc-gia tân - tiến cho thấy một mình khung cảnh pháp lý không thể là động lực để cải tiến tình trạng đảng phái, nếu không có các yếu tố khác hỗ trợ cho sinh-hoạt đảng phái. Những điều kiện của Sắc-luật 060 quy định nhất là về các điều kiện về hợp-thức-hóa và đương nhiên giải tán, nếu một mặt nó có tác dụng làm giảm thiểu số lượng chính đảng thì mặt khác nó có thể có ảnh hưởng ngược lại. Sinh hoạt đảng phái tùy thuộc nhiều điều kiện ngoài yếu-tố pháp lý, nhất là chính quyền có thực tâm muốn hợp lý hóa đời sống nhân dân hay không, bằng cách quy tụ quần chúng quanh một số lập-trường chính đảng. Đó mới là yếu-tố ảnh hưởng mạnh mẽ đến sinh hoạt đảng phái.

(1) Chính Luận 12-11-73

(2) Giảng Văn DS 19 HVQGHC. Các vấn-đề chính-trị VN.
Tạ-Vân-Tài

ĐOẠN 3 : QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ :

Quan điểm của Đảng Dân-Chủ được trình bày qua cương lĩnh chính trị và Nhật báo Dân-Chủ trên những nét chính sau đây :

1/- Cùng chấp nhận một xã-hội đa nguyên : Tức là thừa nhận tính cách tương đối của chân lý chính trị, trong đó sự bất đồng chính kiến được tự do phát biểu trong vòng hợp-pháp. Trong một chính thể Dân-chủ thực sự, sự hiện diện của đối lập hết sức cần thiết, hết sức chính đáng, chính đáng vì sự thừa nhận đối lập tức là thừa nhận tự-do chính-trị. Tuy nhiên tự-do chính trị không có nghĩa là muốn làm gì thì làm, muốn lập bao nhiêu đảng cũng được, tự do chính trị phải hướng về trật tự và tiến bộ.

Chính đảng là dụng cụ thể hiện ý chí của dân chúng trong một giai-đoạn nhất định, chính đảng là cơ cấu biểu hiệu và tạo thành ý chí của quốc-gia. Nếu hệ thống chính đảng không được điều hành một cách hữu-hiệu thì tương lai của nền Dân-chủ sẽ đen tối và cuộc sinh-hoạt chính trị sẽ kém phần ổn định. Chính đảng là một nguồn lo âu và nhiều khi cũng là trở lực không ít cho cuộc sinh hoạt chính trị. Bởi thế, Đảng Dân-Chủ không chấp nhận một tình trạng hỗn độn đảng phái chính trị, quốc gia có quá nhiều đảng không thể đáp ứng với nhu cầu trật tự và tiến bộ quá nhiều đảng không thể đáp ứng được nhu cầu trách-nhiệm đối với nhân dân và lịch-sử.

2/- Nhì thế Đảng Dân-Chủ quan niệm chỉ nên có một số lượng đảng phái nào đó khả dĩ có hiệu lực thúc đẩy lẫn nhau, tranh đua nhau để tiến bộ. Phải có một số đảng để có đối lập, để cho Quốc-gia có thể xoay chiều, đổi hướng trong khung cảnh của định chế một cách bình lặng, tự-do và tránh được mọi chính biến hay khủng hoảng chính trị đầy hậu quả cho cuộc sinh hoạt Dân-chủ, cũng như không tổn thương đến sự liên tục của cuộc sinh hoạt chính trị. Sự thỏa-thuận giữa đối lập và chính quyền là điều kiện cốt yếu của tình trạng ổn-định chính-trị.

Muốn thế, đối lập phải hoạt-động một cách ôn hòa, xây dựng và có tinh-thần trách-nhiệm, quan niệm đối lập là đối lập trong chế độ Dân-Chủ chứ không phải đối lập chống lại chế độ dân chủ.

3/- Chính đảng phải đoàn ngữ hóa các tầng lớp nhân dân thành những tập thể lớn mạnh để có thể đóng vai trò liên lạc hai chiều giữa chính quyền và nhân-dân.

Nhìn qua thế giới ta có thể nhận thấy rằng, một quốc-gia có 1 đời sống nội bộ ổn định đều là những quốc-gia có những chính đảng tổ chức chặt chẽ và đặt được những cơ sở trong quần chúng. Chính đảng phải vững mạnh và có hậu thuẫn quần chúng rộng rãi.

- Khi ở trong chính quyền hỗ trợ mạnh mẽ các quyết định, chính sách của nhà cầm quyền.

- hay lúc ở trong thế đối lập cũng vậy, các chính đảng đối lập phải có ảnh hưởng sâu rộng đóng trọn vẹn vai trò kiểm soát, chỉ trích và cộng tác với chính quyền. Những tư tưởng lập trường đối kháng với nhau sẽ giúp tạo sinh sức cho 1 nền Dân-chủ đích thực, để nền Dân-chủ không mang hình ảnh 1 con ngựa kéo xe thồ mọ, hai bên mắt cứ bịt kín chỉ còn biết nhìn về phía trước một chiều mà thôi.

Trước tình trạng phân hóa của các đảng phái quốc gia, Đảng Dân-chủ mở đầu cho sự quy tụ quần chúng, mặt khác ảnh hưởng đến các đảng khác để buộc họ kết hợp lại dưới những chính đảng đối lập. Chính quyền phải chân thành mong các đảng đối lập lớn mạnh. Cuộc đấu tranh chính-trị với Cộng-Sản, muốn được thành công phải có sự tham gia tích cực của các chính đảng quốc gia, vì chính đảng là dụng cụ để tranh chính trị ưu thế nhất và cuộc đấu tranh chỉ có thể thủ thắng được nếu các chính đảng đều lớn mạnh.

4/- Ý thức được thực trạng của đất nước là không thể nào tiến ngay đến chế độ lưỡng đảng như Hiến-pháp đã quy-định, nên chúng ta phải đi lần đến chỗ 3, 4 đảng.

ĐOẠN 4 QUAN ĐIỂM CỦA CÁC ĐẢNG ĐỐI LẬP :

Sau khi SL .060. ra đời người ta nhận thấy nhiều phản ứng dữ dội từ phía các chính đảng đối lập. Họ cho rằng SLv 060 là một bản án tử hình đối với các chính đảng VN, có hậu quả làm tê liệt sinh-hoạt dân chủ, phá hoại trầm trọng nền Dân-chủ tại Miền Nam.

Trong số các chính đảng đối lập, Đại-Việt Cách-Mạng phản ứng mạnh nhất, trong tuyên cáo ngày 5-1-73, đã

bày tỏ lập trường như sau : "Nội dung của Sắc-luật này đã tương đăt một số điều-kiện không tương và phi lý đối với các chính đảng quốc-gia. Sắc-luật chính là bản án khai tử các đoàn thể chính-trị đã từng hoạt-động tại Miền Nam này, hành vi nhằm đóng kín mọi tự-do sinh-hoạt chính-trị đối với tất cả các công dân yêu nước dành độc quyền chính-trị cho đảng cầm quyền".

Đồng thời ông Hà-Thúc-Ký đại diện Đại-Việt Cách-Mạng đảng đã đứng đơn kiện lên Tối-Cao Pháp-Viện về tính cách bất hợp hiến và bất hợp pháp của Sắc-luật 060 vào ngày 4-1-1973. Ít lâu sau ông Hoàng-Cơ-Bình đại diện Việt-Nam Hưng-Quốc đảng cũng có một hành-động tương tự vào ngày 17-3-73.

Về phía Phong-trào Quốc-gia Cấp-Tiến quan điểm được thể hiện qua đảng văn số 698 T.U./TTK ngày 4-1-73 gửi các Chủ-Tịch Đō, Tỉnh, Thị Bộ PTQGCT, nội dung như sau :

"Qua nội dung của SL .060 với những điều kiện quy-định khắt khe chưa từng thấy trong lịch sử chính-trị của bất cứ chế độ nào, nhà cầm quyền VNCH hiện tại, đã để lộ hẳn ý đồ muốn tiêu diệt các đảng phái và dành độc quyền làm chính-trị".

Lên tiếng trong bài diễn văn kỷ-niệm 27 năm thành lập Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội Đảng, Ông Phan-Bá-Cầm tuyên bố : VNDC. Đảng vẫn tiếp tục đi theo con đường tranh đấu của dân tộc của Đức Huỳnh-Giáo-Chủ, mặc dù mới đây chính quyền đã ban hành Sắc-luật mới về quy chế chính đảng. SL 60 đã ra đời trước khi Hiệp-định Ba-Lê được ký kết ngày 27-1-73. Nhưng nếu tôn trọng và thực thi nghiêm chỉnh điều 11 của Hiệp-Định Ba-Lê (1),

-- (Hiện nay các bên ký kết đều kêu gọi thực thi nghiêm chỉnh Hiệp-định BaLê) thì SL.060 sẽ không còn hiệu lực : trong khi Cộng-Sản được sự bảo đảm nói trên mà các đảng Quốc-gia lại bị cấm hoạt-động chẳng hóa ra bất công quá đáng (2)

(1) Điều 11 quy định : Bảo vệ các quyền tự-do Dân-chủ như : tự-do lập hội tự-do hoạt-động chính-trị...

(2) Chính-luận ngày 23-9-73

Về phía các chính đảng khác, một số chính đảng vốn mang sẵn truyền thống tranh đấu cách mạng, như các hệ phái của VNQDD và ĐVQDD, đều cho rằng nếu không được phép hoạt động công khai thì lui về hoạt động bí mật như trước. Còn một số các chính đảng khác như lực lượng Dân-tộc-việt, phong trào Phục-hưng Miền Nam... thì cho rằng SL .060 sẽ không thi hành nên ngồi chờ đợi, không cần phản ứng. (1)

Tóm lại, vì sự xuất hiện của đảng cầm quyền với những phương-tiện hoạt-động dồi dào, thêm vào đó việc ban hành SL .060 với những điều kiện quá khắt khe, nên các chính đảng đã chống đối kịch liệt, riêng một số chính đảng tương đối có thực lực, đều không đồng ý về sự quy định của SL .060 cũng đã tìm cách liên minh với nhau thành một lực lượng đông đảo và vững mạnh.

MỤC 2 : NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG LÚC ÁP DỤNG SL .060 :

Đoạn 1 : Sự giải thích chặt hẹp của Bộ Nội-Vụ :

Các chính đảng tố cáo là Bộ Nội-Vụ đã giải-thích bất lợi cho họ, chẳng hạn về vấn đề thông báo danh sách đảng viên để được hợp-thức-hóa, thông báo về những thay đổi về đảng viên, Ban chấp hành...

Vì luật 9/69 không nói rõ cách thức thông báo, cho nên Bộ Nội-Vụ đã ban hành Nghị-định số 807.NĐ/BNV ngày 1-8-70 quy-định những điều kiện thông báo có tính cách vi phạm Luật 9/69. Theo đó, chính đảng phải nộp danh sách hay số đảng viên với đầy đủ lý lịch cho cơ-quan Hành-chánh (2) Sự quy định này vi phạm quyền được giữ bí mật danh tánh đảng viên được ấn định trong điều 17 Luật 9/69.

Ngày nay với Nghị-định số 006.NĐ/BNV ngày 3-1-73 và nhất là thông tư số 24 BNV/KS/14 cùng ngày, ấn-định chính đảng muốn được hợp thức hóa (3) vẫn phải trình thêm số đảng viên có kèm theo giấy gia nhập đảng và chứng thư cư trú chính thức tại địa-phương liên hệ của mỗi đảng viên để đối chiếu.

(1) Dân Quyền 10-5-73.

(2) Điều 5 NĐ số 807.

(3) Điều 3. -

Như vậy Nghị-định số 006 khắt khe hơn ND số 807 nếu Nghị-định này được áp-dụng một cách chặt chẽ thì sẽ không có một đảng phái nào ngoài đảng cầm quyền hội đủ điều kiện để hợp-thức-hóa. Về vấn đề hợp và sinh-hoạt chính đảng, điều 15 của Nghị-định 807 còn tỏ ra khắt khe hơn cả dụ số 10, khi quy định rằng chính đảng có quyền sinh-hoạt thường kỳ hay bất thường tại trụ sở đảng của mỗi cấp bộ đảng, nhưng phải thông báo cho chính quyền địa-phương biết trước 48 giờ, trong trường hợp sinh hoạt ngoài trụ sở phải xin phép chính quyền địa-phương trước ít nhất 7 ngày. Sau cùng sự sửa đổi Sắc-luật 12-TT-SL ngày 16-9-72 về việc kiểm-soát trụ sở chính đảng chỉ cần lệnh của Biện-lý Cuộc sở tại thay vì một phán quyết của Tòa-án. Càng làm tăng thêm quyền kiểm-soát của Chính quyền đối với chính đảng.

ĐOẠN 2 : NHỮNG KHÓ KHĂN DO CHÍNH BẢN VĂN SẮC-LUẬT GÂY RA.

Đó là điều khoản đòi hỏi Bộ Nội-Vụ trong vòng 1 tháng phải xem xét hồ sơ, rồi ban hành Nghị-Định hợp thức hóa chính đảng đủ điều kiện (1).

Thời gian để xem xét hơn 100.000 hồ-sơ điều tra hư thực tại địa-phương, rồi thông báo về Trung-ương, thực sự đòi hỏi nhiều thì giờ hơn 1 tháng. Bởi vậy Bộ Nội-Vụ cũng như các Tòa Hành-chánh Đốc, Tỉnh, Thị Xã thường xem xét đại cương số danh sách đảng viên được chính đảng đệ nạp rồi sau đó mới từ từ hậu kiểm lý lịch.

ĐOẠN 3 : NHẬN ĐỊNH VỀ CÁC KHÓ KHĂN TRONG LÚC ÁP DỤNG SL .060.

Sự kiểm soát của chính quyền đối với chính đảng trên nguyên-tắc không có gì là bất hợp lý, tuy nhiên trên thực tế giá trị của sự kiểm-soát này hoàn toàn tùy thuộc vào thái độ của nhà cầm quyền. Việc khai báo danh sách đảng viên thực sự đã gây nhiều khó khăn cho các chính đảng, do kinh nghiệm lịch sử, họ hãy còn e dè khi phải công khai hóa hoạt-động của mình; tinh thần cách mạng và lẽ lối hoạt

(1) Điều 11 Luật 9/69.

động chính-trị bí mật vẫn luôn luôn ăn sâu vào tâm khảm của đa số chính khách Việt-Nam.

Họ cho rằng chỉ cần nhìn vào số ghế đại diện tại các cơ-quan dân cử và số phiếu mà họ thu đạt được là biết rõ thực lực của chính đảng, từ đó chính quyền sẽ có thái độ chính-trị thích ứng. Chỉ cần dùng pháp lý quy-định phương thức tranh cử là các chính đảng sẽ tập hợp thành những khối lớn. Như vậy mục tiêu kết hợp các chính đảng thành những lực lượng vững mạnh vẫn đạt được, mà chính quyền đỡ phải xen lẫn quá nhiều vào nội bộ chính đảng. ✓

CHƯƠNG III NHỮNG TRỞ LỰC CHO VIỆC KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG

Mặc dù ai ai cũng đồng ý là không thể chấp-nhận một tình-trạng đa đảng hỗn tạp cũng như sự cần thiết phải có những chính đảng vững mạnh trong sinh-hoạt chính-trị quốc-gia. Nhưng biết bao nhiêu trở lực đã ngăn cản con đường đi đến một sự tập hợp chính đảng sự kết hợp không phải một sớm một chiều là có thể thực hiện được, mà cần phải có thành tâm cùng hoàn cảnh thuận tiện.

TIẾT I TRỞ LỰC NỘI BỘ

Mục 1 : TÌNH-TRẠNG PHÂN-HÓA NỘI BỘ :

Hoàn cảnh chính-trị của nước ta trong quá khứ đã đưa các chính-đảng đến việc phải có những quyết-định rõ-rệt tạo nên những mối bất đồng trầm trọng về đường lối hoạt-động của đảng giữa các nhà lãnh tụ, khiến họ không thể tiếp tục ngồi chung với nhau, mà phải tách biệt thành những hệ phái đối nghịch. Thêm vào đó chính sách cảnh-sát trị của nhà cầm quyền kém dân chủ thời trước đã khiến cho chính đảng khó phát-triển trên toàn quốc, mà hậu quả là nền Đệ II Cộng-Hòa phải giải-quyết những khó khăn chông chát.

Mục 2 : KHIÊM-KHUYẾT TRONG VẤN-ĐỀ TỔ-CHỨC :

Trước kia vì nhu cầu an-ninh cơ sở tránh nội-tuyến của chính-quyền các chính đảng đã phải tổ-chức từng chi bộ bí mật với quyền hành và kỷ-luật mạnh-mẽ.

Do đó đã phải chia ra nhiều nhóm riêng biệt, có tổ-chức, địa bàn hoạt-động riêng cũng như có lãnh tụ riêng. Ngày nay dù đã ra công khai hóa hoạt-động khoác lên mình bộ áo hợp pháp, nhưng không ai chịu từ bỏ hàng ngũ của nhóm mình để sáp nhập vào nhóm khác hay nhượng quyền lãnh đạo của mình cho người khác, vì thế các chính đảng thường chỉ có các cơ sở ở cấp trung-ương mà nhẹ ở hạ tầng.

Thêm vào đó, có những người tuy đề cao tinh thần dân-chủ nhưng trong thực tế vẫn tổ-chức chính đảng theo một lề lối

lãnh đạo chuyên chế thường thấy nơi những lãnh tụ có tuổi. Vì thế trong nội bộ đã có những xung đột giữa những thế hệ già nua muốn duy trì hào quang cách mạng và khuynh-hướng thực-tế cần đáp ứng với nhu cầu hiện tại. Ngày nay theo đà tiến bộ, các chính đảng phải tự chuyển mình canh tân, muốn tạo cho mình một cơ cấu vững chắc muốn nhấn mạnh đến vai trò tập thể lãnh đạo, cá nhân tùy khả năng sẽ phụ-trách phần vụ thích ứng.

Mục 3 : THIẾU THỐN CÁC PHƯƠNG-TIỆN HOẠT-ĐỘNG :

Nói chung các chính-đảng thường thiếu thốn các phương tiện để phát-triển cơ sở đảng. Phương-tiện hoạt-động thường chỉ trông cậy vào sự đóng góp của các đảng viên vì thế vấn-đề tài chánh vẫn là gánh nặng thường xuyên đe dọa hoạt-động của đảng nhất là khi phải hoạt-động công khai. Hoàn cảnh chiến-tranh đã khiến cho đa số đảng viên năng động phải nhập ngũ, mà luật lệ cấm quân nhân tại ngũ sinh-hoạt đảng phái càng tạo thêm thiếu thốn nhân sự cho đảng khiến cho sinh-hoạt của đảng kém phần hào khí.

TIẾT II

TRỞ LỰC NGOÀI TẠI

Mục 1 : TRỞ-LỰC PHÁP-LÝ :

Trên phương-diện pháp-lý nền tảng cho cuộc sinh-hoạt chính-trị quốc-gia là đạo-luật 9/69, Sắc-luật 012-TT/SLB và quan-trọng nhất là Sắc-luật 060-TT/SLB. Sắc-luật này ấn-định một số điều kiện về hợp-thức-hóa và đương-nhiên tự giải-tán.

Về một phương-diện nào đó những điều kiện trên là nguyên nhân cho sự tập hợp chính-đảng, nhưng về một khía cạnh khác chính số lượng đảng viên phải có để chính đảng được hợp thức-hóa đã tạo nhiều khó khăn cho những đảng tân lập.

Thật vậy, một số lượng đảng viên lớn lao là yếu tố chính gây trở ngại cho sự xây dựng một chính đảng mới. Như thế muốn được hợp thức hóa chính đảng phải tự có ngay sự ủng-hộ cần thiết đáng kể trong giai-đoạn đầu. Với sự quy-định khắc khe nhằm giới hạn số đảng phái, người ta nhận thấy một chính đảng tân lập, khó lòng chen chân được với những chính đảng đã được thành lập trước và một khi không hội đủ chỉ tiêu luật định thì chính đảng ở vào một tình-trạng pháp-lý bấp bênh.

Mục 2 : TÙY THUỘC VÀO CHÍNH-SÁCH CỦA NHÀ CÀM QUYỀN:

Sự phát-triển chính đảng tùy thuộc vào phần lớn quan-niệm của chính-quyền có chấp-nhận để các chính đảng đối lập bành trướng thế lực và sinh-hoạt chính-trị trong một tinh thần dân chủ hay không ? Nếu chính-quyền (với sự hỗ trợ của đảng cầm quyền) có một quan-niệm rộng rãi về đối lập chính-trị thì chính đảng có nhiều cơ hội để tiến triển, bằng ngược lại muốn duy-trì bá quyền trong việc điều hướng chính sách quốc-gia bằng cách áp dụng nguyên-tắc đa số để đè bẹp tiếng nói đối-lập thì lúc ấy chính-đảng sẽ gặp nhiều trở ngại trong việc sinh-hoạt chính-trị.

Mục 3 : SỰ THỜ Ơ LÃNH-ĐẠM CỦA QUẦN CHÚNG.

1/- Quan niệm ít thiện cảm của quần chúng đối với đảng phái, danh-từ đảng phái đối với họ là những gì xấu xa, bè nhóm, thủ-đoạn, dưới mắt quần chúng các lãnh tụ chỉ là những người xôi thịt, đảng phái chỉ là một nhóm người kết hợp nhau để chia phần và đôi khi vì quyền lợi riêng tư các chính đảng đã chỉ trích nhau kịch liệt khiến nhân-dân đâm ra nghi-ngờ thiện chí của đảng phái.

2/- Thái độ thận trọng khi nghĩ đến ảnh hưởng chính-trị nếu dính líu vào đảng phái đối với đời tư, nghề-nghiệp của họ.

3/- Thái độ ít tham-gia vào sinh-hoạt chính-trị của nhân-dân. Trước những bất trắc sẽ xảy đến cho họ, nếu họ tham-gia vào hoạt-động chính-trị tích cực, khiến nhân-dân đâm ra e dè đối với chính quyền nên họ không thích hoạt-động trong các đảng phái mà lại thích hoạt-động trong các đoàn thể áp -lực quan-trọng nhất là nghiệp đoàn và Giáo-hội vì các tổ-chức này liên-quan đến quyền-lợi mật thiết của họ hơn. Công-dân thích có một lập trường chính trị trong những tổ-chức không có mục-tiêu chính-trị hơn là tham-gia thẳng thắn vào đảng phái chính-trị (1).

(1) Nguyễn-Văn-Bông Luật HP và chính-trị học trang 243

4) Cảm giác bất lực : dựa trên ý thức rằng con người quá cô đơn trong xã-hội, cho dù mình muốn tham-gia đi nữa thì sự tham gia của một cá-nhân giữa hàng ngàn hàng triệu người có thể ví như một hạt nước ở biển khơi.

5) Trình-độ giáo-dục chính-trị trong quần chúng chưa được đẩy mạnh. Vì chính đảng chưa đóng vện vai trò của mình cũng như tính cách e dè truyền thống của nhân-dân về đường lối hoạt-động công khai mà sự giáo-dục chính-trị chưa được đẩy mạnh, nên cần phải đem lại nguồn sinh lực cho hệ-thống chính-đảng và phong trào sinh-hoạt chính-trị, cần phải đem lại cho công-dân một niềm tin, l ý nghĩa và tinh-thần trách-nhiệm của họ, gây cho sự chú ý đến sinh-hoạt chính-trị, chú trọng đến việc họ tham-dự vào sự quyết-định số mệnh quốc-gia.

TIẾT 3 : CON ĐƯỜNG KHẮC PHỤC TRỞ LỰC :

Trước những khó khăn nội bộ cũng như ngoại tại ngăn cản sự phát triển chính đảng khiến chính đảng chưa thể đóng trọn vai trò rường cột trong sinh hoạt quốc-gia; nên cần phải giúp đỡ họ để cho họ phát-triển. Chính-quyền là người có đủ khả năng và phương-tiện nhất giúp đỡ các chính-đảng một cách thiết thực.

MỤC 1 : NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA CHÍNH-QUYỀN.

Với những phương-tiện dồi dào, chính-quyền có thể giúp đỡ chính đảng bằng hai cách :

1/- GIÚP ĐỠ VỀ PHƯƠNG-DIÊN TINH-THẦN : Như

*.- Thực thi dân chủ : Jefferson đã phân xét :

"Ta cần phải ý thức rằng ý chí của đa số trong mọi trường-hợp đều ưu thắng, nhưng một ý chí mà muốn được coi là phải thì trước hết cần phải hợp với lẽ phải, đồng thời thiểu số cũng có những quyền được bình đẳng của họ, luật-pháp phải bảo-vệ quyền này, vi-phạm quyền này tức là áp bức vậy".

Muốn thực thi dân chủ thực sự, chính-quyền cần phải tôn trọng 2 điều :

1/- MỘT HỆ-THỐNG PHÁP-LUẬT BẢO-ĐẢM DÂN-CHỦ :

Nguyên-tắc thượng tôn luật pháp là nguyên-tắc căn-

bản cho việc thực thi dân chủ. Dân chủ tức là ưu thế của pháp-luật và ưu thế của pháp luật có nghĩa là ưu thế của những quy tắc pháp-lý loại hẳn hành vi độc đoán, nó cũng có nghĩa là bình đẳng trước pháp-luật tức là mọi người, mọi người, luôn cả nhân viên chính quyền - Có bốn-phận phải tuân hành pháp luật (1)

2/- MỘT TỔ-CHỨC ĐỐI-LẬP THỰC SỰ :

Chính quyền phải tôn trọng một tổ-chức đối lập thực sự nghĩa là tổ-chức này phải được hưởng các quyền như :

- Quyền không thể bị tiêu diệt
- Quyền phát-biểu
- Quyền nắm lấy chính quyền : Các quyền trên chỉ có ý nghĩa khi nào đối lập tin tưởng còn có quyền nắm lấy chính quyền - Chính sự bình đẳng trong vận hội ấy làm cho cuộc sinh-hoạt chính-trị thêm phần khởi sắc. Chính-quyền cần tạo một khung cảnh pháp-lý, để định chế hóa các hoạt-động chính-trị một cách hợp lý, hầu nâng đỡ các chính-đảng phát-triển cơ sở cũng như soạn thảo những dự-luật bầu cử thích ứng để tạo lập một thể tập hợp thành 3 hay 4 đảng mạnh trong một hệ thống chính-đảng hữu-hiệu.

2./ GIÚP ĐỠ VỀ PHƯƠNG-DIỆN VẬT-CHẤT :

Bên cạnh những nghĩa vụ phải giúp đỡ về mặt tinh thần chính-quyền nên giúp đỡ vật chất một cách thiết thực hơn như dành một hội trường chung cho các chính-đảng xử dụng. Giáo-Sư Nguyễn-Ngọc-Huy đề-nghị chính-quyền giúp đỡ các chính-đảng một trụ sở lớn để làm văn-phòng liên lạc chung cho các chính đảng.

Nơi đây mỗi chính đảng sẽ có một phòng nhỏ để làm Văn-phòng liên-lạc của đảng mình, nhờ có sinh-hoạt là tiếp xúc nhau hàng ngày các chính-đảng để thông cảm nhau hơn và dễ-dàng cộng-tác với nhau thành những khối lớn sau này.

Ngoài ra, chính quyền nên dành mọi sự dễ-dàng cho các chính-đảng dùng những phương-tiện thông-tin công cộng đảm nhận công-tác giáo-dục công-Jân và huấn-luyện chính-trị

(1) Nguyễn-Văn-Bông. Nghiên cứu Hành-chánh tập 9 số 1 tháng 11 và 12 năm 1965 - trang 2.

cho quần chúng. Sau cùng vấn-đề tài-chánh vẫn là mối ưu-tư thường xuyên của các chính đảng, sự đóng góp của đảng viên đầu lớn lao, nhưng cũng chỉ giảm bớt phần nào gánh nặng tài chánh mà thôi. Do đó vai trò của chính quyền trong việc yểm trợ tài chánh cho các chính-đảng thật là quan-trọng. Sự giúp đỡ đó cần phải căn cứ vào một tiêu chuẩn hợp-lý để chính đảng có thể thoát ra khỏi sự chi phối trực tiếp hay gián tiếp của chính quyền và tránh khỏi sự nghi kỵ của nhân-dân đối với chính đảng. Sự yểm trợ ấy được thể hiện bằng cách ghi hẳn số tiền trợ cấp vào Ngân-sách quốc-gia (1) nhiều ít tùy theo số ghế mà chính đảng đó đạt được ở Quốc-Hội.

MỤC 2 : CẢI TỔ VỀ PHÍA CHÍNH ĐẢNG :

Song song với những đóng góp của chính quyền để khắc phục những trở lực trong sự kết hợp chính đảng, về phần mình các chính đảng cũng phải có những cải tổ thích ứng như.

1.- XÂY DỰNG LẠI HÀNG NGŨ CHÍNH ĐẢNG :

Có ba phương-thức chính để xây dựng lại hàng ngũ chính đảng phân hóa :

A.- THỐNG NHẤT NỘI BỘ : Đó là công việc của các chính đảng kỳ cựu có thành tích tranh đấu nay bị phân thành nhiều hệ phái như VNQDD và Đại-Việt QDD.

B.- KẾT HỢP GIỮA CÁC CHÍNH-ĐẢNG THEO CÁC HÌNH-THỨC

a/- Liên minh : Mỗi chính-đảng thành viên vẫn giữ tính cách tự trị.

b/- Tập-hợp : Vẫn sinh-hoạt riêng rẽ nhưng đồng ý xếp mình trong kỷ-luật chung trong một số vấn-đề chung.

c/- Tổ hợp : Các thành viên hoàn toàn từ bỏ tính cách riêng rẽ.

Nhận định về 3 hình-thức kết hợp trên người ta có thể đưa ra các nhận xét sau :

- Hình thức liên-minh chỉ nói lên tính cách giai-đoạn của sự kết hợp, hơn nữa nó chỉ có ảnh hưởng ở cơ cấu thượng tầng mà ít ảnh hưởng ở các cấp bộ địa-phương, do đó hình thức

(1) Giải-pháp của Tây-Đức.

này có thể không có được một sự kết hợp vững vàng. Tuy nhiên giải-pháp này được xem như là bước đầu cho công việc kết hợp chặt chẽ sau này.

- Hình thức tổ hợp đòi hỏi một mức độ sáp nhập mạnh mẽ, một sự đồng hóa hoàn-toàn nên khó thực hiện, phần vì mỗi thành viên tham-dự còn quá tin tưởng ở lực lượng mình, phần vì mỗi đảng còn có một địa bàn hoạt-động riêng rẽ nên chưa thấy cần thiết để tổ-hợp lại. Tuy nhiên sự kết hợp chỉ đem lại kết quả tốt đẹp nếu mọi thành phần tham-dự đều có tinh thần nhân nhượng và một lòng thành tâm, thiện-chí thực sự.

G/- THÀNH-LẬP CÁC CHÍNH ĐẢNG MỚI.

Ưu-điểm của phương-thức này giúp cho 1 số phần tử đảng phái có thể từ bỏ mọi ràng buộc cũ, những bất đồng nội bộ để thành lập những tổ-chức mới vừa phù hợp với hiện-trạng vừa có khả năng thu hút, kết nạp những phần tử từ trước đến nay chưa hoạt-động đảng phái bao giờ (1).

2.- CÔNG KHAI HÓA CÁC HOẠT-ĐỘNG CHÍNH-TRỊ :

Trong một chế-độ dân chủ, chính đảng có bốn-phận phải hoạt-động công khai và có quyền hoạt-động công khai. Như thế chính đảng mới có thể phổ biến ý thức cách mạng và dân chủ trong quần chúng một cách rộng rãi, hầu có đông công dân tha thiết tham-gia vào những quyết-định ảnh hưởng đến vận mệnh quốc-gia.

Có hoạt-động công khai, chính đảng mới có những phương tiện hợp-pháp để chống độc tài mỵ dân. Có hoạt-động công khai nhân dân mới có đủ yếu tố để thăm lường đường lối và thực lực của chính đảng, hầu tỏ rõ thái-độ khi cần, cũng như chính đảng không thể lẩn tránh trách-nhiệm trước lịch sử.

*

*

*

(1) Nguyễn-Kim-Khánh. Vấn-đề chính-đảng tại Việt-Nam trang 115.

Sự ra đời của Sắc-luật 060 cùng lúc với sự khai sinh Đảng Dân-Chủ báo hiệu rằng VNCH sắp bước vào một ngã rẽ quan trọng, đưa nước nhà vào một vận hội mới. Sắc-luật đã mang đến cho sinh-hoạt chính-trị một sắc thái mới, tạo khung cảnh pháp-lý làm vật xúc tác cho sự kết hợp chính đảng và sau một thời gian ngắn hệ thống chính đảng nước nhà đã thoát được tệ trạng đa đảng hỗn tạp chỉ còn lại những đảng có thực lực vững bền.

Sự giảm thiểu đáng kể số lượng chính đảng nhất là có sự xuất hiện của hai liên minh chính đảng cùng vai trò ưu thế của đảng cầm quyền, đã đem lại cho người ta hy-vọng rằng chính tình VN nhờ đó sẽ được ổn định vững bền.

Tuy nhiên những điều kiện tương đối khắc khe của Sắc luật đã khiến cho các chính đảng dù có cố gắng cũng không thể nào thực hiện theo đúng chi tiêu luật định và đã hơn một năm trôi qua kể từ ngày sắc luật ra đời vẫn chưa có dấu hiệu nào cho thấy một chính đảng đối lập nào hội đủ điều kiện để được hợp thức hóa.

Nhằm tránh tình trạng bất lợi của sự độc quyền chính trị 6 Nghị-sĩ và 2 Dân-Biểu đã đệ nạp một dự án luật ngày 26-3-74 xin Quốc-Hội tu-chính Sắc-luật 060 triển-hạn thêm một thời gian 12 tháng để các chính-đảng có đủ thời giờ hoàn tất thủ tục xin hợp thức-hóa (1). Hành-động này có thể được quan niệm như một biện-pháp sửa sai của nhà cầm quyền mong rằng có thể có được một vài chính đảng hội đủ điều kiện hợp-thức-hóa để đóng vai trò đối-lập trong sinh-hoạt chính-trị quốc-gia.

Phải có đối lập để tạo dựng một khung cảnh thích hợp cho sự tranh đua chính-trị, có lẽ bây giờ còn quá sớm để nhận định sự hữu hiệu của hệ-thống chính đảng đang được hình thành.

(1) Dự án luật đã trở thành Luật số 02/74 và đã được Tổng-thống ban hành ngày 11-4-1974. Sửa đổi điều 10 khoản 1 (mới) triển hạn thêm 12 tháng để chính đảng hoàn tất thủ-tục xin hợp thức hóa.

PHẦN THỨ HAI

**VẤN ĐỀ KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG
THEO SẮT LUẬT 060 - TT/SLU**

Qua nhiều năm sống trong tình trạng hỗn độn đảng phái, người ta nghĩ rằng khó có một sự kết-hợp lâu dài giữa các chính đảng quá phân hóa và chỉ khi nào có một khung cảnh bó buộc làm vật xúc tác, thì lúc ấy mới thấy được một vài liên minh vững chắc.

Ý thức được tình cảnh cần phải tạo dựng một lực lượng chính trị lớn mạnh, nên các chính đảng cũng đã nhiều lần đi đến kết-hợp. Thế nhưng, mọi nỗ lực dàn xếp rồi cũng thất bại vì có những bất đồng không thể dung hòa được và phải đợi đến khi sắc-luật 060 ra đời người ta mới nhận thấy vì nhu-cầu sống còn các chính đảng phải nương tựa nhau để sinh tồn và đây cũng là lần đầu tiên một đảng cầm quyền ra đời để hỗ trợ Chính-Phủ trong việc lãnh đạo và điều hành việc nước.

27-12-1972 một ngày quan trọng đánh dấu sự chuyển hướng của sinh-hoạt đảng-phái; từ đây lịch-sử chính đảng Việt Nam bước sang một giai-đoạn mới, các chính đảng phải thoát xác, lao mình vào một cuộc diện mới. Biết bao nhiêu trở lực đã ngăn đường cản lối cho việc tập hợp và phát-triển đảng phái nhưng với thành tâm và thiện chí muốn chung lo xây dựng một chính quyền hữu-hiệu, lành mạnh, củng cố chế-độ Cộng-Hòa, bằng cách góp phần tạo dựng một nề nếp truyền thống sinh hoạt chính trị lành mạnh có khả năng cải tiến tình hình mọi mặt và ổn-định chính tình quốc-gia; nên dù chống đối sự quy-định trong Sắc-luật 060, dù cho rằng Sắc-luật ấy còn có nhiều khuyết-điểm, các chính đảng nhận thấy không thể đứng bên lề sinh-hoạt của Quốc-gia, nên tự nguyện tham-gia vào sinh-hoạt chính-trị quốc-gia dưới khung cảnh pháp-lý của Sắc-luật 060.

Cho đến nay đã có 5 chính đảng được hình thành, trong phần thứ hai này, vấn-đề kết-hợp chính đảng theo Sắc-luật 060 được thể hiện qua 2 liên minh chính đảng - liên minh Dân-chủ Xã-hội và

- Đảng Tự-Do.

Chúng tôi sẽ dùng trường hợp nghiên-cứu điển hình để xét 2 liên minh trên trong 2 chương và chương sau cùng sẽ dành cho các chính đảng đơn nhất khác.

- 47 -
CHƯƠNG I

LIÊN MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI

Liên Minh Dân-chủ Xã-hội là 1 tổ-chức chính-trị quy tụ rộng rãi 7 chính đảng, đối lập mang nhiều màu sắc khác nhau nhưng cùng chấp nhận ba mục tiêu căn-bản chung và nhận thức rằng không thể đứng bên lề sinh-hoạt quốc-gia cho dù Sắc-luật 060 quá thực, đã gây nhiều khó khăn cho các chính đảng.

Trong chương này, chúng tôi sẽ trình-bày qua 4 tiết sau đây :

- Tiết 1 : Quan-niệm về sự kết-hợp
- 2 : Khung cảnh lúc khởi sinh
 - 3 : Các thành viên trong Liên Minh
 - 4 : Sự sinh-hoạt chính-trị.

TIẾT I

QUAN NIỆM VỀ SỰ KẾT HỢP

Trước nhu-cầu sinh tử là đối phó với Cộng-Sản trong cuộc đấu tranh chính-trị cũng như thực trạng phân hóa chính trị, các chính đảng quốc-gia nhận thấy cần phải liên kết với nhau thành 3 hay 4 đảng, để có được những hậu thuẫn mạnh mẽ trong nhân dân hậu tranh thủ nhân tâm, giữ họ đứng bên này giới tuyến của những người quốc-gia. Một số chính đảng đã có dịp đứng chung trong khối Tự-Quyết nhận thấy đã đến lúc nên cùng các đoàn thể bạn, bắt tay vào việc tạo lập một lực lượng chính-trị để đồng hành động trong một tổ-chức chung.

Sự thống nhất ý chí và hành-động của 7 lực lượng quần chúng trong liên minh, thể hiện quyết tâm đương đầu với những thử thách lớn lao, mà Sắc-luật 060 là động cơ thúc đẩy sự hợp nhất nhanh chóng hơn. Kỹ-thuật pháp lý là phương tiện tiên khởi để những người có thành tâm có thể ngồi lại với nhau; nhưng Liên-minh không hoàn toàn đồng ý về những quy-định trong Sắc-luật 060 Liên-minh cho rằng Sắc-luật này quá khắt-khe đối với tình trạng đảng phái Việt-Nam, các

chính đảng đã không được tham khảo ý-kiến về những vấn-đề liên quan đến sự sống còn của họ. Công lao gây dựng sau bao năm tranh đấu, không thể một sớm, một chiều bị tan nát bởi sự hạ bút ký tên của một người, dù rằng mục tiêu tốt đẹp nhưng dùng phương tiện không đúng hoàn cảnh, sẽ khó có thể đạt được mục tiêu mong muốn.

Tuy-nhiên dầu chỉ trích Sắc-luật, các thành viên trong liên minh quan niệm rằng : "Xem Sắc-luật như là một thử thách đối với chính đảng, đòi hỏi chính đảng phải cải tiến không ngừng và phát triển sâu rộng, hướng hoạt-động xuống hạ tầng cơ sở là xã phường. Các chính đảng phải kết hợp lại thành những lực lượng rộng lớn hầu có tiếng nói mạnh mẽ hơn đối với chính quyền cùng như đấu tranh chính-trị với Cộng-Sản.

Bây giờ không còn là thời kỳ hoạt-động bí mật như trong quá khứ để âm mưu lật đổ chính quyền, nên các thành viên quyết định phải tiếp tục hoạt-động công khai theo khuôn khổ pháp lý hiện hành, bằng cách tự tạo cho mình đầy đủ điều-kiện do Sắc luật 060 sẽ tồn tại vĩnh viễn, nhưng bao giờ Sắc luật ấy còn hiệu lực thì phải đáp ứng đòi hỏi của Sắc luật ấy (1)".

TIẾT II

KHUNG CẢNH LÚC KHỞI SINH

Ý thức được sự chuyển mình của đất nước, các chính đảng quốc-gia tự nguyện cùng đứng chung trong một trận tuyến chính-trị để đương đầu với Cộng-sản cũng như để đáp ứng những đổi thay của hoàn cảnh; trong tinh thần đó Khối Tư-Quyết được hình thành sau bao nỗ lực vận động giữa 4 chính đảng. Đây là lần đầu tiên, trên chính trường Miền Nam, có được một sự kết-hợp tương đối chặt chẽ giữa các đảng đối lập và người ta hy vọng rằng chính tình Miền Nam nhờ thế sẽ được ổn định hơn. Qua nhiều tháng sinh-hoạt tập thể trên căn bản tương thuận, bốn chính đảng thành niên đã có được một sự thông cảm và đang đi trên con đường hợp nhất. Nhưng Sắc luật 060 ra đời, với đầy những hậu ý chính trị, đã gây nhiều khó khăn cho các chính đảng. Trước hoàn cảnh đó, Đại Việt Cách Mạng Đảng đã có thái độ chống đối quyết liệt,

(1) Dân quyền ngày 10.5.1973.

tuyên bố không công nhận Sắc luật 060 và lui về hoạt động bí mật, ba thành viên còn lại quan niệm rằng cần phải tiếp nối con đường hoạt-động công khai và kết hợp thêm những đoàn thể bạn cùng lập trường ôn hòa để tạo dựng một liên minh chính đảng.

Ngày 24-3-1973. Bảy thành viên đã ký một thỏa ước liên minh gồm 8 điểm quy định mục tiêu và đường lối hoạt-động của liên minh. Các thành viên ký tên trong thỏa ước với tư cách sáng lập, đồng thuận ủy-nhiệm cho :

Nghị-Sĩ Huỳnh-Van-Cao

- đại diện cho Đảng Công Nông Việt-Nam,

- Dân-Biểu Nhân-Minh-Trang đại diện cho Phong trào Quốc-gia Cấp Tiến và

- Cựu Thiếu Tướng Lâm-Thành-Nguyên đại diện cho tập đoàn cựu chiến sĩ Hòa-Hảo Dân Xã đứng tên thông báo cho Bộ Nội Vụ về việc thành lập một chính đảng mang danh xưng là L M D C X H và đã được Bộ Nội-vụ cấp phái lai số 2/74 BNV/KS/14 ngày 14-4-73 cho phép liên minh công khai hoạt-động.

Lúc khai báo thành lập liên minh, 7 thành viên đang mang một tình trạng pháp lý như sau :

+ Chỉ riêng Đảng Cộng-Hòa Xã-Hội chưa được hợp thức hóa theo luật 9/69 mà thôi.

+ Các chính đảng khác đều đã được Bộ Nội-Vụ ban-hành nghị-định hợp-thức-hóa theo thứ tự ngày tháng sau đây :

- PTQGCT được hợp thức hóa ngày 29-6-70.
- Tập Đoàn Cựu-chiến-sĩ Hòa-Hảo Dân Xã 29-6-70
- VN Dân-Chủ Xã-hội Đảng 3-7-70
- VN QĐ Thống nhất 29-4-71
- Đảng Công Nông VN 31-8-71
- Lực lượng nhân dân Kiến quốc 22-10-71

Với tình trạng pháp lý kể trên, 7 thành viên hội đủ điều-kiện về hình thức để được cấp phái lai hoạt động theo điều 3 của Sắc Luật 060.

TIẾT III : CÁC THÀNH VIÊN TRONG LIÊN MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI

Liên minh là một tổ chức quy tụ rộng rãi các chính đảng dựa vào nhiều hậu thuẫn khác nhau như tôn giáo, nghiệp đoàn và chính đảng thuần túy, sau đây là thành phần các chính đảng trong liên minh.

- 1) Đảng Cộng Hòa Xã Hội : hậu thân của Việt-Nam Phục Quốc Hội do Ông Đặng-Quang-Dương lãnh đạo có khuynh hướng tôn giáo và ảnh hưởng ở một số tỉnh Miền Đông, dựa vào hậu thuẫn của đạo Cao Đài.
- 2) Việt Nam Dân-Chủ Xã Hội đảng : gọi tắt là Dân xã Đảng dựa vào sự hậu thuẫn của Phật giáo Hòa-Hảo, Đảng này bao gồm những phần tử dân sự do Dân-Biểu Nguyễn-van-Ca lãnh đạo, có ảnh hưởng ở một số tỉnh Hậu-Giang.
- 3) Tập đoàn Cựu-chiến-sĩ Hòa-Hảo Dân Xã : Bao gồm những cựu đoàn viên trong lực lượng võ trang của Phật Giáo Hòa Hảo trong thời kháng chiến chống Pháp do Cựu Thiếu Tướng Lâm - thành-Nguyễn sáng lập có ảnh hưởng tại một số tỉnh ở Miền Tây Nam phần.
- 4) Lực lượng nhân dân Kiến quốc là một đoàn thể chính trị dựa vào một phần hậu thuẫn của Công-Giáo (1 hệ phái của Đảng nhân xã) do Luật sư Lê-trọng-Quát sáng lập.
- 5) Đảng Công Nông Việt-Nam : được sự hậu thuẫn của Tổng-liên-đoàn Lao công Việt-Nam, do Ông Trần-Quốc-Bửu làm chủ-tịch.
- 6) PTQGCT hậu thân của Đảng TÂN ĐẠI VIỆT kết hợp cùng một số trí thức chuyên viên. Nhân vật lãnh đạo phong trào là G.S. Nguyễn-van-Bông và G.S. Nguyễn-Ngọc-Huy, ngày 10-11-71 G.S. Bông bị mưu sát, G.S. Nguyễn-Ngọc-Huy tiếp tục hợp tác cùng Chủ-tịch đoàn để lãnh đạo phong trào.
- 7) VNQDD Thống Nhất : Đây là một hệ phái của VNQDD do cụ Vũ-Huy-Chấn và ông Nguyễn-Đình-Lương lãnh đạo có ảnh hưởng tại một số tỉnh Miền Trung.

SỰ SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Liên Minh được tổ-chức theo chiều hướng dân chủ hóa dựa trên nguyên-tắc tập thể chỉ-huy, cá-nhân phụ trách và cơ cấu được thành lập theo sự dung hòa quyền lợi của mọi thành viên tôn trọng sự bình đẳng và đóng góp tỷ lệ tương xứng.

- Ở Trung-ương các thành viên có số đại diện ngang nhau.
- Ở Địa-phương cơ cấu lãnh đạo được thành lập tương xứng với sự đóng góp của mỗi thành viên.

Về phương diện hành động, những quyết định quan trọng liên quan đến ba mục tiêu căn bản là :

- bảo vệ Miền Nam VN không để lọt vào tay Cộng-Sản
- Xây dựng một Miền Nam công bằng tự do Dân-chủ tiến bộ trong tinh thần tôn trọng đạo lý dân tộc.
- thống nhất đất nước bằng đường lối Hòa-bình và Dân chủ.

Các quyết-định quan trọng ấy, phải được biểu-quyết theo nguyên-tắc nhất trí. Ngoài ra các vấn-đề thông thường khác chỉ cần đa số tương đối. Sự kết hợp các cơ cấu thành viên khởi đầu từ trung ương đi lần đến các Đô tỉnh thị Bộ rồi xuống xã, Phường Bộ.

CƠ CẤU LIÊN MINH ĐƯỢC TỔ CHỨC THEO 2 HỆ THỐNG :

- + Hệ thống căn bản và hệ thống thành viên : Trong hệ thống căn bản ta gồm 2 loại cơ sở :
 - Cơ sở theo địa hạt quốc gia (lấy xã, Phường bộ làm đơn vị căn bản)
 - Cơ sở theo hoạt động chuyên biệt.
- + Trong hệ thống thành viên , mỗi chánh đảng sẽ là một khối với các cơ sở từ trên xuống dưới gọi là Đoàn.

Hiện nay tính cách tự trị vẫn được chấp nhận làm bước đầu cho sự hợp nhất trong tương lai, lúc đó các cơ sở đồng cấp của 7 thành viên sẽ sáp nhập vào nhau với tính đồng hóa hoàn toàn.

Một cách tổng quát, Đại-Hội toàn quốc hàng năm họp một lần để bầu ra Chủ-Tịch đoàn, Ban Chấp-hành Trung-ương và cố vấn đoàn. Các cơ sở địa-phương là Đô, Tỉnh, Thị, Quận Xã và Phường bộ : bên cạnh đó có các tổ-chức đặc-biệt như khu bộ đặc-biệt, chi-bộ đặc-biệt.

Chủ-Tịch đoàn sẽ do Đại-hội toàn quốc đầu tiên tấn phong bao gồm Chủ-tịch các chính đảng thành viên trong liên minh. Chủ-Tịch đoàn lâm thời, không có Chủ-Tịch Chủ-tịch đoàn và họp một tháng một lần. Phát-ngân-viên chính-thức của Chủ-Tịch đoàn là vị Chủ-Tịch đương nhiệm, các vị lãnh đạo các thành viên luân phiên giữ chức vụ Chủ-Tịch trong một tháng và khởi đầu là Cụ Vũ-Huy-Chấn và lần lượt đến Chủ-Tịch các thành viên (thứ tự theo tên các chính - đảng). Các vị trên chỉ được phép phát ngôn trong phạm-vi chính sách đường lối đã định, mọi vấn-đề quan-trọng khác phải tham khảo ý-kiến của Chủ-Tịch Đoàn. Ban Chấp-hành Trung-ương do Chủ-Tịch Đoàn đề cử và là cơ-quan chấp hành quyết-nghị của Chủ-Tịch Đoàn.

Ngày 27-4-1973 Chủ-Tịch Đoàn đã chỉ định Nghị-sĩ Huỳnh-Văn-Cao giữ chức-vụ Tổng Thu-Ký để thành lập Ban Chấp-hành Trung-ương (hiện nay TTK của Liên Minh là N.S. Nguyễn-Thôn-Độ thuộc Đảng Công Nông VN), Giáo-Sư Nguyễn-Ngọc-Huy là phát-ngôn-viên Quốc-ngoại của Liên minh và Luật-sư Lê-Trọng-Quát là phát-ngôn-viên quốc-nội của Liên Minh.

Nhiệm-kỳ của mọi cơ sở của Liên đều là một năm. Về phương-diện thực thi sự kết-hợp Liên Minh thực sự hoạt-động như sau :

* VIỆC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN : Có hai lẽ lối để gia nhập Liên Minh.

- Kết-nạp tập thể : bằng sự chấp nhận gia nhập của một chính đảng hay nhiều chính đảng.
- Kết-nạp cá nhân : cá nhân đảng viên kết nạp có thể hoặc là gia nhập hệ thống thành viên có sẵn, người kết nạp phải sinh hoạt trong tổ-chức của thành viên hoặc là gia nhập trực tiếp.

Quyền kết nạp do Ban Chấp-hành Phường, Xã và Chi Bộ liên hệ chấp thuận. Đối với các dân cử Nghị viên Hội-đồng, Tỉnh, Thị, nhân số do các cấp Đô, Tỉnh, Thị Bộ liên hệ chấp thuận.

Đối với sĩ-quan cấp Tướng, Dân cử cấp Quốc-gia sẽ do Ban Chấp hành Trung-ương thỏa-thuận.

* VIỆC SÁP NHẬP CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG :

Liên Minh là một sự kết hợp rộng rãi giữa các chính đảng có tính cách địa-phương và những chính đảng có cơ sở trên toàn quốc, vì thế ở mỗi địa-phương luôn luôn có nhu-cầu sáp nhập các Ban Chấp hành các thành viên để thành lập Ban Chấp-hành của Liên-Minh.

Mỗi cấp lãnh đạo ban Chấp-hành Liên Minh ở địa-phương, được thành lập tương xứng với sự đóng góp của mỗi thành viên. Như thế trên nguyên tắc thành viên nào có số đảng viên nhiều nhất sẽ có người giữ chức Chủ-Tịch, thế đến là Phó Chủ-Tịch rồi Tổng Thư-Ký..., nhưng thông thường Liên Minh giải-quyết theo thể thức chọn vị Chủ-Tịch cơ sở các cấp của Liên Minh trong số các nhân vật sáng giá có khả năng, để bầu vào chức-vụ Chủ-Tịch và các chức vụ còn lại được phân chia cho các thành viên có đảng viên tại địa phương liên hệ. Như vậy, trong Ban chấp hành các cơ sở địa phương không nhất thiết phải có đầy đủ đại diện của 7 thành viên.

* VIỆC KẾT HỢP CÁC ĐẢNG VIÊN DÂN CỬ : Tại Lương viện Quốc-Hội các thành viên trong Liên Minh đều có một số đảng viên dân cử. Do hoàn cảnh đặc biệt là các vị dân cử người của Liên Minh đã gia nhập vào các khối, nhóm từ trước, nên khi thành lập, Liên Minh chấp nhận sự kiện đó như một nguyên trạng. Liên Minh chưa đặt vấn đề quy tụ các vị đại diện dân cử về một khối, vì nhận thấy chưa cần thiết phải có một hành động vội vã, hơn nữa Hạ-Nghị-Viện pháp nhiệm 2 sắp mãn nhiệm kỳ; có lẽ nguyên nhân quan trọng nhất là sự rút lui của các vị đảng viên dân cử sẽ gây ảnh hưởng trầm trọng làm tan rã các khối nhóm đối lập. Đó là điều mà Liên Minh không muốn xảy ra.

Tuy nhiên, trong tương lai sau khi bầu cử Dân-Biểu Hạ-Nghị-Viện 1975 nghị trường sẽ được sắp xếp lại và khi ấy sẽ có khối dân cử thuộc phân bộ Lập-pháp LMDCXH.

Sự sinh hoạt chung giữa các thành viên.

Khi hoạt-động riêng rẽ, khuyết điểm của chính đảng có thể không được hiện rõ, nhưng khi cùng chung hoạt-động đương đầu với thực-tế sự yếu kém của mỗi chính đảng biểu lộ rõ ràng hơn. Liên Minh là một tập hợp của nhiều đảng - nên nhiều lúc công việc tiến triển không được đồng đều. Cán bộ của những thành viên chính đảng thuần túy đã quen cách thức thừa hành chỉ thị của Trung-ương, biết lối làm việc theo đảng phái, biết cách huy động quần chúng ủng hộ đường lối đảng, biết cách tác động nhân dân để họ tham gia vào công việc của đảng, do đó đảng vụ được thi hành nhanh chóng, còn các cán bộ của những thành viên khác, phần chịu ảnh hưởng của các lãnh tụ tôn giáo, phần chịu áp lực của nghiệp đoàn, phần vì chưa thuần thực lối sinh-hoạt đảng phái nên đã có phần nào không được mau lẹ khi thi hành công tác.

Tuy nhiên trở ngại trên không phải là không thể khắc phục, với thời gian mọi việc sẽ được giải-quyết dễ dàng.

+ SỰ THAM GIA TRANH CỬ CỦA LIÊN MINH :

Trong kỳ bầu cử Thượng-Nghị-Viện 1973 vừa qua, Liên Minh không lập danh sách để ra tranh cử vì thấy rõ là đảng cầm quyền có nhu cầu phải nắm được đa số ở Thượng Viện, hơn nữa trọng tâm của Liên Minh khi ấy là củng cố nội bộ, kiện toàn và phát triển cơ sở nên Liên Minh quyết định đứng ngoài cuộc tranh cử ? Đến nay, cơ cấu của Liên Minh đã tương đối ổn định, Liên Minh đã thỏa-thuận đưa người ra tranh cử vào các Hội-đồng Đô, Tỉnh, Thị trên toàn quốc. Liên Minh sẽ tham gia các cuộc bầu cử địa phương rồi đến cấp bực Q.G. Liên Minh quan-niệm rằng một chính đảng quần chúng có thực lực hay không, được đo bằng số phiếu và số ghế tại các cơ-quan dân cử mà chính đảng ấy đạt được.

Cuộc tranh cử vào Hội-đồng Đô, Tỉnh, Thị (ngày 14-7-74) là dịp để cho các thành viên tuyển chọn nhân tài

xứng đáng ra tranh cử và đây cũng là dịp để các thành viên thử thách khả năng của cán bộ mình cũng như để cho các cán bộ ngồi lại bên nhau xóa bỏ mọi ty hiềm nếu có, để chung lo đại cuộc.

Những yếu tố thuận lợi cho sự kết hợp của Liên Minh vững bền là : Liên Minh bao gồm được nhiều khuynh-hướng, trong đó khuynh hướng tôn giáo đóng một vai trò quan trọng về số lượng đảng viên.

Các chính đảng có được một sự hậu thuẫn đáng kể và đã tổ chức được nhiều cơ sở ở địa phương và nhất là đã từng làm việc gần nhau chung một lập trường ôn hòa và xây dựng.

Qua 12 tháng thành lập và củng cố các cơ sở địa phương, Liên Minh đã có hầu hết các Ban chấp hành Đô Tỉnh Thị trên toàn quốc và hiện nay (1) Liên Minh đã nộp đủ danh sách đảng viên ở Đô-thành Bộ và 29 tỉnh thị bộ và đã được tòa Đô-chánh và 5 tòa Hành-chánh Tỉnh, Thị Xã cấp giấy chứng nhận đã nộp đủ danh sách đảng viên. 24 Tỉnh thị bộ còn lại hiện đang được cứu xét (2) hy vọng rằng Liên Minh sẽ được hợp thức hóa trong một ngày gần đây.

Thành quả trên là bao cố gắng đáng khích lệ của những người có thiện chí muốn tạo dựng một chính đảng hữu hiệu hầu tiến đến một chế độ lưỡng đảng mà Hiến-pháp khuyến-khích.

(1) tháng 6/74.

(2) Phỏng vấn G.S. Trương-Dụng-Khả Tổng Ủy-Viên Tuyên-Huấn LMDCXH (Khối Cấp Tiến).

56
CHƯƠNG II
ĐẢNG TỰ DO

Đảng tự-do là một Liên Minh chính đảng quy tụ 2 chính đảng và một số nhân-sĩ có khuynh hướng thiên chúa giáo. Sự Liên Minh của các thành viên trên thể hiện ảnh hưởng của tôn giáo qua các tổ-chức chính-trị, do đó việc thành lập 1 đảng công giáo đã là đề tài tranh luận về sự tương quan giữa giáo hội và chính đảng.

Qua nhiều gian nan của buổi đầu, đảng Tự-do đã được thành lập để đóng vai trò đối lập cần thiết trên chính trường, nhưng sau hơn 11 tháng hoạt-động đang đà đi đến quyết-định tự giải tán. Sự tự giải tán này mang 1 ý nghĩa đặc-biệt là nói lên sự bất đồng quan điểm đối với đường lối hiện tại của chính quyền.

TIẾT I
QUAN NIỆM VỀ SỰ KẾT HỢP

Từ lâu, công giáo có nhiều tổ chức hoạt-động chính trị, sự kiện này gây nhiều bất lợi cho sự đoàn kết giữa giáo dân. Trước tình trạng đó, nhiều người đã lên tiếng kêu gọi các tổ chức ấy hãy kết hợp lại, dùng tình đồng đạo làm sợi dây thiêng liêng đoàn kết các giáo hữu vào chung một đoàn thể để phục-vụ cho đất nước và Giáo-hội.

Ủy-ban sinh-hoạt công dân là một tổ-chức phối hợp hoạt-động của các giáo hữu để lo việc đạo cho Giáo-hội, còn các vấn-đề chính trị dành cho các chính đảng đảm nhận. Người ta dễ dàng đồng ý ngồi lại với nhau, để chung lo việc đạo, nhưng về những quan niệm chính trị những dị biệt vẫn còn. Trước những bất đồng chính-trị trên đây, người ta nhận thấy rằng các đoàn thể Giáo dân cần có một tổ chức đủ uy tín, hướng dẫn họ trong đời sống chính-trị. Vì các tổ-chức chính trị của công giáo hiện nay không đủ tầm vóc làm công việc đó, và vì các tổ chức trên chỉ đại diện cho từng khuynh-hướng hay màu sắc địa phương, nên một số chính khách và nhân-sĩ, quyết tâm xây dựng một chính đảng quy tụ đa số đảng viên là người Công-giáo, không ràng buộc, cam kết Giáo hội vào sự thăng trầm của chính đảng. Trong đường hướng đó, các đoàn thể, khối, nhóm đã xúc tiến mạnh mẽ công việc thành lập 1 chính đảng theo Sắc-luật 060.

TIẾT II

KHUNG CẢNH LÚC KHỞI SINH

Thoát thai từ Khối Quốc dân Đồng Tiến, Đảng Tự-do khi được hình thành đã có được một tư thế kết hợp sẵn nhiều khuynh hướng Thiên Chúa Giáo, là nhờ nhiều nỗ lực xây dựng của các thành viên trong khối. Song song với những nỗ lực xây dựng trên, các biến chuyển trọng đại của đất nước, cùng lúc với sự ra đời của Sắc luật 060, đã khiến cho những người có thiện chí, không thể chần chờ lâu hơn nữa đã quyết tâm đứng ra thành lập đảng Tự-Do.

Sự thành lập Đảng Tự-do với đường lối quy tụ các khuynh hướng Thiên Chúa Giáo đã là đề tài tranh luận sôi nổi về sự liên hệ giữa chính đảng này vào giáo hội Công Giáo cũng như trong nội bộ các chính đảng thành viên.

* Về sự liên quan giữa chính đảng Tự-Do và Giáo-Hội Công-Giáo nhóm trí thức Công-Giáo Pax Romana khi hội thảo về Đảng Công-Giáo đã có đưa ra một nhận định như sau:

" Bất cứ một giáo dân nào cũng có quyền làm chính trị và có thể hòa mình vào các Đảng phái khác miễn là đảng này có cương lĩnh và chủ trương không trái với tín lý của giáo hội."

- Về chủ-trương thành lập 1 đảng công giáo, Hội-Đồng Giám-Mục VN đã có một quan-niệm rõ rệt là :

Lưu-ý các giáo hữu hãy rút kinh nghiệm của các đảng phái gồm nhiều người công giáo dưới thời Đệ I Cộng-Hòa. Tỷ số giáo dân rất khiêm nhường đối với tổng số nhân dân VN, nếu chính đảng được thành lập gồm toàn là giáo - dân thì chỉ là đảng thiểu số, cũng như sẽ cô lập Khối Công giáo khỏi đa số đồng bào khác.

+ Nếu Đảng Công Giáo hiểu theo nghĩa được giáo quyền chính thức công nhận, khuyến khích và ủy-nhiệm, thì sẽ không bao giờ được thành lập. Tôn giáo là Tôn giáo, Giáo hội không có nghĩa là chính đảng, tâm lý người VN khó chấp nhận sự hội nhập giữa chính trị và tôn giáo. Những vỹ lãnh đạo tinh thần mà dấn thân quá nhiều vào sinh-hoạt chính-trị, dễ mất uy-tín và thường bị tín đồ xem thường, thiếu vị nể.

- Nếu hiểu đảng Công-giáo theo nghĩa là chính đảng có đa số đảng viên là người Công giáo, do người Công giáo lãnh đạo thì Giáo-hội không chống đối cũng như không ngăn cản sự thành lập một chính đảng theo nghĩa trên. Giáo-hội khẳng định là sự thành lập chính đảng đó, không ràng buộc Giáo-hội vào bất cứ một việc gì, một vấn-đề gì và cũng như Giáo-hội không chịu trách-nhiệm về bất cứ một hoạt-động nào của đảng ấy (1)

Như thế, theo quan điểm của HDGMVN thì Giáo hữu có thể thành lập một chính đảng riêng biệt, không cam-kết Giáo-hội vào sự thăng trầm của chính đảng, hay gia nhập vào các chính đảng khác mà đường lối và chủ trương không phản lại Luật tự nhiên, Luật Thiên Chúa và Luật Giáo hội.

Khi đề cập đến thực tại chính trị của miền Nam Hội-đồng Giám-mục cho rằng, người giáo hữu đều có bốn - phận lo đến chính-trị, công ích thuộc phạm vi luân lý tự nhiên như công dân một nước. Đối với đảng phái chính-trị, giáo dân có thể gia nhập nếu đó là nhằm lựa chọn một phương thức tốt nhất để đạt được công ích.

Với quan niệm trên, các vị lãnh đạo tinh thần đã vạch rõ hướng đi cho đảng, một lối đi không thể trông chờ sự ủng hộ của Giáo-hội, một lối đi phải tách biệt hẳn sự nương tựa vào Giáo-hội để phát triển đảng, có như thế, chính đảng được thành lập mới không bị gò bó trong khung cảnh hạn hẹp của công giáo. Tuy nhiên, trên con đường tiến đến một chính đảng quần chúng quy tụ rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, Đảng Tự-do, trong bước đầu có thể trông nhờ sự ủng hộ của đa số giáo dân .

Trong giai đoạn đầu thành lập Liên Minh, Nhóm Liên danh Bông Huệ đã đóng vai trò làm chất men xúc tác mạnh mẽ và nhất là nhờ vào uy tín của cụ Chủ-Tịch Nguyễn-Văn-Huyền mà hai chính đảng đã đồng lòng kết hợp một cách nhanh chóng hơn trong khuôn khổ Liên Minh, và 3 thành viên đã ủy quyền cho :

- Ông Nguyễn-Vọng-Thọ đại diện cho nhân xã Cách Mạng và
- Ông Nguyễn-Gia-Hiến đại diện cho lực lượng Đại-đoàn-

(1) Chính luận 6-3-73

kết, cùng đứng ra thông báo cho Bộ Nội-Vụ về quyết-định thành lập Đảng Tự-Do ngày 19-3-73 và Bộ Nội-Vụ đã cấp phái lại số 01/73/BNV/KS/14 ngày 22-3-73 cho phép chính đảng công khai hoạt-động.

Khi thành lập Liên Minh, các thành viên đang ở tình trạng pháp lý như sau :

- Nhân xã Cách Mạng Đảng đã hợp thức hóa theo Luật 9/69 vào ngày 14-4-1970.
- Lực lượng Đại Đoàn-Kết đã được hợp-thức-hóa theo Luật 9/69 vào ngày 24-4-1970.
- Nhóm Nghị-Sĩ trong Liên danh Bông-Huệ chỉ là một tập hợp những cá nhân độc-lập, nhóm không có tư cách pháp nhân để hoạt-động chính trị.

TIẾT III

CÁC THÀNH VIÊN TRONG ĐẢNG TỰ DO

Đảng tự do là một Liên Minh chính đảng quy tụ hai chính đảng và một số nhân vật có uy-tín như sau :

+ Nhân xã Cách-Mạng Đảng : bao gồm một số đảng viên thuộc thời Đệ nhất Cộng-Hòa, hậu thân của Đảng Cần-Lao nhân-vị và có thực lực ở một số ít tỉnh Cao-nguyên trước kia là vùng định cư định điền và một số tỉnh Miền Trung trong những khu có nhiều giáo dân. Đảng do GS Trương-Công-Cừu lãnh đạo.

+ Lực lượng Đại Đoàn-kết : có thực lực ở các khu có giáo dân Miền Bắc di cư, do kỹ-sư nguyên-Gia-Hiến lãnh đạo.

+ Nhóm Bông-Huệ : chỉ là những cá nhân có uy-tín, chứ không phải là một chính đảng, vì thế họ chỉ có cử-tri chứ không có đảng viên và cơ sở.

Chính vì khuôn khổ hạn hẹp của các thành viên, nên Đảng chủ trương tách biệt tôn giáo và chính trị, hầu thu hút các thân hữu thuộc tôn giáo khác và đảng chỉ chú trọng đến xu hướng chính trị mà không quan tâm đến tín ngưỡng của đảng viên.

TIẾT IV: SỰ SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Trước nhu cầu phải kết hợp thành những lực lượng chính trị lớn mạnh với sự hậu thuẫn của Giáo-Hội Công-giáo, nên đầu năm 1971 ba nhóm Bông Huệ, lực lượng Đại Đoàn-Kết và thân xã Đảng khởi sự thảo luận vấn-đề liên kết. Trong phiên họp vào đầu tháng 10/71 các hội viên đồng nhận rằng : "Để tránh phân hóa nội bộ, mỗi đảng cần tổ chức Đại-Hội toàn quốc lấy quyết-định về việc bằng lòng hủy thể đảng mình để tham-gia đảng mới". Để tránh sự thay đổi đột ngột, các thành viên quyết-định cần có một thời-gian sinh-hoạt chung trước khi sáp nhập hẳn, bằng cách đứng chung trong Khối Quốc Dân Đông Tiến.

Khi gia nhập Khối, tư cách pháp nhân và tính cách tự trị của hai chính đảng vẫn còn, không đặt ra vấn đề hủy thể khi liên minh. Đến khi Tổng-Thống ban hành Sắc-luật 060, vào ngày 3-1-1973, 3 thành viên trên xúc tiến mau lẹ việc thành lập một Liên Minh chính đảng trong thời hạn 3 tháng mà Luật đã dành cho các chính đảng đã được hợp-thức-hóa theo Luật 9/69.

Sự thành lập này đã gặp sự chống đối của một số người trong Ban Chấp hành LLDDK cũ, họ chỉ trích các sáng lập viên Đảng Tự-Do đứng tên xin cấp phái lai, mà không có sự thỏa-thuận của Đại-Hội toàn quốc như đã dự liệu. Vì một số trở ngại chưa thể vượt qua, nên sau 5 tháng được cấp phái lai, Đảng Tự-do vẫn chưa có được một Ban chấp-hành Trung-ương lâm thời, đến ngày 22-8-73, lực lượng Đại Đoàn-kết (1) tuyên số rút khỏi liên minh, bằng một văn thư gửi Bộ Nội-Vụ, Ban chấp -hành cũ của LLDDK đã quyết định chấm dứt sự Liên Minh, với lý-do là có một sự dị biệt nội bộ không thể dung hòa được.

Tuy nhiên trên phương diện pháp lý, theo điều 1 của Sắc-luật 060 sửa đổi điều 23 của Luật 9/69 : hai hay nhiều chính đảng đã hợp thức hóa có thể hợp nhất thành một Liên Minh chính đảng, chính đảng khi gia nhập Liên-Minh được xem như tự tái tán và Liên Minh được xem là 1 chính đảng mới. Bộ Nội-Vụ đã cấp phái lai cho Đảng Tự-Do

(1) một số người trong BCH của LLDDK.

và đã ban hành nghị-định hợp-thức-hóa sự giải tán 2 đảng trên. Như thế, không có một chính đảng nào còn có đủ tư cách để nhận danh chính đảng mình, để làm một việc gì riêng biệt.

Sau đó hai hôm (24-8-73) Ban chấp hành Trung-Ương lâm thời của Đảng Tự-do ra đời trong một phiên họp dưới sự chủ-tọa của NS Nguyễn-văn-Huyền với sự tham dự của 43 đại diện trong Ban chấp hành LLĐK, nhân xã Đảng và nhóm Nghị-sĩ trong Liên-danh Bông Huệ (1). Ban chấp hành Trung-Ương lâm thời gồm 10 người do NS Nguyễn-văn-Huyền làm Chủ-Tịch, Ông Nguyễn-Gia-Hiến Đệ I Phó Chủ-Tịch, Ông Nguyễn-Vọng-Tho Đệ II Phó Chủ-Tịch Nghị-Sĩ Lê-Châu-Lộc Tổng Thư-Ký và một số ủy-viên, ngoài ra còn có 23 ủy-viên Trung-Ương Đảng.

Nhân ngày ra mắt Đảng Tự-Do 15-10-73, NS Chủ-Tịch Đảng Tự-Do bày tỏ lập trường như sau : "Đảng Tự-Do là một đảng đối lập hiến định, Đảng ra đời là để tiếng nói của nhân dân được đạt trung thành, để mọi khuynh-hướng quốc-gia được thực sự góp phần vào sinh-hoạt chính trị, hầu thể hiện một sự quân bình cần thiết, đồng thời chấn chỉnh những lệch lạc sai lầm của guồng máy công quyền, bất công xã-hội, cũng như hòa giải giữa các cộng đồng quốc-gia".

Về cơ cấu tổ-chức : Đảng được tổ-chức theo hai hệ thống :

- Hệ thống địa hạt hành chánh lấy ấp, khóm bộ làm căn bản.
- Hệ thống chuyên biệt lấy chi bộ làm căn bản.

Ở Trung-Ương Ban chấp hành Trung-ương gồm :
(điều 12 Điều Lệ)

- một Chủ-Tịch
- một hay nhiều Phó Chủ-Tịch
- một Trung-ương ủy-viên Bộ từ 21 đến 31 vị

Ở địa-phương có các Ban Chấp hành Đō, Tỉnh, Thị bộ, quận bộ, xã, phường, ấp và khóm bộ.

(1) Chính luận 26-8-73

hệ thống chuyên biệt gồm các Khu Bộ đặc-biệt và Phân Bộ đặc-biệt.

Có một sự khác biệt nhỏ so với các đoàn thể khác là Đảng Tự-Do dành nhiều quyền hành cho Chủ-Tịch Đảng hơn. Như điều 12 bản điều lệ quy-định.

Chủ-Tịch Đảng đề cử các vị trong Trung-Ương Ủy-viên bộ phụ trách các chức-vụ khác từ Tổng-thư-ký đảng, Phó Tổng-thư-ký đến các Tổng ủy-viên trong Ban chấp-hành Trung-Ương, thay vì quyền này thuộc Chủ-Tịch đoàn chính đảng.

Nhiệm-kỳ của Ban Chấp-hành Trung-ương là 4 năm.

Nhiệm kỳ của các Ban chấp-hành Đô, Tỉnh, Thị Bộ và Khu Bộ đặc-biệt là 2 năm.

Nhiệm kỳ của các Ban chấp hành Quận, Xã, Ấp, Phường, Khóm và Chi Bộ đặc-biệt là 1 năm.

Sau ngày hoàn tất mọi cơ cấu ở Trung-Ương, Đảng Tự-Do xúc tiến việc kết-hợp chính đảng tại địa-phương. Trên nguyên-tắc toàn thể đảng viên của Nhân xã Đảng và LLĐK đương nhiên là đảng viên chính thức của đảng Tự-Do và 2 ban chấp hành mọi cấp của 2 đảng sẽ hợp thành BCH lâm thời của Đảng tự-do và sẽ do cấp cao hơn tổ chức. Các cơ sở đảng phát-triển mau lẹ hướng thẳng về những thân hữu ngoài hai chính đảng Liên Minh, hầu tạo dựng một chính đảng đại chúng, quy tụ những người không hẳn là giáo dân. Sau 3 tháng hoạt động đảng đã có nhiều ban chấp hành tại hầu hết các Đô, Tỉnh, Thị Xã trên toàn quốc.

Đến ngày 10-2-74, một Đại-hội được tổ chức tại Quận Bến-Tranh, Định-Tường quy tụ 20 Tỉnh, Thị Bộ Miền Tây. (1) (19 Tỉnh, Thị, Bộ Quan-Khu 4 và Tỉnh Bộ Long-An Quan-Khu 3). Và ngày 10-3-74, một đại hội được tổ-chức tại Thị Xã Huế quy tụ hầu hết các Tỉnh, Thị, Bộ Quan-Khu 1 (6 Tỉnh, Thị, Bộ) (1)

(1) Nội San số 4 trang 2.

(1) Nội San số 5 trang 4.

Trước những cố gắng tạo dựng một chính đảng đối;- lập hợp pháp đang được tiến triển mạnh mẽ, thì hoàn cảnh chính-trị đặc-biệt của đất nước đã đưa Đảng Tự-Do đến một quyết-định quan trọng. Vào những ngày cuối năm Quý Sửu, nhiều biến chuyển ở hậu trường chính-trị Việt-Nam diễn ra đưa đến kết quả là khối đa số Nghị-Sĩ, Dân-Biểu thân chính ký tên đề-nghị sửa đổi một vài điều khoản (1) của Hiến-Pháp mà chủ điểm là điều 52 đoạn 2 cho phép Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống có thể tái cử nhiệm kỳ 3 (định lại là 5 năm thay vì 4 năm).

Trong phiên họp khoáng đại của lưỡng viện Quốc-Hội, Nghị-Sĩ Nguyễn-Văn-Huyền phản đối Dự-án-Luật tu chính Hiến Pháp đã được đưa ra một cách vội vã, hấp tấp, nhằm lúc không thích hợp mấy cho một sáng kiến cải thiện những gì khiếm khuyết trong Hiến-Pháp. Ông tuyên bố : "Đảng Tự-Do đã chọn con đường lập hiến định, để mong đưa lại một niềm hy vọng, dầu là mong manh, cho tương lai đất nước. Sự sửa đổi Hiến-pháp ngày hôm nay đã bạo tàn phá vỡ niềm hy vọng cuối cùng của những người vẫn còn muốn xây dựng một nền dân chủ chân chính".

Nhân danh Chủ-Tịch Đảng Tự-Do, tôi xin long trọng tuyên bố trước diễn đàn Quốc-Hội lưỡng viện này và trước quốc dân rằng : "kể từ giờ phút Hiến-Pháp bị sửa đổi về nhiệm kỳ của Tổng-Thống, thì trước hết tôi xin tạ lỗi với quốc dân cho phép tôi được từ bỏ chức vụ Nghị-Sĩ. Sau đó, tôi xin long trọng tuyên bố giải tán Đảng Tự-Do và yêu cầu các chính hữu Tự-Do trở về cương-vị bình thường để cùng chia sẻ nỗi tủi nhục đau khổ cùng toàn dân". Ngày 9-3-1974, bằng một văn thư gửi Bộ Nội-Vụ, hai sáng lập viên Đảng Tự-Do đã thông báo quyết định tự giải-tán của Trung-ương Đảng Bộ và với Nghị-Định số 170/BNV/KS/14 ngày 25-3-74 Bộ Nội-Vụ đã xác nhận sự chính thức tự giải tán của Đảng Tự-Do.

NHÂN ĐỊNH VỀ SỰ GIẢI TÁN NGƯỜI TA CÓ THỂ ĐƯA RA NHỮNG NHẬN KẾT SAU :

1.- NHỮNG KHỜ KHAN THUỘC LÃNH VỰC NỘI BỘ.

(1) 3 điều khoản : 80 , 52 và 114

Việc thành lập Đảng Tự-Do, được nhận thấy sau ngày ký Hiệp-Định Ba-Lê và trước ngày công du của Tổng-Thống Thiệu trong "chuyến đi hợp-tác trong Hòa-Bình. Điều này mang một ý nghĩa đặc-biệt, vì đã cải thiện được uy-tín của VNCH rất nhiều, cũng như đã gạt bỏ được những chỉ-trích Chính-Phủ VNCH chủ trương độc tôn chèn ép đối lập của dư-luận quốc-tế. Nhưng thời kỳ xây dựng Đảng tiếp theo sau đó đã gặp quá nhiều khó khăn thuộc lãnh vực Nội-bộ. Quy tụ những người có cùng một khuynh hướng nhiều khi không phải là một chuyện dễ dàng, vì tác dụng của một tình trạng phân hóa, thiếu tin tưởng, nói chung là do hoàn cảnh xã hội và những sinh-hoạt đảng phái trước đó gây ra.

2.- NHỮNG KHÓ KHĂN KHÁC CÓ TÍNH CÁCH KHÁCH QUAN :

- Tình-trạng kinh-tế, xã-hội suy sụp, những tầng lớp có khả năng sinh-hoạt chính trị đều vướng bận trong guồng máy quan sự hay công vụ, nên không háng say tham-gia bất cứ hoạt-động nào có thể gây phiền toái cho mình.

- Theo quan-niệm của Đảng Tự-Do (1) thì số lượng đảng viên và thời hạn 12 tháng do Sắc-luật quy-định không quan hệ, vì Đảng Tự-Do đủ sức đạt đến chỉ tiêu luật-định. Điểm then chốt để các chính đảng có căn bản vững chắc và rộng lớn, có thể trưởng thành và góp mặt phục-vụ chế độ, nằm ở ngoài luật, đó là thái độ nhỏ nhen của các cấp chính quyền khi thi hành luật pháp.

- Sự giải tán là giải-kết ra khỏi mọi sự ràng buộc vào các luật lệ phi lý. Sự tự giải tán của Đảng Tự-Do nhằm phản kháng sự sửa đổi Hiến-Pháp, cũng như đòi hỏi sự thay đổi quan niệm lãnh đạo của người cầm quyền.

- Việc không tiếp tục tham-gia sinh hoạt chính trị trong khuôn khổ luật pháp hiện hữu, không có nghĩa là Đảng Tự-Do thôi không hoạt-động chính-trị; tính cách pháp-lý của Đảng tuy không còn, nhưng các cơ sở đảng vẫn tồn tại trên thực-tế. Dầu trong trạng huống thế nào, đoàn thể này vẫn là một đoàn thể của những người Quốc-gia chống Cộng.

(1) Lời phát-biểu của NS Lê-Châu-Lộc tại diễn đàn Thượng-Viện ngày 10-4-74.

Thật là đáng tiếc cho sinh-hoạt chính trị miền Nam, vì những khó khăn nội bộ cũng như tự nhận thấy bầu không-khí chính-trị chưa thuận tiện cho cuộc sinh-hoạt dân chủ chân chính, mà Đảng Tự-Do đã lui vào bóng tối. Giờ đây, trên chính trường miền Nam chỉ còn cờ Liên Minh Dân-Chủ Xã Hội là một Liên Minh chính đảng quy tụ rộng rãi các chính đảng như sự quy định của Sắc-luật 060. —

CHƯƠNG III

CÁC CHÍNH ĐẢNG KHÁC

Bên cạnh hai liên minh chính đảng trên, còn có 3 chính đảng đơn nhất với sự hình thành khác nhau và những sắc thái riêng biệt.

Trong chương này chúng tôi sẽ trình-bày 3 chính đảng đó qua 3 tiết sau đây :

Tiết 1 : Đảng Dân-chủ

Tiết 2 : Lực lượng Dân chủ xã-hội Phật giáo Thống-nhất Việt-Nam

Tiết 3 : Đảng Cộng-Hòa.

Mục 1 : QUAN NIỆM VỀ SỰ THÀNH LẬP :

Tất cả mọi chính quyền trong suốt giai đoạn từ năm 1963 đến nay đều đặt trong tình thế tiến thoái lưỡng nan.

- Một mặt cần phải có quyền hành để đối phó với những khó khăn của một quốc-gia vừa chậm tiến lại vừa phải lâm chiến.

- Mặt khác phải thỏa mãn những đòi hỏi dân chủ và mọi kỳ vọng dân cao của quần chúng (1).

Chúng ta đã quyết tâm lựa chọn con đường tự-do dân-chủ và nhất quyết từ khước mọi hình thức độc tài dù là độc tài cá nhân hay độc tài đảng trị hoặc là độc tài quân phiệt (2), nên cần có một chính quyền đủ mạnh và được chính đảng

(1) Hoàng-Xuân-Nào Phật Giáo và chính trị tại VN ngày nay trang 607.

(2) Bài nói chuyện của Chủ-Tịch Đảng Dân-chủ tại khóa hội thảo 1.73 ngày 30.4.73 trang 2.

hỗ trợ hầu đáp ứng, đối phó hữu hiệu trong tình thế lưỡng nan trên. Chính quyền đủ mạnh, không hẳn là một chính quyền kém dân chủ ; để gây nếp sống sinh hoạt dân chủ chính quyền ấy phải tạo được sự đồng lòng của nhân dân về các mục tiêu căn bản của Quốc-Gia, có như thế mới tạo được điều-kiện ổn định chính trị.

Để thực thi các mục tiêu căn bản của quốc-gia đã được sự đồng lòng của nhân dân, người cầm quyền muốn huy động toàn dân một cách hữu hiệu trong công cuộc tranh đấu cho quyền lợi chung của đất nước, cũng phải dựa vào một tổ chức chính đảng. Một chính quyền chỉ thực sự mạnh, nếu có được hậu thuẫn của nhân dân và sự hậu thuẫn ấy chỉ có thể tranh thủ được một cách có hiệu quả qua ngã chính đảng.

Vì chính quyền được thành lập trong một hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử là không xuất phát được từ chính đảng, nên cần phải thành lập một đảng cầm quyền để chính quyền càng đi sâu hơn nữa vào quảng đại quần chúng(1). Hoàn cảnh thực tại chính trị của nước ta đòi hỏi phải có một đảng cầm quyền đứng ra đương đầu với mọi khó khăn, dám chịu trách-nhiệm với nhân dân về những việc đã làm, để nhân dân phán xét, để các đảng đối lập bên ngoài chỉ trích, nhằm tạo một sự tranh đua hào hứng, hầu người dân chọn lựa giữa nhiều đường lối và nhân sự thực hiện chính sách quốc-gia.

Mục 2.- KHUNG CẢNH LÚC KHỞI SINH :

Nhận thức rằng chính quyền, không thể nào chỉ với bộ máy công quyền không thôi, mà có thể hoạt động hữu hiệu được, nên ngay từ năm 1968, Tổng-Thống Thiệu đã cố gắng tạo các điều-kiện thuận lợi để kết hợp các đảng phái thành những khối lớn ; kết quả chỉ có một liên minh chính quyền được thành lập nhưng không hoạt động hữu hiệu và đã đi đến cho tan rã.

Sự thất bại của việc kết hợp trên là nguyên nhân chính khiến Tổng-Thống quyết định thành lập Đảng Dân-chủ. Sự thất bại của 6 chính đảng trong hình thức liên minh, làm

(1) Bài nói chuyện của Tổng-Thống trước Đại-hội Đảng kỳ 1 ngày 28.3.73 trang 5.

thay đổi quan niệm lập đảng của ông. Theo đó, cần phải xây dựng một chính đảng mới, một tổ chức chặt chẽ hơn, quy tụ đảng viên về một mối. Các đảng viên khi gia nhập phải từ bỏ mọi ràng buộc cũ, để hướng về tương lai gắn thân vào con đường tranh đấu chính trị với Cộng-sản và hỗ trợ chính-phủ trong việc thực thi chính sách quốc-gia.

Công cuộc thành lập đảng Dân-chủ được diễn tiến tốt đẹp, ngày 5.10.1971 Đảng được cấp phát lai hoạt động ; đến ngày 24.3.73 Đảng được hợp-thức-hóa bởi nghị định số 135/BNV/KS/14.

Đây là lần đầu tiên một chính đảng cầm quyền được thành lập dưới nền Đệ II Cộng-Hòa. Sự ra đời của Đảng Dân-chủ làm thay đổi cục diện chính trị tại Miền Nam, đem lại một sắc thái mới cho sinh hoạt chính trị quốc-gia.

Mục 3.- MỤC TIÊU CỦA SỰ THÀNH LẬP ĐẢNG DÂN-CHỦ :

Mục tiêu của đảng cầm quyền là giúp đỡ vị nguyên thủ quốc gia trong việc lãnh đạo đất nước và hỗ-trợ chính-phủ trong việc thi hành chính sách quốc gia. Để đạt chu toàn hai trọng trách trên, đảng cầm quyền vận dụng guồng máy đảng hướng dẫn quần chúng ủng hộ đường lối chính phủ. Ủy-ban Trung ương Đảng hoạch định chính sách cho đảng, dung hòa các quyền lợi khác biệt giữa các tầng lớp nhân dân đúc kết thành những kế hoạch chương trình khả thi, để nhà lãnh đạo quốc gia chọn lựa một giải pháp thích nghi.

Đảng cầm quyền còn giữ vai trò trung gian gạch nối giữa chính quyền và nhân dân ; giải thích cho quần chúng biết quyết định của chính quyền, giải thích cho quần chúng biết đâu là nguyên nhân, vì sao có được một giải pháp như vậy, ngõ hầu nhân dân có thể xét đoán những biện pháp mà chính phủ đã đưa ra, cũng như để nhân dân dựa vào đó mà bày tỏ thái độ thích ứng. Đảng cầm quyền là nơi đối thoại xây dựng giữa đại chúng và những người có trách nhiệm lãnh đạo ở các cấp, là nơi thu thập nguyện vọng, lắng nghe những phản ứng của nhân dân để kịp thời phát giác những khuyết điểm hầu sửa chữa những sai lầm nếu có. Về cơ cấu thương tầng, tương quan giữa Hành-pháp và Lập-pháp trở nên tốt đẹp nhờ sợi dây chính đảng nối liền hai cơ cấu quốc-gia các

Nghi-sĩ, Dân-biểu thuộc đảng cầm quyền tự nhiên có nhiệm vụ bênh vực lập trường của chính phủ tại Quốc-hội, và nếu khi chiếm được đa số trong Quốc-hội, các dự luật của chính phủ đều được quốc hội biểu quyết, các chương trình kế hoạch của chính phủ đều được Quốc hội tán thành, như thế tạo được mối dây liên lạc phối hợp nhịp nhàng giữa hai cơ cấu để cùng thi một chương trình chính trị chung.

Đó là lý do hiện diện của Đảng Dân chủ.

TIẾT II: LỰC LƯỢNG DÂN CHỦ XÃ HỘI PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Phật Giáo Việt-Nam là một giáo-hội đã giữ vai trò quan trọng trong công cuộc cách mạng quốc gia. Từ ngàn xưa đạo Phật đã ràng buộc việc phé hưng của mình vào sự thăng trầm của đất nước. Phật Giáo Việt-Nam cũng đã hai lần vấy bùn để đem lại nguồn sống cho dân tộc, lần đầu để lật đổ một chế độ độc tài chuyên đoán lần sau đấu tranh đòi hỏi một nền tảng pháp lý cho chế độ dân chủ. Phật giáo đã thành công, nhưng Giáo hội bị phân ly. Trước hoàn cảnh đó, một số nhân sĩ Phật giáo tha thiết với tiền đồ dân tộc và đạo-pháp đã đứng ra thành (1) Đảng Dân chủ xã hội Phật Giáo Việt-Nam lấy triết lý Phật Đà làm nền tảng hoạt động chính trị.

Sự thành lập lực lượng chính trị này là để nói lên tiếng nói chính thức của tập thể Phật tử thế tục. Những thành công mỹ mãn của tổ chức chính trị của giới tín đồ ở Đức và Nhật (2) khiến cho giới Phật tử VN tin tưởng rằng có thể áp dụng phương thức này và cuộc sinh hoạt chính trị nước ta, vừa tránh được nhiều điều bất lợi của những người dựa vào Giáo hội để hoạt động chánh trị, nhưng vẫn mang nhãn hiệu tôn giáo. Hơn nữa tập thể Phật tử này có thể nói lên nguyện vọng tha thiết cầu mong các Thầy hãy vì lòng từ bi hi xả, cởi bỏ mọi ràng buộc cũ, bắt nhịp cầu thông cảm giữa hai khối Ấn Quang và Quốc Tự. Dưới ánh đạo vàng, mọi người hãy quên đi quá khứ, mong chờ một duyên lành xuất hiện để

(1) Được hợp thức hóa ngày 23.6.71 theo Luật 9/69

(2) Đảng Dân chủ Thiên Chúa Giáo ở Tây Đức và
Đảng Xã hội Phật Giáo Soka GAKKAI ở Nhật

cùng nhau tiến đến sự Hòa giải và hòa hợp trong lòng tư bi của Đảng Tử Phụ.

Trong mùa Phật đản 2517 (1973) một duyên lành đã đến, các giáo phái Phật Giáo sau bao năm phân cách, nay đã ngồi lại bên nhau, để chung lo tổ-chức ngày đản sanh của Đức Phật trong Hội-đồng các giáo phái Phật Giáo Việt-Nam. Tiếp theo sau đó có nhiều sự vận động ráo riết để mở rộng Đảng Dân chủ xã hội Phật Giáo Việt-Nam.

Ngày 1.6.73 tại chùa Vĩnh Nghiêm, các vị nhân sĩ, đại diện, lãnh đạo các đoàn thể và hệ phái Phật Giáo như Bửu Sơn Kỳ hương, Theravada, Phật giáo Phụng sự xã hội, Đảng DCXH PGVN...., đã tham gia hội nghị về vấn-đề xin tu chỉnh danh xưng Đảng DCXH PGVN thành LLDCXNPG Thống Nhất VN: Đại hội đã đề cử 4 sáng lập viên là các ông Vũ-Quốc-Thông, Nguyễn-Đang-Long, Phan-Vân-Dương và Phạm-Gia-Phong đứng ra thông báo cho Bộ Nội-vụ biết quyết định trên, và ngày 11.6.73 Bộ Nội-vụ đã cấp phải lai số 3/73 BNV/14 cho phép lực lượng hoạt động.

Mấy năm qua lực lượng đã giữ thái độ trung lập đối với cuộc tranh chấp giữa hai khối AN Quang và Việt-Nam Quốc Tự, để đóng một vai trò rất khó khăn và tế nhị là xóa bỏ dần những ngăn cách giữa các phe phái Phật Giáo, đồng thời tạo dựng một ý thức chính trị dựa trên giáo lý nhà Phật, để các Phật tử tự thức tỉnh, bớt lệ thuộc vào những hành động chính trị của các vị tăng sĩ, để các vị tăng sĩ trở về với cương vị tu hành của mình, nếu được như thế cơ hội hợp nhất Phật Giáo sẽ thành tựu nhanh hơn.

Trong tương lai, nếu duyên lành có được, mọi đố vờ của Phật Giáo được hàn gắn, lực lượng Dân chủ Xã-hội Phật Giáo Thống nhất VN sẽ đóng một vai trò quan trọng trong công cuộc vận động Hòa bình và có nhiều hoạt động chính trị trong chiều hướng hòa giải dân tộc và hòa hợp quốc gia.

TIẾT III
DANG CÔNG HÒA

Đảng Cộng Hòa là một đảng tân lập do Nghị sĩ Y Bling Boun Krong Pang và Nghị-sĩ Trương Tiến Đạt sáng lập. Vì không đồng ý về một số nguyên tắc trong việc xây dựng đảng tự do mà Nghị-sĩ Trương Tiến Đạt đã cùng một số thanh hầu đứng ra thành lập đảng Cộng Hòa với quan niệm rằng các chính khách phải đảm nhận vai trò chính trị thực sự của mình, chính thức đi tìm sự hậu thuẫn của nhân dân, từ bỏ mọi ràng buộc cũ để kiến tạo một tổ chức mới phù hợp với hiệu trạng hơn ngổ hầu thu hút các phần tử từ trước đến nay chưa hoạt động đảng phái bao giờ.

Ngày 16.8.73 Đảng Cộng Hòa được Bộ Nội-vụ cấp phái lai số 4/73 BNV/KS/14 cho phép công khai hoạt động. Trong tiến trình xây dựng hạ tầng cơ sở, Đảng Cộng Hòa khởi diễn hoạt động ở Quận khu 4 trước, rồi đến Quận khu 2, Quận khu 1 và sau cùng là Quận khu 3 và Thủ đô. Đảng Cộng Hòa hiện đã thành lập được một số Ban chấp hành tại các địa-phương và đã có các ban sáng lập tại các tỉnh thị bộ toàn quốc, Ban chấp hành trung ương gồm 12 vị do Nghị-sĩ Trương Tiến Đạt lãnh đạo với tư cách là Tổng bí thư đảng.

Trên đường thành lập, cũng như các chính đảng đối lập khác, Đảng Cộng Hòa cũng gặp một số khó khăn về điều kiện hợp thức hóa do sắc luật 060 quy định. Trong tương lai, khi được hợp thức hóa Đảng Cộng Hòa sẽ giữ một vai trò đáng kể nào đó trong sinh hoạt chính trị Miền Nam.

x

x x

Từ ngày ban hành sắc luật 060 đến nay, sinh hoạt chính trị quốc gia, sau những sự chống đối ban đầu, nay đã tương đối lắng dịu dần và đã bớt được tính cách hỗn độn. Sinh hoạt đảng phái có vẻ trầm lặng, vì các chính đảng được thành lập theo SL 060 đều thiên về tính cách nội bộ, bành trướng cơ sở, thu nhận đảng viên để thỏa mãn những điều kiện về hợp thức hóa, nên không còn nhiều thì giờ để đấu tranh chính trị. Sự kiện này đã gây nên một khoảng trống chính trị càng làm nổi bật vai trò ưu thắng của Đảng Dân-Chủ trên chính trường miền Nam.

Sau vụ giải nhiệm Ông Phụ tá Nguyễn Văn Ngân khỏi chức vụ đặc trách liên lạc Quốc Hội, hậu trường chính trị Miền Nam đã có những sắc thái mới, cởi mở hơn, và trong buổi tiếp tân khoản đãi các chiến sĩ hữu công nhân ngày Quân lực 19.6.74, Tổng Thống đã ra nghiêm lệnh cấm quân nhân, công chức, cảnh sát không được sinh hoạt đảng phái, theo ông, quân nhân công chức cảnh sát sinh hoạt đảng phái là có ý phục vụ cho một phe phái, một nhóm người nào, do đó sẽ không phục vụ đúng mức cho nhân dân và Quốc Gia. Như thế, Tổng Thống đã nói rộng sự áp dụng điều 23 khoản 2 Hiến pháp và điều 4 luật 9/69, bao gồm luôn cả việc ngăn cản công chức và cảnh sát không được phép sinh hoạt đảng phái.

Về phương diện pháp lý, lời tuyên bố trên của Tổng Thống không có hiệu lực cưỡng hành vì "mọi sự hạn chế các quyền công dân căn bản phải được quy định bởi một đạo luật có ấn định rõ phạm vi áp dụng trong không gian và thời gian (điều 29 Hiến pháp).

Theo thiên ý, sở dĩ có sự cấm đoán trên là do việc lạm dụng tư cách của đảng cầm quyền, các cấp thừa hành đã không nhận thức tính cách trung lập của cơ quan Hành-chánh nên đã tận dụng bộ máy công quyền để phát triển cơ sở đảng Dân chủ, đến mức độ gây nhiều khó khăn cho các đảng đối lập mang lại nhiều tai tiếng cho chính quyền.

Hơn nữa, sự cấm đoán trên một phần cũng để tránh tình trạng các quân nhân, công chức cảnh sát cấp dưới trong bộ máy công quyền, có địa vị trong cấp lãnh đạo đảng cao hơn cấp bậc của thượng cấp mình, như vậy sẽ làm tổn thương kỷ luật quân đội cũng như công vụ. Trong nguyên tắc căn bản đó, quân nhân, công chức, cảnh sát không được tham gia sinh hoạt đảng phái, tuy nhiên họ có quyền phát biểu sự chọn lựa chính kiến của mình dưới hình thức rộng, hẹp trong mỗi dịp tuyển cử.

Các quân nhân, công chức, cảnh sát đều có hai tư cách :

- với tư cách công dân họ được quyền hưởng đầy đủ mọi quyền tư do căn bản.

- với tư cách là thành phần chuyên nghiệp họ là những quân nhân, công chức cảnh sát. Sự cấm đoán của Tổng Thống chỉ nhắm vào tư cách thứ hai mà thôi, họ vẫn giữ đầy đủ quyền công dân, nếu muốn, họ vẫn có thể nghỉ giả hạn không lương ra tranh cử để làm việc cho quốc gia.

Vấn đề được đặt ra là sự hạn chế này có vi phạm tính cách thiết yếu của quyền căn bản mà Hiến pháp đã dành cho mỗi công dân hay không ? Câu trả lời là không ; tuy sự cấm đoán đó có giới hạn hoạt động của quân nhân, công chức, cảnh sát nhưng chỉ hạn chế phần nào vì nhu cầu đất nước chứ không thể hủy bỏ hẳn, một quyền công dân căn bản. Mặt câu hỏi nêu lên do sự suy diễn lời tuyên bố của Tổng Thống là các quân nhân công chức cảnh sát đã gia nhập vào đảng rồi, thì họ có phải rút lui khỏi đảng hay không ?

Thực ra, những người đã lỡ vào đảng rồi, họ vẫn ở trong đảng nhưng không hoạt động cho đảng ; Tổng Thống chỉ cấm sinh hoạt đảng phái chứ không cấm gia nhập chính đảng hay giữ nguyên đảng tịch và sau cùng một vấn đề thực tế nữa là nếu thi hành nghiêm lệnh của Tổng Thống thì Đảng Dân Chủ (được xem là đảng cầm quyền bao gồm hầu hết các quân nhân, công chức, cảnh sát) sẽ còn đóng vai trò gì trong sinh hoạt chính trị quốc gia ?

Trong tương lai, Đảng Dân chủ vẫn đóng vai trò quan trọng trong sinh hoạt chính trị quốc gia và vẫn phải tôn trọng những nguyên tắc căn bản của một đảng phái chính trị trong một xã hội Dân chủ tự do.

TỔNG LUẬN

TỔNG LUẬN

Sắc-luật 060 ra đời vì tình thế cấp bách không thể dành nhiều thì giờ để cho các chính đảng có thể tự nguyện kết hợp với nhau thành một tập thể chính trị rộng lớn. Trong khi đó tình hình quốc-gia đang có những biến chuyển dồn dập, báo hiệu những đổi thay quan trọng. Cuộc tranh-dấu chính-trị trực diện với Cộng-Sản đã gần kề mà các chính đảng quốc-gia vẫn ở trong tình trạng phân hóa, do đó, trong khuôn khổ Luật ủy-quyền, chính quyền quy-định một cách mạnh mẽ, gấp tốc, cứng rắn, dùng phương tiện pháp lý để ép buộc các đảng phái quốc-gia nếu muốn sinh tồn phải tập hợp lại. Đồng thời chính quyền đứng ra lập đảng cầm quyền để thúc đẩy sự tập hợp các đảng đối lập một cách mạnh mẽ hơn.

Chính vì không được thảo-luận tại Quốc-Hội và nhất là không có sự tham-khảo ý-kiến với các chính đảng, mà Sắc luật 060 mang nặng tính cách cứng rắn. Vậy, để cho sự áp dụng SL 060 bớt phần cứng rắn nên quy định lại điều kiện thành lập đảng mềm dẻo hơn, đồng thời sửa đổi những luật lệ nhằm tạo dựng một khung cảnh thuận lợi cho hệ thống chính đảng ở VN đi đến một mô thức thích hợp.

Nhưng sửa đổi những gì ?

- SỬA ĐỔI VỀ SỐ LƯỢNG CƠ CẤU TỔ-CHỨC :

Để các đảng tân lập có thể được hợp thức hóa 1/4 tỉnh, thị bộ và Đô-thành bộ thay vì 1/2 Tỉnh, Thị, Bộ toàn quốc và Đô-thành bộ như điều 1 của Sắc-luật 060 đòi hỏi. Trong mỗi Đô Tỉnh, Thị Bộ ấy số Xã-Phường Bộ vẫn giữ nguyên là 1/4 tổng số các Xã Phường ở địa-phương liên hệ.

* SỬA ĐỔI VỀ SỐ LƯỢNG ĐẢNG VIÊN : Vì tính cách phân hóa chính trị của những thời quá khứ cũng như sự e dè của người dân đối với sinh-hoạt đảng phái, nên ta không thể cấp tốc quy-định ngay một số lượng đảng viên lớn lao, mà cần phải có một mức độ vừa phải, để làm bước đầu cho các đảng phái có thể đạt được. Do đó số đảng viên tiên khởi nên quy định lại là 100.000 thay vì khoản 200.000 (1/20 cử tri) của 1/2 Đô, Tỉnh, Thị, một con số ít đảng nào đạt được.

* Vấn đề liên kết đặc-quyền đề cử ứng-cử-viên và sự đương nhiên giải tán chính đảng nếu không hội đủ chỉ tiêu Luật định là một sự kiện mang nặng tính cách cực đoan, do đó cần phải hủy bỏ điều khoản "nếu không hội đủ tức số 1/5 tổng số ghế Dân-Biểu trong cuộc bầu-cử Hạ-Viện hay 20% tổng số phiếu trong cuộc bầu cử Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống và Thượng-Nghị-Viện". Sự hủy bỏ này sẽ mang lại tính cách ôn cố cho chính đảng cũng như tránh được tình trạng trên chính trường chỉ còn lại một chính đảng" việc công nhận đặc quyền đề cử các ứng-cử-viên cho đảng phái là một điều nên làm, để cho sinh-hoạt nghị-trường được khởi sắc. Chính đảng cần có quyền này để củng cố và phát triển đảng trong quần chúng.

Như thế, nếu các sửa đổi trên được thực hiện, công thêm thời hạn 24 tháng để hợp thức-hóa do luật 2/74 ấn-định, các chính đảng đối lập có thể được hoạt-động trong khuôn khổ pháp lý để giữ vai trò cần thiết cho chế độ Dân-chủ.

* Sửa đổi những luật lệ khác như các Luật về bầu cử :
Nếu quan niệm rằng thể thức bầu cử tác động một cách hữu-hiệu và thiết thực cho sự tập hợp chính đảng thì chúng ta nhận thấy rằng :

- Thể thức bầu cử Hạ-Nghị-Viện từ trước đến nay không giúp ích gì cho sự kết hợp chính đảng. Lối bầu cử Hạ-Nghị-Viện được áp dụng là thể thức đơn danh hợp tuyen, đa số tương đối lấy đơn vị là tỉnh và có hơn 90% đơn vị bầu cử có trên 2 ghế Dân-Biểu. Như vậy, một chính đảng dù không có thực lực tại mỗi đơn-vị bầu cử vẫn có thể đưa người ra tranh cử mà không cần phải kết hợp với ai, vì họ có hy vọng là nếu không chiếm được hạng nhất thì cũng có thể đạt được hạng 2, hạng 3 gì đó, miễn là đặc-cử thì thôi. Ngoài ra với lối bỏ phiếu mỗi người được quyền chọn từ 1 đến số ghế được ấn định trong đơn-vị bầu cử, còn làm gia tăng hy vọng cho các chính đảng không có thực lực nhiều tại đơn vị bầu cử ấy.

Giả sử có sự tập hợp giữa các chính đảng trong đơn vị bầu cử ấy, sự hợp tác này chưa chắc đã chân thành vì chính đảng này nghi kỵ chính đảng khác, không dám vận-động cho ứng cử viên của đảng kia vì sợ họ không vận động lại cho mình.

Nếu đơn-vị bầu cử được thu hẹp lại và mỗi đơn-vị chỉ lấy một ghế duy nhất thì chính đảng nào thiếu thực lực tại một đơn vị bầu cử sẽ không dám đưa người ra tranh cử vì không có một chút hy vọng gì được đắc cử. Do đó, thay vì đưa người ra tranh cử ở đơn vị đó, người ta sẽ liên kết với chính đảng có thực lực tại đơn-vị ấy mà không có thực lực tại đơn-vị khác để vận động cho nhau. Sự hợp tác dần dần sẽ tiến đến sự kết hợp bền vững và lâu dài hơn.

- THỂ THỨC BẦU TỔNG THỐNG, PHÓ TỔNG THỐNG VÀ THƯƠNG-NGHI-VIÊN.

Thể thức được áp dụng là thể thức liên danh đa số tương đối, lấy đơn vị là toàn quốc nên thể thức này khuyến khích phần nào trong việc kết hợp giữa các chính đảng; vì thể thức này khó có một chính đảng nào đơn độc tranh cử một mình mà có hy vọng thắng cử nổi do việc thiếu cơ sở, cán - bộ trên toàn quốc cũng như thiếu tài chính để chi dùng trong công cuộc vận động tuyên cử. Đơn-vị rộng lớn đã khó khăn rồi, cộng thêm vào đó chỉ tiêu 20% tổng số phiếu khiến cho khó khăn gia tăng thêm, nên các chính đảng muốn có hy vọng đắc cử cần phải liên kết lại trong một liên danh duy nhất rồi cộng tác với nhau mà hoạt động, thì mới có hy vọng thắng cử hay ít ra không bị giải tán.

- Ở cấp địa phương : Cho đến nay thì sự tự trị ở địa phương đã được thực thi một cách khá rộng rãi ở cấp xã và tương đối ở cấp tỉnh. Nguyên-tắc này có nhiều điều lợi.
- Mang lại cho người dân lưu tâm đến chính sự và tha thiết đến chính sự nhiều hơn.
- Đây cũng là một trường học tốt cho những người hoạt động chính trị.
- Giúp cho những đoàn thể có cơ sở quần chúng ở địa-phương nắm được chính quyền ở địa phương ấy.

Với thể thức hiện nay, theo Luật 3/74 về bầu-cử các Hội-Đồng Đô, Tỉnh, Thị thì ranh giới tuyên cử được sửa đổi thành đơn-vị là ở Tỉnh, Thị Xã và liên quận ở Gia-Định. Số lượng nghị-viên tối đa của các Hội-đồng Đô Tỉnh Thị được rút xuống từ 36 còn 24. Với thể thức bầu cử đơn danh hợp tuyên này. Các chính đảng muốn thắng cử phải liên minh với

nhau để có những sự hậu thuẫn rộng lớn hơn. Dưới hình thức bán Liên danh này, cộng thêm với ưu thế của đảng cầm quyền có cơ chiến trọn các ghế tại các Hội-Đông Đô, Tỉnh, Thị, khiến các chính đảng đối lập phải cố gắng đi đến một phương thức tranh đấu chung hầu có tiếng nói ở các Hội-Đông dân-cử địa-phương.

Luật này có ưu điểm là tạo cho các đảng đối lập một thể kết hợp dưới một mặt trận chung có mục tiêu là chống lại tính cách ưu thắng của đảng cầm quyền. Nếu sự kết hợp này được diễn ra nhiều lần và trong một thời gian dài chúng ta hy vọng có được một liên minh đối lập mạnh.

Trong tương lai nếu các điều-kiện quốc-nội và quốc-tế cho phép, hệ thống chính đảng tại VN có thể sẽ tiến đến một trong hai mô thức sau : - Lương đảng
- Đa đảng tiết chế diện hợp.

- Mô thức lương đảng : Chế độ Lương đảng chỉ được điều hành tốt đẹp ở những quốc-gia theo chế độ nghị-viên, trong đó giữa hai cơ-quan Hành-pháp và Lập-pháp có một sự tương quan mật thiết, lãnh tụ của khối đa số tại Quốc-hội cũng là người cầm đầu Hành-pháp. Như thế, với một kỷ-luật chặt chẽ thì các chương trình, kế hoạch của Chính-Phủ đều được Quốc-Hội chấp nhận dễ dàng và chính quyền có thể thực thi chính sách quốc gia lâu dài được.

Trái lại, trong chế độ Tổng-Thống, hệ thống lương đảng chặt chẽ và có kỷ luật chưa chắc đã hay, vì sự phân quyền giữa Hành-pháp và Lập-Pháp rất cứng rắn, giả sử như Tổng-Thống thuộc một chính đảng mà đa số tại Quốc-Hội lại thuộc một chính đảng khác, thì lúc bấy giờ sẽ có một sự chống đối nhau và Tổng-Thống sẽ không thực hiện được chương trình gì cả. Sở dĩ Hoa-Kỳ theo chế độ Tổng-Thống và có lương đảng mà vẫn ổn định được, là vì ở các chính đảng ở Hoa-Kỳ kỷ-luật rất lỏng lẻo, một Nghị-Sĩ thuộc đảng Dân-Chủ có thể ủng hộ vị Tổng-Thống của đảng Cộng-Hòa và Tổng-Thống cũng không sợ gặp phải sự chống đối của toàn thể phe đa số đối lập ở Quốc-Hội, các chương-trình của Tổng-Thống cũng có thể thông qua, được.

VNCH đã chọn chế độ Tổng-Thống (1) và lại dành cho Quốc-Hội nhiều quyền rộng rãi, vì vậy một hệ thống lưỡng đảng có kỷ-luật chặt chẽ, sẽ đưa đến nhiều điều khó khăn nếu gặp phải trường hợp Tổng Thống và đa số ở Quốc-Hội thuộc hai chính đảng khác nhau. Trái lại, nếu hệ thống chính đảng mà kỷ-luật lỏng lẻo, thì đi ngược lại chiều hướng hiện tại là phải xây dựng một hệ thống chính đảng chặt chẽ, để phát triển quốc gia và đấu tranh chính-trị với Cộng-Sản.

Ngay cả trong chế độ Nghị-Viện, mô thức lưỡng đảng chỉ tỏ ra tốt đẹp khi sinh hoạt trong nước không có sự xung đột mạnh bạo và các chính đảng cũng phải ý thức được sự khác biệt giữa bộ máy chính trị và bộ máy Hành-chánh.

Mô thức đa đảng tiết chế điều hợp : Đa đảng không có nghĩa là phân hòa, rời rạc mà là một tập hợp các chính đảng thành một số ít có thực lực, có tổ chức. Nếu ở vào tình trạng đa đảng, nhưng biết tiết chế và Liên Minh thành những chính đảng mạnh để nắm chính quyền thì mô thức đa đảng kiểu này không tai hại gì cho một chế độ chính trị theo Tổng-Thống chế như VNCH (2).

Mô thức này được tìm thấy ở Tây-Đức và một số quốc gia Bắc-Âu, nơi mà trước kia hệ thống chính đảng cũng phân hóa và hết sức rời rạc như Việt-Nam. Mô thức này thường gồm từ 3 đến 4 đảng, trong đó có hai đảng cầm quyền và đối lập được xem là mạnh nhất còn đảng thứ 3, thứ 4 kém hơn. Tuy nhiên sự hiện diện của đảng thứ 3 này là để điều hợp hai đảng cầm quyền và đối lập, nó khiến cho không một chính đảng nào chiếm được đa số tuyệt đối tại Quốc-Hội để thao túng chính trường.

(1) Việc Thủ-Tướng và nội các có thể bị Quốc-Hội giải-nhiệm chỉ là những nét rất nhỏ du nhập từ chế độ Nghị-Viện, còn những điểm chính yếu vẫn là chế độ Tổng-Thống.

(2) Phạm-dình-Khuyến. Chính đảng tại VN trang 199

Ở Việt-Nam, Tình trạng có thể xảy ra g hơi khác với Tây-Đức, là khối chính quyền có thể nắm được đa số tuyệt đối ở Quốc-Hội như trường-hợp của Đảng Dân-Chủ Cộng-Hòa cầm quyền ở Đại-Hàn và đặc-biệt là một nen Hành-chánh địa-phương được tự trị hết sức rộng rãi. Với những định chế trên, các đảng đối lập dù không nắm được chính quyền ở Trung-ương, vẫn có hy vọng nắm được chính quyền địa-phương.

Giáo sư Nguyễn-Ngọc-Huy đã diễn tả mô thức này là một hệ thống chính đảng, trong đó có một đảng Bá Quyền sẽ nắm chính quyền lâu dài và những chính đảng khác sẽ nắm chính quyền địa phương và một ít ở Quốc-Hội.

Trong tương lai khi Mặt-trận Giải-phóng miền Nam chịu trở về sinh-hoạt như một chính đảng thì mô thức đa đảng tiết chế điều hợp có thể được quan niệm như sau :

- Đảng cầm quyền là Đảng Dân-Chủ được xem có khuynh hướng cực hữu.
- Đảng Đối-Lập : MİGPMN được xem có khuynh-hướng cực tả
- Những đảng đối lập ôn hòa như : Liên Minh Dân-Chủ Xã-Hội lực lượng Dân-chủ xã hội Phật-giáo Thống-Nhất Việt-Nam và Đảng Cộng-Hòa.

Những chính đảng này có thể kết hợp lại thành một khối đứng ở vị thế trung tâm để điều hòa hai khuynh hướng cực hữu và cực tả. Giúp hòa giải những cách biệt quá xa về lập trường của hai bên và sau cùng là chỗ dung thân cho những người không đồng ý với chính quyền trên một vài khía cạnh về phương diện làm việc, quản trị quốc-gia... nhưng lại chống Cộng.

Hiện nay, trên chính trường chỉ còn có 4 đảng hoạt-động và chưa có một đảng đối lập nào được hợp-thức-hóa, bây giờ còn quá sớm để tiên liệu là các chính đảng đối lập có hội đủ điều kiện hợp-thức-hóa hầu sinh hoạt như một chính đảng hợp pháp trong khuôn khổ pháp lý hiện tại hay không ? Vấn đề là tùy thuộc vào tính cách cởi mở của chính quyền đối với các chính đảng quốc-gia khác. Nếu chính quyền muốn giữ tập quyền làm việc nước, thì các chính đảng quốc-gia khác sẽ khó phát-triển. Tuy nhiên, Tổng-Thống Nguyễn-Văn-

Thiệu và các yếu nhân trong đảng Dân-Chủ đã nhiều lần tuyên bố là : "Đảng Dân-Chủ chống Cộng, chứ không chống những người quốc-gia và chân thành mong muốn các chính đảng đối lập lớn mạnh, để cùng nhau xây dựng một miền Nam ổn định và hùng cường, giữ đa số quần chúng nhân dân ở bên này giới tuyến của những người quốc-gia trong một cuộc đấu tranh chính trị trực diện với Cộng-Sản".

Kết-luận của tập luận văn bé nhỏ này là ước vọng được nhìn thấy VNCH có được một hệ thống chính đảng mạnh có thực lực có tổ chức đại diện đầy đủ cho mọi khuynh-hướng quốc-gia và sinh-hoạt chính trị được diễn ra theo tinh-thần cởi mở khoan dung, trong khung cảnh của một nền Dân-chủ Pháp-trị. /

S.V. TRẦN-MINH-QUANG

PHỤ LỤC

9/71) ANH SÁCH CÁC ĐẢNG ĐÃ ĐƯỢC HỢP-THỨC-HÓA
THEO LUẬT 9/69 TÍNH ĐẾN CUỐI NĂM 1972

---+---+---+---+---

Thứ tự	TÊN ĐẢNG	LÃNH TỤ	Ngày hợp thức hóa
01	VN NHÂN XÃ CÁCH MẠNG	TRƯƠNG-CÔNG-CUU	14-04-70
02	LỰC LƯỢNG ĐẠI ĐOÀN-KẾT	NGUYỄN-GIA-HIẾN	24-04-70
03	ĐẠI-VIỆT CÁCH MẠNG	HÀ-THỨC-KÝ	14-05-70
04	VNQĐĐ XỨ BỘ MIỀN NAM	NGUYỄN-HÒA-HIỆP	20-05-70
05	VNQĐĐ VŨ HỒNG KHANH	VŨ-HỒNG-KHANH	28-05-70
06	MẶT TRẬN CỨU NGUY DÂN TỘC	TRẦN-VAN-ĐÔN	22-06-70
07	PHONG TRÀO QUỐC-GIA CẤP TIẾN	NGUYỄN-NGỌC-HUY	29-06-70
08	TẬP ĐOÀN CHIẾN SĨ HÒA HẢO DÂN XÃ	LÂM-THÀNH-NGUYỄN	29-06-70
09	LIÊN MINH PHỤC VỤ QUỐC- GIA	BUI-VAN-SÉT	8-12-70
10	PHONG TRÀO TÂN DÂN	NGUYỄN-THÀNH-VINH	9-12-70
11	LỰC LƯỢNG TỰ DO DÂN CHỦ	NGUYỄN-VAN-HƯƠNG	30-12-70
12	PHONG TRÀO PHỤC HƯNG MIỀN NAM.		2-01-71
13	PHONG TRÀO TÂN DÂN XÃ- HỘI VN	NGUYỄN-BÁ-LƯƠNG	21-04-71
14	VNQĐĐ THÔNG NHẤT	NGUYỄN-ĐÌNH-LƯƠNG	29-4-71
15	LỰC LƯỢNG DÂN CHỦ VN	NGUYỄN-VAN-NGẢI	23-06-71
16	LỰC-LƯỢNG DÂN CHỦ XÃ- HỘI PHẬT GIÁO VN	VŨ QUỐC-THÔNG	23-06-71
17	NHÂN VĂN CÁCH MẠNG	ĐÌNH-SƠN	03-09-71
18	ĐẢNG CÔNG NÔNG VN	TRẦN-QUỐC-BŨU	31-08-71
19	CHÁNH ĐẢNG CỘNG HÒA ĐẠI CHỨNG	TRẦN-CHÁNH-THÀNH	21-09-71

Thứ tự	TÊN ĐẢNG	LÃNH TỤ	Ngày hợp thức hóa
20	VN DÂN-CHỦ XÃ HỘI ĐẢNG THỐNG NHẤT	HUYỀN-HỮU-PHÍ	12-10-71
21	VIỆT-NAM HÙNG-QUỐC-ĐẢNG	HOÀNG-CƠ-BÌNH	20-10-71
22	LỰC LƯỢNG NHÂN DÂN KIẾN- QUỐC	LÊ-TRỌNG-QUÁT	22-10-71
23	VN DÂN CHỦ XÃ HỘI ĐẢNG	TRÌNH-QUỐC-CHÁNH	3-07-70

Các chính đảng đã được cấp phái lai :

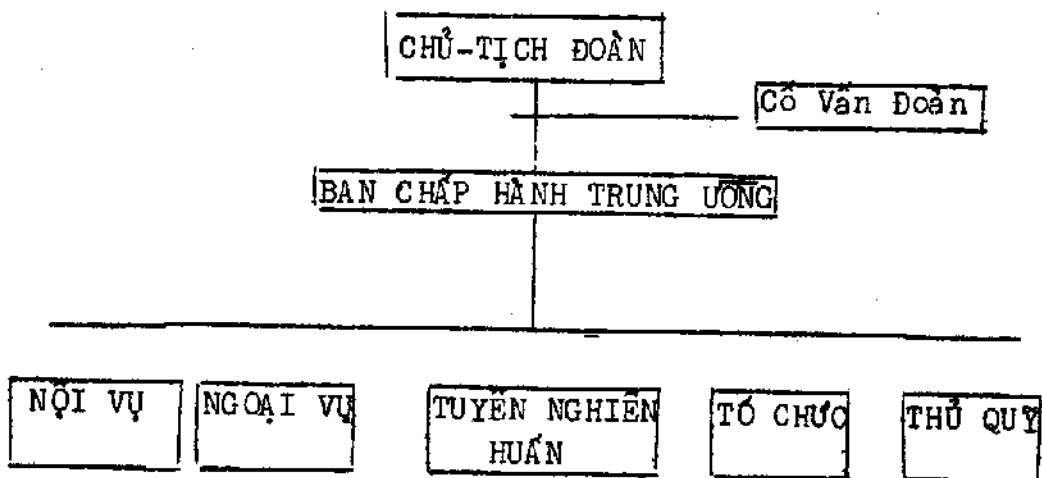
1/- Khối Đoàn-Kết Dân-Tộc Thiếu số VN

2/- Đảng Dân-Chủ.

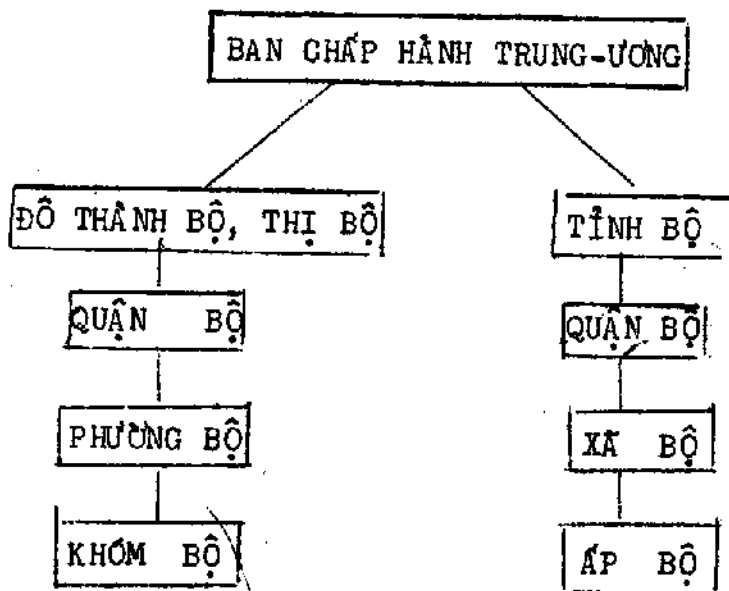
ĐẢNG DÂN CHỦ

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO TRUNG ƯƠNG :

ĐẠI-HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC



CƠ CẤU TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG DÂN CHỦ :



HÀNH PHẦN LẠNH ĐẠO ĐẢNG DÂN CHỦ

L

- CHỦ TỊCH ĐOÀN :

- CHỦ TỊCH CHỦ TỊCH ĐOÀN : TỔNG THỐNG NGUYỄN-VAN-THIỆU
- ỦY VIÊN : THỦ TƯỚNG TRẦN-THIỆN-KHIÊM
- : DB. NGUYỄN-BÁ-CẬN
- : NS. TRẦN-MINH-TÙNG
- : NS TRẦN-TRUNG-DUNG
- Ô. DƯƠNG-ĐỨC-THUY
- Ô. NGUYỄN-VAN-NGÂN

- CỐ VẤN ĐOÀN :

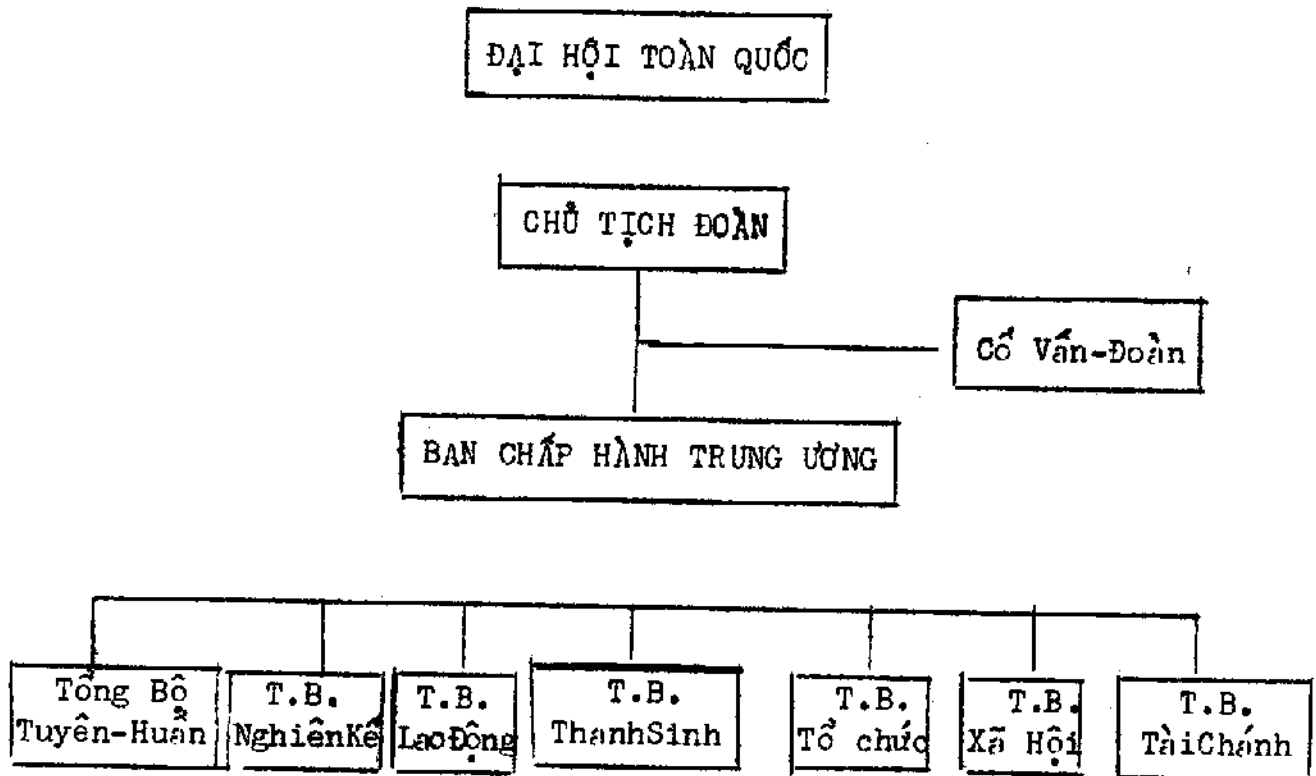
- BS. NGUYỄN-VAN-ÁI
- BS. PHẠM-VAN-HẠT
- TRUNG-TƯỚNG TRẦN-VAN-ĐÔN
- Ô. NAY LUETT
- Ô. LÊ-TÀI-TRIỂN
- Ô. NS. TRẦN-VAN-LÂM
- Ô. NGÔ-KHẮC-TỈNH
- GS. LÊ-THANH MINH-CHÂU
- GS. TRẦN-VAN-TẤN

- BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG :

- TỔNG THƯ KÝ : BS. TRẦN-MINH-TÙNG
- ĐỀ I TTK : NS. LÊ-VAN-ĐỒNG
- ĐỀ II TTK : Ô. NGUYỄN-ĐÌNH-XƯƠNG
- TỔNG-ỦY-VIÊN NỘI-VỤ : Ô. PHẠM-HỮU-GIAO tự MẠC-GIAO
- T.U.V. NGOẠI-VỤ : Ô. NGUYỄN-PHÚ-ĐỨC
- T.U.V. TUYỂN-NGHIÊN-HUẤN : NS. NGUYỄN-VAN-NGÁI
- T.U.V. TỔ CHỨC : DB. PHẠM-ANH
- THỦ QUỸ : DB. NGUYỄN-THỊ-HAI

LIÊN MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI.

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO TRUNG ƯƠNG :



THÀNH PHẦN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG LMDCXH

(Tham chiếu đảng văn số 02/VP/TTK ngày 19.5.73

5.73 của Ban Chấp Hành Trung Ương LMDCXH)

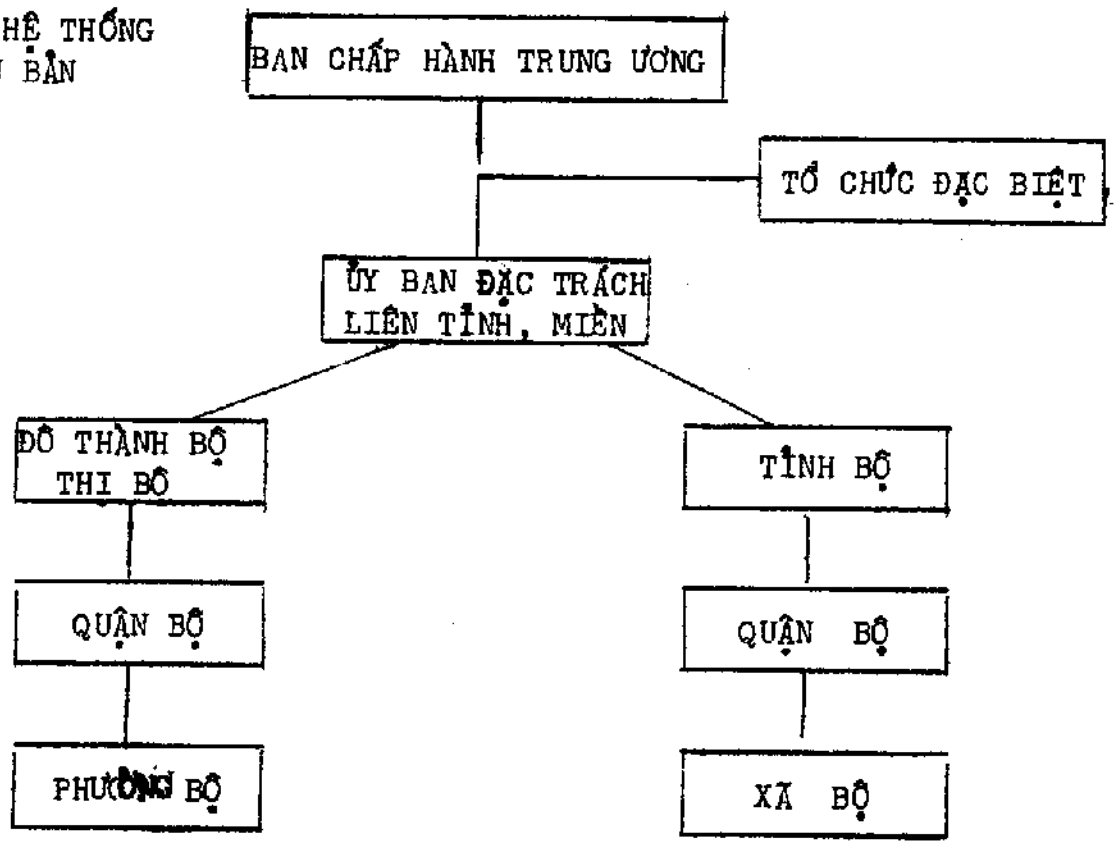
VĂN-PHÒNG THƯỜNG VỤ

- Tổng thư ký : N.S.Huỳnh-Văn-Cao (Đảng Công Nông VN)
- Phó Tổng thư-ký Đảng vụ G.S.Nguyễn-Đình-Huy (PTQGCT)
- Phó Tổng Thư-Ký Ngoại-vụ Ô.Ô.Lê-Văn-Ky (LLNDKQ)
- Phó Tổng thư ký Dân Kiểm - Trương-Minh-Chiếu (Đảng CHKH)
- Tổng thủ quỹ - Đào Thanh-Châu (Tập Đoàn CSHHDX)

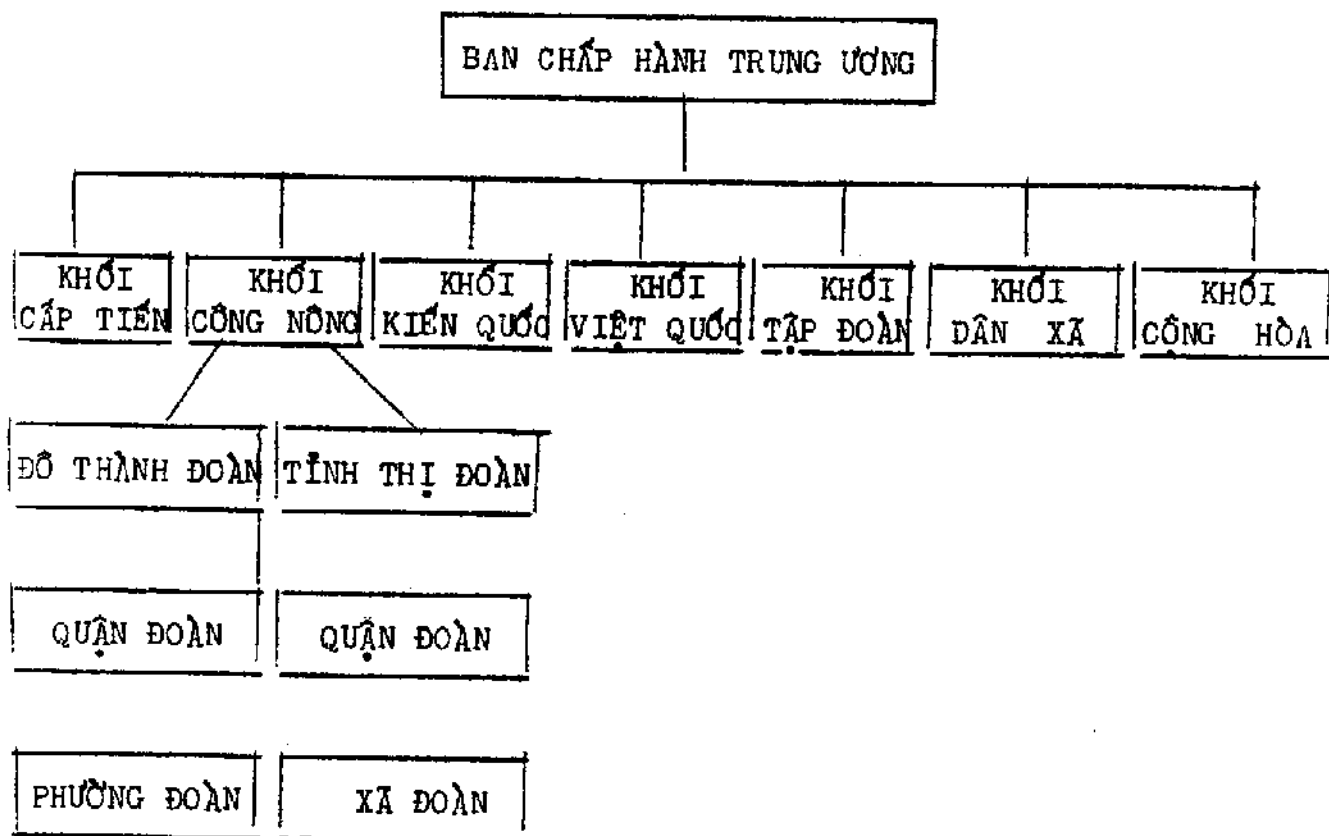
- Phó Tổng Thủ Quỹ - Võ Tổng Lục (Đảng CHXH)
- Ủy viên thường vụ - Nguyễn-Hữu-Khai (Đảng Công Nông VN)

CƠ CẤU TỔ CHỨC CƠ SỞ LMDCXH

THEO HỆ THỐNG
CĂN BẢN



THEO TỔ CHỨC THÀNH VIÊN



TỔNG BỘ TỔ CHỨC

- Tổng ủy viên : Ô. Võ Trang
VNQĐĐTN
- Ủy viên : DB Huỳnh-Van-Trứ
LLNDKQ
- Ô. Lê-thanh-Trí
VNDCXHĐ
- GS. Trần-Quang-Minh
PTQGCT
- Ô. Nguyễn-Van-Chính
Công Nông
- DB. Nguyễn-Minh-Phú
Đảng CHXH
- Ô. Nguyễn-Van-Chơn
Tập Đoàn CSHHDX

TỔNG BỘ THANH SINH

- Tổng ủy viên : DB Nguyễn-Kim-Phùng
TĐCCSHHDX
- Ủy viên : Ô. Nguyễn-Lương
Đảng CNVN
- SV. Trần-Ngọc-Châu
PTQGCT
- SV. Hoàng-Đình-Tạo
PTQGCT
- KS Hoàng Đổng
- GS. Nguyễn-Tường-Ánh
VNQĐĐTN
- GS. Trần-Chánh-Thọ
VNQĐĐTN
- SV. Lâm-Xuân-Quang
VNDCXHĐ
- Ô. Nguyễn-Công-An
Đảng CHXH.

TỔNG BỘ TUYÊN HUẤN

- Tổng Ủy Viên : GS. Trương Dụng Khả
PTQGCT
- Ủy viên : LS. Võ Quốc-Thanh
Đảng CNVN
- GS. Phạm-Hồng-Nguyên
VNDCXHĐ
- GS. Phan-Ngô VNQĐĐTN
- DB. Nguyễn-Bảy
Đảng CHXH
- Ô. Đoàn Lương Đổng
- DB. Trần-Cảnh Chung.
TĐCCSHHDX.

TỔNG BỘ XÃ HỘI

- Tổng Ủy viên : Ô. Nguyễn-Bá-Quát
(VNDCXHĐ)
- Ủy-viên Bà Phạm-Thị-Hoài
Đảng CNVN
- Bà Chu-Thị-Nga
VNQĐĐTN
- Ô. Nguyễn-Thanh Trạc
Đảng CHXH
- Bà Hà-Kim-Diện
TĐCCSHHDX.
- LS. Phạm-thị-Hoài-
Trần PTQGCT.

TỔNG BỘ NGHIÊN KẾ :

Tổng ủy viên: GS. Hoàng-Cao-Nhã
LLNDKQ
Ủy-viên: GS. Mai-Kim-Đỉnh
Đảng CNVN
Ô. Đào-Van-Tú
VNDCXHĐ
Bùi-Minh-Hưng
CHXH
Nguyễn-Van-Cần
VNQĐĐT
Nguyễn-Xuân-Tình
Tập Đoàn CCSHĐX
UNG-NGOC-NGHĨA
PTQGCT

TỔNG BỘ TÀI CHÍNH

Tổng Ủy-viên: NS. Nguyễn-Thôn-Độ
(Đảng Công Nông VN)
Ủy-viên Ô. Lý-Trang
VNDCXHĐ
Đ. Nguyễn-Hữu-Thời
VNQĐĐT
Ô. Nguyễn-Van-Lẽ
PTQGCT
Ô. Phạm-Van-Ứng
LLNDKQ
- Ngô-Van-Sang
Đảng CHXH
- Nguyễn-Van-Tạo
TĐCCSHĐX

TỔNG BỘ LAO ĐỘNG

Tổng Ủy-Viên: Ô. Trần-Hoài-Bảo
VNDCXHĐ
Ủy-Viên Ô. Trần-Anh-Dũng
Đảng CNVN
- Lại Bá-Triệu
Đảng CHXH
- Nguyễn-Van-Tá
NDKQ
- LS. Trác-Quan-Trường
PTQGCT
Ô. Dương-Trung-Đông
TĐCCSHĐX.

THÀNH PHẦN BAN CHẤP HÀNH TRUNG-ƯƠNG

ĐẢNG TỰ - DO

- Ông NGUYỄN-VAN-HUYỀN : CHỦ TỊCH
- Ông NGUYỄN-GIA-HIẾN ĐỆ I. PHÓ CHỦ-TỊCH
- Ông NGUYỄN-VẠNG-THỌ ĐỆ II PHÓ CHỦ-TỊCH
- Ông LÊ-CHÂU-LỘC TỔNG THƯ KÝ
- Ông TRẦN-QUANG-NGỌC ĐỆ I PHÓ TỔNG THƯ KÝ
- Ông HUỲNH-NGỌC-DIỆP ĐỆ II PHÓ TỔNG THƯ KÝ
- Ông NGUYỄN-GIA-HIẾN TỔNG ỦY VIÊN TÀI CHÁNH (kiêm nhiệm)
- Ông NGUYỄN-VẠNG-THỌ TỔNG THỦ-QUÝ (kiêm nhiệm)
- Ông NGUYỄN-ĐỨC-XÍCH TỔNG ỦY VIÊN TỔ CHỨC
- Ông LÊ-VAN-THÔNG TỔNG ỦY-VIÊN, TUYÊN HUẤN
- Ông NGUYỄN-TỬ-BẦM TỔNG ỦY-VIÊN KẾ-HOẠCH
- Ông NGUYỄN-KIM-KHÁNH ỦY-VIÊN LIÊN LẠC

THÀNH PHẦN BAN CHẤP HÀNH TRUNG-ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG HÒA

- TỔNG BÍ THƯ : Ông TRƯƠNG-TIẾN-ĐẠT

- PHỤ-TÁ TỔNG BÍ THƯ : - Ông Y BLING BUON KRONG PANG
- Ông TRẦN-VAN-THOÀN
- Ông NGUYỄN-THỨC-TIỆP

- TỔNG ỦY-VIÊN THƯỜNG-VỤ : Ông NGUYỄN-DUY-BẢO
- TỔNG ỦY-VIÊN TỔ-CHỨC : Ông PHẠM-VIỆT-TUYỀN
- TỔNG ỦY-VIÊN TUYÊN NGHIÊN HUẤN : Ông ĐỖ-KHẮC-TRI
- TỔNG ỦY-VIÊN THÔNG-TIN BÁO-CHÍ : Ông HUỖNH-THẠNH-ĐỨC
- TỔNG ỦY-VIÊN KẾ-HOẠCH : Ông NGUYỄN-VAN-SANG
- TỔNG ỦY-VIÊN VĂN-HÓA GIÁO-DỤC : Ông BÙI-VAN-GIẢI
- TỔNG ỦY-VIÊN KINH TÀI : Ông NGUYỄN-LỘC

THƯ TỊCH

Sách tham khảo :

- NGUYỄN-VAN-BÔNG : Luật Hiến Pháp và Chính trị học,
Saigon, Thư Lâm Ấn quán 1971
- NGUYỄN-NGỌC-HUY : Lịch sử các học thuyết chính trị
Saigon, cấp tiến 1970
- TRƯƠNG-TIẾN-ĐẠT : : Hiến pháp chú thích
Saigon, Kim Lai Ấn quán 1967
- HOÀNG-XUÂN-HÀO : Luận án Tiến sĩ Phật Giáo và Chính Trị
tại VN ngày nay
Saigon, Đại Học Luật Khoa 1972
- TẠ-VAN-TÀI : Giảng van : Các vấn đề chính trị Việt-
Nam
Niên khóa 1971 - 72 tại HVQGHC
- TRẦN-THỊ HOÀI-TRÂN : Các lực lượng chính trị quyền I
chính đảng - Saigon 1972
- MAURICE **DOVERGER** : Les partis politiques Paris colin
Armand 1965

Luận Văn Tốt Nghiệp HCQGHC

- NGUYỄN-KIM-KHÁNH : Vấn đề chính đảng tại VN, Cao học 1
Hành Chánh
- PHẠM-ĐÌNH-KHUYẾN : Chính đảng tại V.N, Cao học 7
Hành Chánh
- TRẦN-VAN-QUÁ : Chính đảng và sinh hoạt chính trị VN
Độc sự khóa 17
- LÊ-TRƯỜNG-TẠI : Vấn đề kết hợp chính đảng tại VN
Độc sự khóa 17

Văn kiện pháp lý :

Đạo luật 9/69 ngày 19.6.69

Sắc luật 012/72 ngày 16.9.72

Sắc luật 060/72 ngày 27.12.72

Nghị định 807 ngày 1.8.70

Báo chí : Nhật Báo : : Chính Luận, Dân Quyền v.v...

Báo định kỳ : Nghiên cứu Hành chánh

- Cấp tiến

☞ Tập san quốc phòng

- Bách khoa.

Nội san - số 1, 2, 3, 4 của Liên Minh Dân Chủ Xã Hội

- số 4, 5 của Đảng Tự Do.

Báo ngoại quốc Express, Newsweeks, Foreign affairs
Asian survey, Paufi affairs

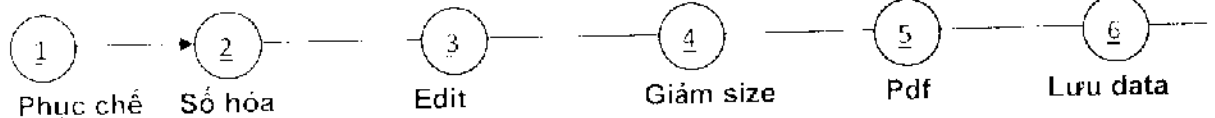
I. Thông tin về tài liệu

- Ký hiệu: LVHC 390
- Loại tài liệu: LA
- Người giao: BQ
- Hợp đồng Kế hoạch Khác (tự nhận):
- Yêu cầu scan

Tên tài liệu: Sơ kết hợp chính Đảng dưới
 Kích thước, số trang: 102 tr
 Người, ngày nhận: Qui 03.05.13

060/SLU

- Bình thường Cần file Raw Khác:



II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật:
- Người thực hiện: Thời gian:

III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

- Camera. Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Bookeyes. Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Proserv. Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Khác: Người thực hiện: TSC Thời gian: 7/5/13... Kỹ thuật:

IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian)

- Edit Giảm size PDF

IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

- Không phục vụ Phục vụ hạn chế Phục vụ rộng rãi
- Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu)